



International Strategy for Disaster Reduction



**VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ QUỐC GIA VỀ VIỆC THỰC HIỆN  
KHUNG HÀNH ĐỘNG HYOGO (2013-2015)**

*DỰ THẢO BÁO CÁO*

**Các từ viết tắt (nhiều chỗ viết tắt bằng tiếng Anh và tiếng Việt, nên thống nhất chung)**

AADMER	Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ADPC	Trung tâm Phòng tránh thảm họa Châu Á
AHA	Trung tâm Điều phối ASEAN về Hỗ trợ nhân đạo trong quản lý thảm họa
AITVN	Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
BCĐPCLBTW	Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
Bộ KH-ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ TN-MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ TT-TT	Bộ Thông tin và Truyền thông
Bộ XD	Bộ Xây dựng
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBDRM	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
CCA	Thích ứng biến đổi khí hậu
CCWG	Nhóm công tác về biến đổi khí hậu
CLA	Phương pháp lãnh đạo theo nhóm
CLQG GNTT	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020
CTĐ	Chữ Thập độ
CTMTQG UPBĐKH	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
DANA	Công cụ đánh giá thiệt hại và nhu cầu
ĐGMTCL	Đánh giá môi trường chiến lược
ĐGTĐMT	Đánh giá tác động môi trường
DIPECHO	Chương trình phòng ngừa thảm họa của ECHO
DMC	Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai
DMWG	Nhóm công tác quản lý thiên tai

DW-F	Tổ chức Hội thảo Phát triển - Pháp
ECHO	Văn phòng Hỗ trợ nhân đạo của Ủy ban Châu Âu
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GNNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
GNTT	Giảm nhẹ thiên tai
GSO	Tổng cục Thống kê
HCTĐ	Hội Chữ thập đỏ
HCTĐVN	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
VWU	Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
HFA	Khung hành động Hyogo
HVCA	Đánh giá hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực
IFRC	Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế
JANI	Sáng kiến mạng lưới làm việc chung trong cứu trợ nhân đạo
JICA	Cơ quan hỗ trợ phát triển quốc tế Nhật Bản
KHHĐ	Kế hoạch hành động
KHPT	Kế hoạch phát triển
KHPT KT-XH	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
KT-TV	Khí tượng, thủy văn
MRC	Ủy ban sông Mê Kông
NDM-P	Đôi tác giảm nhẹ thiên tai
NDRMP	Dự án Quản lý rủi ro thiên tai
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
OFDA	Viện trợ khắc phục thảm họa của USAID
PACCOM	Ban Điều phối viện trợ nhân dân
PCLB	Phòng chống lụt bão
PCPQT	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
PRA	Công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai
SCDM	Nâng cao năng lực thể chế về quản lý rủi ro thiên tai ở Việt Nam
TCTL	Tổng cục Thủy lợi
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
TTDBTT	Tình trạng dễ bị tổn thương

UBND	Ủy ban Nhân dân
UBQGTKCN	Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm và cứu nạn
UBTWMTTQ	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
UN (PCG-10)	Nhóm Điều phối Chương trình về Giảm nhẹ thiên tai và các tình trạng khẩn cấp của UN
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc
UNIFEM	Tổ chức phát triển phụ nữ của Liên hợp quốc
UNISDR	Chiến lược quốc tế về Giảm nhẹ thiên tai của Liên hợp quốc
VCA	Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương
Viện VL-ĐC	Viện Vật lý địa cầu
VOV	Đài tiếng nói Việt Nam
VTV	Đài truyền hình Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WTC	Ủy ban Bảo quốc tế

## Mục Lục

Các đối tác đa phương tham gia vào tiến trình đánh giá và giám sát khung hành động Hyogo giai đoạn 2009 -2011	8
Khung giám sát và đánh giá.....	8
Lưu ý đối với người sử dụng.....	8
Sử dụng như thế nào .....	9
<b>PHẦN 1: CÁC KẾT QUẢ.....</b>	<b>10</b>
Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 1 .....	10
Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 2 .....	12
Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 3 .....	13
<b>PHẦN 2: CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC .....</b>	<b>14</b>
Nhóm Mục tiêu chiến lược 2 .....	15
Nhóm Mục tiêu chiến lược 3 .....	16
<b>PHẦN 3: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 1</b>	
Đảm bảo giảm nhẹ rủi ro thiên tai là ưu tiên quốc gia và khu vực với cơ sở thể chế vững mạnh để thực hiện	
<b>Chỉ số đánh giá 1:</b> Đã có khung pháp lý, chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt là chính sách phân cấp, phân quyền trong quản lý giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp .....	17
<b>Chỉ số đánh giá 2:</b> <i>Đáp ứng đầy đủ nguồn lực cho việc thực hiện các kế hoạch, chương trình quản lý giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp quản lý .....</i>	20
<b>Chỉ số đánh giá 3:</b> <i>Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và sự phân quyền trong quá trình phân bổ nguồn lực và phân cấp quản lý .....</i>	21
<b>Chỉ số đánh giá 4:</b> <i>Đang trong quá trình thành lập Diễn đàn quốc gia Giảm nhẹ rủi ro thiên tai</i>	
<b>MỤC 4: HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN 2</b>	
Xác định, đánh giá và giám sát rủi ro thiên tai và tăng cường cảnh báo sớm.....	25
<b>Chỉ số đánh giá 1:</b> <i>Đánh giá rủi ro quốc gia và địa phương dựa trên dữ liệu hiện có về hiểm họa và tình trạng dễ bị tổn thương và bao gồm đánh giá rủi ro cho các lĩnh vực chính.</i>	
<b>Chỉ số đánh giá 2:</b> <i>Đã có hệ thống để theo dõi, lưu trữ và chia sẻ thông tin về các thiên tai chính và tình trạng dễ bị tổn thương. ....</i>	28
<b>Chỉ số đánh giá 3:</b> <i>Đã có hệ thống cảnh báo sớm ở tất cả các phường xã cho các loại hình thiên tai chính.....</i>	30
<b>Chỉ số đánh giá 4:</b> <i>Đánh giá rủi ro ở cấp địa phương và cấp quốc gia có tính đến rủi ro liên quan vùng miền, rủi ro xuyên biên giới với quan điểm hợp tác khu vực về giảm thiểu rủi ro. ....</i>	32
<b>PHẦN 5: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 3</b>	

Sử dụng sự hiểu biết, sự sáng tạo và giáo dục để xây dựng một nền văn hóa an toàn và giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp.....	33
<b>Chỉ số đánh giá 1:</b> <i>Đã có thông tin liên quan về các loại thảm họa, các ban ngành liên quan dễ dàng truy cập dữ liệu ở các cấp thông qua hệ thống chia sẻ dữ liệu.....</i>	34
<b>Chỉ số đánh giá 2:</b> <i>Các khái niệm và thực tiễn phòng ngừa giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai được lồng ghép vào chương trình giáo dục, sách giáo khoa, tài liệu tập huấn.....</i>	35
<b>Chỉ số đánh giá 3:</b> <i>Đã xây dựng và củng cố phương pháp nghiên cứu, công cụ đánh giá đa rủi ro, nghiên cứu về lợi ích chi phí.....</i>	37
<b>Chỉ số đánh giá 4:</b> <i>Đã có chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng toàn quốc nhằm xây dựng một "văn hoá phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai từ thành thị tới các cộng đồng nông thôn: .....</i>	38
<b>PHẦN 6: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 4</b>	
Giảm các yếu tố nguy cơ cơ bản.....	40
<b>Chỉ số đánh giá 1:</b> <i>Phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào các kế hoạch, chính sách về môi trường, bao gồm chính sách về sử dụng đất, quản lý tài nguyên, và thích ứng với biến đổi khí hậu.....</i>	40
<b>Chỉ số đánh giá 2:</b> <i>Các kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế, xã hội được thực hiện nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương của cộng đồng sống ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.....</i>	43
<b>Chỉ số đánh giá 4:</b> <i>Các yếu tố liên quan đến phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch, quản lý các khu dân cư, bao gồm các tiêu chuẩn về xây dựng nhà an toàn.....</i>	46
<b>Chỉ số đánh giá 5:</b> <i>Các giải pháp giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào quá trình khắc phục hậu quả thiên tai và tái thiết sau thiên tai.....</i>	48
<b>Chỉ số đánh giá 6:</b> <i>Đã có các quy định hướng dẫn và yêu cầu đánh giá tác động về rủi ro thiên tai cho các dự án phát triển lớn, đặc biệt là các dự án về cơ sở hạ tầng.....</i>	50
<b>PHẦN 7: ƯU TIÊN CHO HÀNH ĐỘNG 5</b>	
Tăng cường công tác phòng chống thiên tai để ứng phó hiệu quả ở tất cả các cấp.....	50
<b>Chỉ số đánh giá 1:</b> <i>Đã có chính sách, năng lực, thể chế, chuyên môn và các cơ chế rõ ràng về quản lý rủi ro với quan điểm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại chỗ .....</i>	51
<b>Chỉ số đánh giá 2:</b> <i>Các cấp đã có kế hoạch dự phòng và phòng tránh thiên tai, thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập để kiểm tra và xây dựng các chương trình ứng phó thiên tai .....</i>	53
<b>Chỉ số đánh giá 3:</b> <i>Đã có cơ chế ứng phó và tài chính dự trữ nhằm ứng phó và phục hồi sau thiên tai một cách hiệu quả.....</i>	55
<b>Chỉ số đánh giá 4:</b> <i>Đã có cơ chế chia sẻ thông tin trong khi thiên tai xảy ra và thông tin đánh giá tình hình sau thiên tai.....</i>	56
<b>PHẦN 8: CÁC YẾU TỐ CẦN THIẾT DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG .....</b>	
a. Phương pháp tiếp cận tổng hợp đa hiểm họa để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và phát triển .....	58
b. Thể chế hoá và lồng ghép yếu tố giới trong phòng ngừa và ứng phó thiên tai .....	59
c. Tăng cường và nâng cao năng lực giảm thiểu rủi ro và phục hồi sau thiên tai .....	60

d. Các phương pháp tiếp cận về công bằng xã hội và an sinh được lồng ghép vào các hoạt động giảm nhẹ rủi ro và phục hồi sau thiên tai ..... 62

e. Hợp tác, cộng tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội dân sự, khối tư nhân, và các tổ chức liên quan khác được củng cố ở tất cả các cấp ..... 63

**PHẦN 9: TẦM NHÌN TƯƠNG LAI ..... 66**

Nhóm tầm nhìn 1 ..... 67

Nhóm tầm nhìn 2 ..... 68

Nhóm tầm nhìn 3 ..... 69

**PHẦN 10: CÁC BÊN LIÊN QUAN**

## **Các đối tác đa phương tham gia vào tiến trình đánh giá và giám sát khung hành động Hyogo giai đoạn 2009 -2011**

### **Khung giám sát và đánh giá**

#### **Lưu ý đối với người sử dụng**

---

Giám sát HFA là một công cụ trực tuyến để nắm bắt các thông tin về tiến độ HFA do các đối tác thực hiện và đánh giá. Mục đích chính của công cụ này là để hỗ trợ các quốc gia theo dõi và đánh giá tiến độ và những thách thức trong quá trình thực hiện giảm rủi ro thiên tai và các hoạt động phục hồi được thực hiện ở cấp quốc gia, phù hợp với các ưu tiên của Khung hành động Hyogo

Công cụ HFA được thiết kế, điều phối bởi Ban Thư ký UNISDR và được lưu trữ trực tuyến tại trang thông tin điện tử: [www.preventionweb.net](http://www.preventionweb.net). Đầu vào của công cụ trực tuyến sẽ dẫn đến quá trình đánh giá toàn diện tiến trình thực hiện khung hành động này tại quốc gia và mỗi quốc gia có quyền truy cập dễ dàng thông tin về rủi ro thiên tai và phân tích về sự tiến bộ trong tương lai.

Cơ quan đầu mối/cán bộ đầu mối quốc gia được chỉ định có quyền truy cập vào công cụ giám sát trực tuyến HFA kể từ tháng 5 năm 2008. Các đầu mối được cung cấp một tài khoản người dùng và mật khẩu từ Ban Thư ký UNISDR cho phép truy cập vào công cụ trực tuyến này.

Có thể truy cập vào công cụ giám sát HFA tại cổng thông tin điện tử

<http://www.preventionweb.net/english/hyogo/hfa-monitoring/>

Tài liệu này là một mẫu đề xuất, là một định dạng làm việc mà đầu mối quốc gia có thể sử dụng để thực hiện các quá trình tham vấn quốc gia nhằm đánh giá tiến độ và những thách thức trong việc thực hiện giảm thiểu rủi ro và các hoạt động phục hồi. Mẫu này sẽ giúp bạn thảo luận và ghi lại các ý kiến đóng góp từ các đối tác khác nhau một cách có hệ thống.

Mẫu này chính là định dạng của công cụ trực tuyến HFA và sẽ cung cấp cho bạn cơ hội để làm quen với các yêu cầu của công cụ trực tuyến này. Như vậy, chúng tôi đề nghị các nước nên sử dụng mẫu này trong quá trình tham vấn tại quốc gia, để kết quả sau đó có thể được đưa lên công cụ giám sát trực tuyến HFA.

Các biểu mẫu giám sát HFA đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Ả Rập và tiếng Nga. Xin vui lòng liên hệ với Văn phòng khu vực ISDR để có các tài liệu và thông tin liên quan.

Chúng tôi hy vọng khung giám sát HFA sẽ hỗ trợ sứ mệnh của bạn trong công tác giảm thiểu rủi ro thiên tai ở tất cả các cấp



## Sử dụng như thế nào

---

Công cụ giám sát trực tuyến HFA có 10 phần cần được điền vào, các phần đều có chung một mẫu định dạng. Mỗi phần bao gồm các tiêu mục khác nhau, như được liệt kê dưới đây.

Tất cả các phần có một giới thiệu để xác định phạm vi của phần này, làm nổi bật ý nghĩa của nó và hướng dẫn bạn làm thế nào để điền vào các tiêu mục.

Khi bạn truy cập vào công cụ giám sát trực tuyến HFA, sẽ có ghi chú hướng dẫn người sử dụng chi tiết để hỗ trợ bạn sử dụng công cụ trực tuyến này.

1. Hãy tự làm quen về tổng quan của các phần và tiêu mục.
2. Mỗi tiêu mục có các lĩnh vực bắt buộc. Nghĩa là: bạn sẽ được yêu cầu để điền một số thông tin tối thiểu trong mỗi tiêu mục để hoàn thành báo cáo trực tuyến.
3. Bạn có thể hoàn thành các phần và tiêu mục theo thứ tự nào đó để tạo điều kiện thu thập thông tin, tham vấn đối tác và phân tích.
4. Trong phần 1, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp các kết quả về các mục tiêu chiến lược đã nêu 2007-2009 xem xét trong giai đoạn này. *(Phần này chỉ giành cho những quốc gia đã hoàn thành báo cáo tiến độ HFA giai đoạn 2007-2009).*
5. Trong phần 2, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp một tuyên bố về trọng điểm quốc gia hiện nay đối với ba mục tiêu chiến lược được thông qua trong HFA. *(Đây sẽ là phần đầu tiên giành cho các quốc gia khi bắt đầu tiến trình đánh giá lần đầu tiên).*
6. Phần 3 - 7 sẽ giúp bạn đánh giá mức độ tiến bộ đạt được liên quan đến việc thực hiện các hoạt động chính như đã nêu trong năm ưu tiên Khung hành động của HFA.
7. Phần 8 sẽ giúp bạn đánh giá các lĩnh vực hoặc các vấn đề cụ thể đóng vai trò như người điều khiển hoặc chất xúc tác để đạt được tiến bộ đáng kể trong việc giảm rủi ro thiên tai và phục hồi ở cấp quốc gia và địa phương.
8. Phần 9 sẽ giúp bạn phác thảo tổng thể thách thức gặp phải trong việc thực hiện các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa quốc gia và địa phương, đánh giá lại ưu tiên hiện nay để cung cấp một báo cáo về triển vọng tương lai của đất nước liên quan đến các mục tiêu giảm nhẹ rủi ro thảm họa quốc gia.
9. Trong phần 10, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết của các bên liên quan tham gia trong quá trình đánh giá tiến bộ tổng thể. Cung cấp thông tin của tất cả các bên liên quan đã góp phần vào tiến trình đánh giá.

### **Để tham khảo nhanh chóng: Tổng quan về các phần và tiêu mục**

Phần 1 : Các kết quả	3 tiêu mục
Phần 2: Các mục tiêu chiến lược	3 tiêu mục
Phần 3: Ưu tiên cho hành động 1	4 tiêu mục
Phần 4: Ưu tiên cho hành động 2	4 tiêu mục
Phần 5: Ưu tiên cho hành động 3	4 tiêu mục

Phần 6: Ưu tiên cho hành động 4	6 tiểu mục
Phần 7: Ưu tiên cho hành động 5	4 tiểu mục
Phần 8: Các nhân tố chính của tiến trình	6 tiểu mục
Phần 9: Tầm nhìn tương lai	3 tiểu mục
Phần 10: Các đối tác	

## PHẦN 1: CÁC KẾT QUẢ

- A. Phần này sẽ chỉ dành cho các quốc gia đã kết thúc quá trình đánh giá trong quy trình báo cáo giai đoạn 2007- 2009.
- B. Mục tiêu của phần này là tuyên bố các kết quả đã đạt được theo các mục tiêu chiến lược quốc gia đã đặt ra trong quy trình đánh giá tiến độ trước đây, trong đó thể hiện được những hoạt động đã triển khai trong khuôn khổ 5 phạm vi ưu tiên.
- C. Đề nghị giữ lại các tuyên bố mục tiêu chiến lược quốc gia trong báo cáo quốc gia về tiến độ thực hiện “Khung hành động Hyogo” giai đoạn 2007-2009 để tiện tham khảo.
- D. Các quốc gia tham gia vào quá trình đánh giá lần đầu tiên sẽ bắt đầu quá trình đánh giá từ phần ‘Các mục tiêu chiến lược quốc gia’.

### *Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 1*

#### **Tuyên bố kết quả**

Trong giai đoạn này, chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc lồng ghép vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) vào các khuôn khổ chính sách, chiến lược, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KHPT KT-XH) tại cấp tỉnh và quốc gia trong giai đoạn 2011-2015 và các kế hoạch giai đoạn 2011-2020 cũng đã lồng ghép một số yếu tố về giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Triển khai Chiến lược quốc gia về Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (2007), Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu (2009) và Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (2009) tiếp tục quá trình giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT) của cộng đồng dân cư, đặc biệt là các khu vực và các ngành dễ bị ảnh hưởng bởi các hiểm họa và thảm họa thiên nhiên có liên quan đến BĐKH. Chính sách mới được xây dựng là Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu (2011) và việc thành lập Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu (NCCC) đã đặt nền tảng cho việc xây dựng Luật Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai để đi vào có hiệu lực từ ngày 1/5/2014. Đây là một dấu mốc quan trọng của Việt Nam trong nỗ lực giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Hiện tại, hầu hết các Bộ, ngành (bao gồm tất cả các Bộ, ngành có lãnh đạo Bộ là thành viên của Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương (BCĐPCLBTW) đều đã xây dựng Kế hoạch về lồng ghép nội dung QLRTT vào các lĩnh vực của ngành mình. Tất cả 63 tỉnh, thành trên cả nước cũng đã xây dựng Kế hoạch hành động (KHHD) Quản lý rủi ro thiên tai.

Các nỗ lực tập trung vào các biện pháp phi công trình như tập huấn, bản đồ rủi ro,... được tiếp tục triển khai trong khuôn khổ Đề án CBDRM. Tuy nhiên, Quản lý rủi ro thiên tai vẫn còn chủ yếu dựa vào các biện pháp công trình. Ngân sách giành cho các biện pháp phi công trình về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai vẫn còn tương đối hạn chế. Mặc dù CLQG GNTT có quy định việc GNRRTT cần được

lồng ghép trong các kế hoạch, nhưng cần có văn bản hướng dẫn mang tính pháp lý cụ thể cũng như các công cụ để hỗ trợ quá trình lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai (đặc biệt là các biện pháp phi công trình) trong việc lập kế hoạch ở các cấp địa phương. Hiện tại, Bộ Kế hoạch và đầu tư được chính phủ giao cho chủ trì xây dựng Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội tại Quyết định 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014.

Về khả năng bảo đảm an toàn của các công trình xây dựng khi xảy ra thiên tai, Bộ Xây dựng (Bộ XD) đã ban hành Bộ Quy chuẩn xây dựng với hơn 1.000 tiêu chuẩn (trong đó có hơn 10 tiêu chuẩn liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai) và tiếp tục ban hành bộ số liệu về khí tượng, thủy văn (KT-TV) và đặc điểm thiên tai của các vùng miền cùng với các thiết kế xây dựng công trình tương ứng được sử dụng. Bộ XD cũng đã ban hành một số mô hình nhà ở có khả năng chịu đựng được với bão, lũ để phổ biến cho các tỉnh áp dụng thí điểm. Nhìn chung, các tiêu chuẩn xây dựng đã được Bộ XD ban hành là tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, mỗi khi có thiên tai lớn xảy ra, các công trình công cộng và nhà dân vẫn bị hư hỏng nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do việc chấp hành các quy chuẩn xây dựng chưa cao; hiệu lực thực thi các quy chuẩn an toàn của các công trình chống chịu với bão lũ chưa nghiêm; với các công trình do dân tự đầu tư xây dựng thì nguyên nhân chính là do nguồn kinh phí hạn hẹp. Mặt khác, việc phát triển cơ sở hạ tầng không ít trường hợp đã tranh thủ thi công trước khi được cấp phép xây dựng, do đó nhiều công trình chưa qua thẩm định, đánh giá kỹ thuật bắt buộc.

Một số dự án cấp quốc gia, cấp khu vực hoặc cấp tỉnh tập trung vào việc di dời những cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương bởi thiên tai đã và đang được triển khai tích cực ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, khu vực miền Trung và nhiều tỉnh khác. Quyết định 193/2006 của Thủ tướng Chính phủ nhằm bố trí và sắp xếp lại dân cư 150.000 hộ sống trong vùng có nguy cơ cao về thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo, vùng xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng và di cư tự do trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2010 và định hướng đến năm 2015. Mục tiêu của giai đoạn 2006 – 2010 là di dời 75.000 hộ. Đây là một chương trình di dời dân cư lớn nhất từ trước đến nay. Từ 2007-2011, đã có 270 dự án được triển khai với tổng số vốn là 164 triệu USD và di dời 90.000 hộ gia đình. Năm 2012, chính phủ Việt Nam tiếp tục ban hành Quyết định 1776 về việc bố trí 160.000 hộ ở các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020, trong đó 55.900 hộ dự kiến sẽ được bố trí ổn định chỗ ở trong thời gian 2013-2015. Chương trình này thay thế cho Chương trình trước đó được quy định tại Quyết định 193/2006. Theo công văn 348/TB-VPCP ngày 24 tháng 8 năm 2014, riêng số hộ dân đã được di dời khỏi khu vực có nguy cơ bị thiên tai do lũ quét và sạt lở đất theo Chương trình bố trí dân cư của chính phủ tại Quyết định 193 và 1776 là 71.413 hộ.

Một số ví dụ gần đây có thể kể đến như: việc di dời các hộ dân sống ngoài khu vực đê biển ở Thái Bình; ở tỉnh An Giang 200 cụm dân cư sống ở khu vực ngập sâu đã được tái định cư và đang tiếp tục xây dựng thêm 40 cụm dân cư mới cho người dân sống ở vùng dễ bị sạt lở; tại tỉnh Lào Cai, dân cư đã được di dời khỏi các khu vực thường xảy ra lũ quét; tại tỉnh Ninh Thuận, 200 hộ gia đình đã được di chuyển khỏi các khu vực ven biển thường xuyên bị sụt lở đất. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể người dân sống ở các khu vực có nguy cơ thiên tai cao vẫn chưa được di dời và cần thêm sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ. Trong một số trường hợp, các mô hình nhà ở tái định cư đã không được người dân đón nhận do chưa thực sự phù hợp với đặc điểm sinh hoạt, tập quán, văn hóa của một số cộng đồng (ví dụ như các cụm, tuyến dân cư ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long).

Viện Vật lý địa cầu (Viện VL-ĐC) đã xuất bản Bản đồ phân vùng động đất trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Các yêu cầu kỹ thuật xây dựng đối với các công trình có khả năng chịu được động đất cũng đã

được Bộ XD ban hành, nhưng theo ý kiến Bộ XD cần được tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam.

## ***Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 2***

### **Tuyên bố kết quả**

Chiến lược Quốc gia Phòng tránh và GNTT đến năm 2020 nhấn mạnh tăng cường các cơ quan lãnh đạo về QLRRTT tại các Bộ, ngành, quốc gia và địa phương.

Trong năm 2009, Quyết định 76/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã thông qua việc tăng cường chức năng và tổ chức của Ủy ban quốc gia về tìm kiếm cứu Hộ (VINASARCOM) và ở các cấp thấp hơn.

Trong năm 2010, Nghị định 14/2010/NĐ-CP đã được thông qua nhằm tăng cường hệ thống phòng, chống lụt bão từ trung ương đến địa phương. Văn bản này đã làm rõ, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của BCĐPCLBTW và Ban Chỉ huy PCLB-TKCN ở các Bộ, ngành và tỉnh.

Cũng vào đầu năm 2010, Nghị định 75/2009/NĐ-CP đã được thông qua về việc thành lập Tổng cục Thủy lợi và Quyết định số 14/2010/QĐ-TCTL về việc thành lập Trung tâm Phòng tránh và GNTT (DMC). Quyết định quy định trách nhiệm lớn hơn về quản lý rủi ro thiên tai và kiểm soát định hướng chiến lược, ngân sách và các nguồn lực khác.

Đã có một số tiến bộ nhất định trong các Bộ, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD & ĐT) và Bộ Y tế về thiết lập cơ cấu thể chế mạnh hơn để ứng phó với thảm họa và GNRRTT và xây dựng kế hoạch hành động của mình đến năm 2020 theo Chiến lược quốc gia Phòng tránh và GNTT.

Cải tiến để dự báo dài hạn đang được thực hiện để có thể cảnh báo bão trước 72 tiếng. Từ năm 2010, có đã có sự đầu tư đáng kể để phát triển hệ thống cảnh báo sớm (EWS) với nguồn Hỗ trợ phát triển nước ngoài và của Chính phủ Việt Nam đồng tài trợ (ví dụ 2 tỷ Yên từ Chính phủ Nhật Bản cho Bộ Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường (Bộ TNMT) nhằm tăng cường năng lực cho dự báo và cảnh báo sớm). Quyết định 986/2010/QĐ-TTg đã phê duyệt kế hoạch hiện đại hóa công nghệ dự báo và mạng lưới các trạm đo. Khả năng dự báo lũ lụt đã được cải thiện do đã cài đặt được một số lượng lớn các trạm quan trắc thủy văn. Tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư để nâng cao năng lực kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết để dự báo lũ quét, đặc biệt ở các vùng sâu vùng xa, vùng núi. Hiện đã có một số tiến bộ về dự báo hạn hán, tuy nhiên, hạn hán thường xuyên liên quan đến quản lý tài nguyên nước địa phương là phức tạp bởi liên quan đến nhiều bên liên quan khác nhau, và đôi khi có các nhu cầu cạnh tranh (ví dụ như nhu cầu về thủy điện và thủy lợi).

Một số kịch bản về BĐKH đã được xây dựng cho Việt Nam (ví dụ như Kịch bản BĐKH và nước biển dâng của Bộ Tài Nguyên và Môi trường năm 2009) và các tỉnh/khu vực (như Cà Mau, Thừa Thiên Huế và đồng bằng sông Cửu Long) trong năm 2011 để xác định các tác động tiềm tàng của mực nước biển dâng đối với các khu dân cư thành thị lớn, cơ sở hạ tầng giao thông cũng như cộng đồng nông thôn.

Trong Quyết định 264/2006/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Viện Vật lý Địa cầu chịu trách nhiệm xây dựng mạng lưới các trạm đo để theo dõi, báo tin động đất và cảnh báo sóng thần. Đến nay đã xây dựng được 5 trạm ở các vị trí có ý nghĩa chiến lược và 6 trạm tiếp theo được dự kiến hoàn thành trước năm 2015. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 78/2007/QĐ-TTg ban hành Quy

chế phòng chống động đất, sóng thần. Theo đó, 25 kịch bản về ứng phó với sóng thần đã được xây dựng.

Chiến lược quốc gia Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai đặt ra mục tiêu đến năm 2020, đảm bảo 100% các cán bộ địa phương, các cán bộ làm việc trong lĩnh vực QLRRTT đều được tập huấn. Hoạt động này đã đạt được một số kết quả với việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1002/2009/QĐ-TTg phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong đó có quy định việc xây dựng năng lực, tập huấn và nâng cao nhận thức cho các cán bộ ở các khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Một số Bộ và tỉnh hiện đã phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định 1002 về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và một số tỉnh khác đã bắt đầu các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, các kế hoạch này mới chỉ đưa ra ngân sách dự kiến cho mỗi hoạt động được yêu cầu mà chưa làm rõ các hoạt động cụ thể sẽ được tiến hành như thế nào cũng như đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện. Kế hoạch tổng thể đề ra mục tiêu đào tạo cho cán bộ của 6000 xã (hơn 1/2 tổng số xã trên toàn quốc) trước năm 2020. Trung tâm Phòng tránh và GNTT là cơ quan đầu mối giúp Bộ NN&PTNT và BCD PCLBTW chủ trì tổ chức thực hiện Đề án. Tính đến tháng 9/2014, Trung tâm đã đào tạo được 1044 giảng viên cấp tỉnh về CBDRM cho 63 tỉnh, thành của cả nước. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã tiến hành đào tạo thí điểm xuống đến cấp huyện cho 15 huyện của tỉnh Kiên Giang với 106 giảng viên cấp huyện và 59 cán bộ cấp xã về Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực của cộng đồng và xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ. Cùng với sự hỗ trợ của dự án SCDM II, đến cuối tháng 9 năm 2014 sẽ có khoảng 480 cán bộ của 32 xã thuộc 15 tỉnh sẽ được tập huấn về CBDRM. Theo kế hoạch, đến cuối năm 2014 sẽ có khoảng 810 cán bộ xã của 54 xã thuộc 20 tỉnh của dự án được tập huấn về CBDRM và thực hiện Đánh giá rủi ro thiên tai để xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai. Ngoài 54 xã do dự án SCDM II hỗ trợ trong năm 2014 còn có khoảng 600 xã khác đã được các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam hỗ trợ thực hiện Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai.

**Quyết định 1002** về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cũng chú trọng đến hoạt động tăng cường nhận thức (mục tiêu đặt ra là 70% cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương trước thiên tai sẽ được phổ biến thông tin về giảm nhẹ rủi ro thiên tai). Hiện tại, chưa có số liệu về việc phổ biến thông tin mặc dù đã có một số sáng kiến của Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế (đặc biệt là của các tổ chức AusAid, DIPECHO, Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác) ở nhiều khu vực thuộc các địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi thiên tai trên cả nước. Tuy nhiên, thông qua các đợt đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại các thôn/ấp/bản của các xã, một số lượng lớn người dân địa phương sẽ được giải thích về CBDRM, do đó, nhận thức của họ về vấn đề thiên tai nâng cao. Gần đây, Bộ NN & PTNT đã ban hành bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Chương trình 1002 tại Quyết định 742/2014/BNN-TCTL ngày 14/4/2014. Trung tâm PT&GNTT dưới sự hỗ trợ của tổ chức Plan International – Việt Nam đã xây dựng được phần mềm theo dõi và đánh giá trực tuyến để thu thập và lưu trữ các thông tin cho bộ chỉ số của chương trình và sẽ sớm được đưa vào sử dụng.

### ***Kết quả chiến lược cho Mục tiêu 3***

#### **Tuyên bố kết quả**

Từ nhiều năm trước, Việt Nam đã xây dựng cơ chế cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn và gần đây cơ chế này đang ngày càng được cải thiện với việc ban hành Quyết định 14/2010/QĐ-TTg và

76/2009/QĐ-TTg. Quyết định 76/2009/QĐ-TTg đưa ra một danh sách các dự án và quy trình mua sắm các trang thiết bị thiết yếu cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn. Các thiết bị này đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực ứng phó với thiên tai. Bên cạnh đó cũng cần triển khai đào tạo cho các cán bộ làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn và Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam (HCTĐVN), đơn vị có trách nhiệm chính trong lĩnh vực này, đảm nhận các hoạt động tập huấn và tập huấn nhắc lại trên cả nước.

Với tình trạng dễ bị tổn thương của cộng đồng dân cư ven biển, những nỗ lực giảm nhẹ rủi ro thiên tai đặc biệt chú trọng vào việc xây dựng hệ thống đê biển. Thời gian gần đây, Việt Nam đang triển khai dự án củng cố và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam (giai đoạn 1) và từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang (giai đoạn 2), bao gồm toàn bộ duyên hải của Việt Nam trong kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2009.

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT-TT) đã xây dựng Luật về tần số vô tuyến điện cho ngư dân và yêu cầu tất cả các tàu cá phải trang bị máy ICOM với sự hỗ trợ từ vốn ngân sách. Một dự án của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2009-2015 đang nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai các trạm di động để hỗ trợ cho công tác tìm kiếm cứu nạn các vùng ven biển/ven sông trên cả nước. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã xây dựng bản đồ quốc gia tìm kiếm cứu nạn trên biển. Công ty thông tin duyên hải đã xây dựng 32 trạm dọc bờ biển Việt Nam. Dự án của Bộ Thông tin và Truyền thông đã kết hợp với các trạm này cung cấp các hệ thống cảnh báo hiệu quả với chi phí hợp lý cho ngư dân. Một ví dụ cụ thể là 10% trong số 2.500 tàu đánh cá ở Ninh Thuận được trang bị máy ICOM có khả năng truyền tin trong phạm vi 500km. Đối với các tàu đánh cá gần bờ, việc thông tin liên lạc có thể được thực hiện hiệu quả qua điện thoại di động và các đài phát thanh sóng ngắn, v.v... Tỉnh Ninh Thuận cũng đã xây dựng được 3 trạm truyền thanh duyên hải để liên lạc với khoảng 90% tàu thuyền.

Công tác quản lý an toàn các hồ chứa và đập đã có bước tiến quan trọng là sự thống nhất giữa Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương trong vận hành các hồ chứa ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung.

Về hoạt động tái thiết và phục hồi sau thảm họa, Việt Nam hiện chưa có một quỹ ủy thác tái thiết sau thiên tai và còn có sự khác biệt lớn đối với nguồn kinh phí tái thiết sau thiên tai. Hợp phần tái thiết sau thiên tai của dự án NDRMP của Ngân hàng Thế giới sẽ nhận được nguồn kinh phí bổ sung là 75 triệu USD giúp giảm bớt sự chênh lệch trong ngân hạn, trong khi các biện pháp tài chính bền vững khác được phát triển.

Bộ Xây dựng đã thiết kế một số mô hình công trình/nhà ở có khả năng an toàn trước thiên tai nhưng nhìn chung vẫn còn thiếu nguồn lực để có thể áp dụng các tiêu chuẩn và kỹ thuật này. Đối với các hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai, nguyên nhân của việc không áp dụng các quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật thường do chi phí xây dựng một ngôi nhà có khả năng chịu đựng với thiên tai khá cao, do nhận thức của người dân còn thấp hay do những khó khăn trong việc mua sắm các vật liệu xây dựng phù hợp.

## **PHẦN 2: CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

### ***Nhóm mục tiêu chiến lược 1***

*Nâng cao hiệu quả lồng ghép công tác quản lý thiên tai vào các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển bền vững ở tất cả các cấp đặc biệt nhấn mạnh công tác phòng chống, giảm nhẹ, ứng phó và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương.*

## **Tuyên bố Mục tiêu chiến lược**

*Quản lý thiên tai bao gồm phòng tránh, ứng phó và phục hồi sau thiên tai được đảm bảo thông qua việc lồng ghép quản lý thiên tai như mục tiêu chính cho quá trình phát triển bền vững kinh tế - xã hội quốc gia, an ninh, quốc phòng. (Chiến lược Quốc gia 2012).*

Thông qua kế hoạch hành động cấp tỉnh và cấp Bộ, xác định nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể đối với các biện pháp nhằm lồng ghép có hiệu quả giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các chính sách phát triển bền vững và lập kế hoạch ở tất cả các cấp.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 ghi nhận rằng "thiên tai và dịch bệnh được dự báo thay đổi một cách phức tạp và biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và thiên tai sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển của đất nước", và đưa ra các mục tiêu nhằm "tiếp tục các chương trình xóa đói giảm nghèo để phát triển bền vững"; và "chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu".

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015 không chỉ tập trung vào các biện pháp công trình như đê sông, biển, các công trình thủy lợi, hồ chứa và cơ sở hạ tầng khác để phòng chống thiên tai mà còn cảnh báo sớm, di dân từ các khu vực bị thiên tai, nghiên cứu về các hiểm họa khác nhau, rừng ngập mặn và các biện pháp khác. Lồng ghép biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường vào chiến lược, chương trình và kế hoạch hành động phát triển kinh tế - xã hội, được đề cập cụ thể, nhưng chưa có nội dung chi tiết về giảm rủi ro thiên tai.

Thực hiện giảm nhẹ rủi ro thiên tai thông qua Chiến lược biến đổi khí hậu quốc gia (12/2011) trong bối cảnh biến đổi khí hậu và thực hiện các hành động chiến lược trong những năm tới về cảnh báo sớm, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, rừng ngập mặn và tái trồng rừng, phòng tránh thiên tai và nâng cao nhận thức.

Xây dựng kế hoạch quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cụ thể cho các vùng bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu (ví dụ như nước biển dâng và sự gia tăng trong các hiểm họa liên quan đến thời tiết) và suy thoái môi trường, bao gồm cả đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và các vùng ven biển ở miền Trung Việt Nam.

Điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương theo các rủi ro biến đổi khí hậu và những bất ổn.

Rủi ro liên quan đến thời tiết là thách thức đối với cơ sở hạ tầng của đất nước.

Tính cấp thiết của Chiến lược Đánh giá Môi trường (SEA) cho tất cả các chương trình, kế hoạch, chính sách cấp quốc gia (theo Luật Bảo vệ môi trường (2005) có mục tiêu là thể chế hóa quá trình SEA và xem giảm nhẹ rủi ro thiên tai là một vấn đề môi trường hoặc phát triển bền vững .

## **Nhóm Mục tiêu chiến lược 2**

*Phát triển và nâng cao thể chế, cơ chế và năng lực các cấp đặc biệt là cấp cộng đồng nhằm xây dựng cộng đồng thích ứng với thiên tai một cách có hệ thống.*

## **Tuyên bố Mục tiêu chiến lược**

*"Cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân, các tổ chức, cá nhân nước ngoài sống trên lãnh thổ Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai".*

Chính phủ Việt Nam cam kết đầu tư cho việc xây dựng năng lực phòng tránh và GNRRTT, đảm bảo đến năm 2020, 100% các cán bộ trực tiếp làm việc trong lĩnh vực này ở tất cả các cấp đều được tập huấn.

Luật phòng, chống thiên tai được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 19/6/2013 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/5/2014 là cơ sở pháp lý cao nhất trong lĩnh vực PCTT ở Việt Nam nhằm tăng cường cơ cấu thể chế và tổ chức của các cơ quan làm trong lĩnh vực phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, quy định trách nhiệm, cơ chế phối hợp và hỗ trợ giảm nhẹ rủi ro thiên tai của các cơ quan từ trung ương đến địa phương và quy định các nguyên tắc hợp tác quốc tế trong PCTT. Lần đầu tiên Việt Nam đã thống nhất và luật hóa được khái niệm “thiên tai” và 19 loại hình thiên tai ở Việt Nam, quy định thành lập một cơ quan chuyên trách về PCTT.

Song song với Luật PCTT, chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 66/2014/NĐ-CP để hướng dẫn cụ thể hơn việc thực hiện một số điều của Luật PCTT, Quyết định 46/2014/QĐ-TTg quy định về việc dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai, Quyết định 44/2014/QĐ-TTg quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai cho 19 loại hình thiên tai theo Luật PCTT và bổ sung thêm một số loại hình thiên tai khác.

Quyết định phê duyệt Chương trình Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, thúc đẩy việc áp dụng các mô hình hiệu quả của quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và xây dựng năng lực liên quan đồng thời nâng cao nhận thức cho cộng đồng để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai, góp phần bảo đảm phát triển bền vững, quốc phòng, an ninh. Hơn nữa, tất cả các làng, xã trong vùng có nguy cơ thiên tai cần có kế hoạch phòng chống thiên tai, thông tin và hệ thống thông tin liên lạc, các lực lượng nòng cốt trong giảm nhẹ thiên tai, và đội ngũ tình nguyện viên hướng dẫn và hỗ trợ trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Chính phủ đã phê duyệt bộ tài liệu tập huấn về GNRRTT và TƯ BĐKH và thực hiện chương trình đào tạo ở 63 tỉnh.

Trong năm 2014, Bộ NN&PTNT cũng đã ban hành hai cuốn tài liệu về QLRRTT-DVCD và ĐGRRTT-DVCD dành cho cấp xã.

Mục tiêu trong những năm tới là tập trung đẩy mạnh công tác thực hiện QLRRTT-DVCD ở cấp cộng đồng, trong đó, ưu tiên các tỉnh bị ảnh hưởng nhiều do thiên tai.

### ***Nhóm Mục tiêu chiến lược 3***

*Lồng ghép một cách có hệ thống công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả tại các cộng đồng bị ảnh hưởng*



## Tuyên bố Mục tiêu chiến lược

*“Công tác phục hồi sau thiên tai cần được kết hợp với việc tái thiết và nâng cấp để đảm bảo phát triển bền vững của từng khu vực và từng ngành” (Chiến lược quốc gia 2020).*

Phát triển và phổ biến *Hướng dẫn về ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm* được Chính phủ ban hành (2011) để cải thiện công tác ứng phó với thiên tai và các hoạt động phục hồi và tăng khả năng phục hồi từ ngay từ giai đoạn đầu khi thiên tai xảy ra.

Sử dụng các giải pháp quản lý rủi ro thiên tai để huy động các nguồn lực tài chính cho việc phục hồi, tái thiết nhanh chóng và đảm bảo phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong ứng phó với biến đổi khí hậu và sự xuất hiện ngày càng gia tăng và mức độ nghiêm trọng của thiên tai.

Đòi hỏi đầu tư hơn nữa các nguồn lực để đảm bảo rằng các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thiên tai được "xây dựng lại tốt hơn" có cơ chế và hệ thống để phục hồi sau thiên tai, tuân thủ và thực thi các tiêu chuẩn quốc tế và các quy định, được thực hiện trong khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai khác nhau.

### PHẦN 3: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 1

**Đảm bảo giảm nhẹ rủi ro thiên tai là ưu tiên quốc gia và khu vực với cơ sở thể chế vững mạnh để thực hiện**

#### Chỉ số đánh giá 1:

Đã có khung pháp lý, chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt là chính sách phân cấp, phân quyền trong quản lý giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp

#### Mức độ đạt được:

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

**Câu hỏi: GNRRTT đã được lồng ghép trong các chiến lược và kế hoạch phát triển chưa? Có**

#### Các chỉ số kiểm chứng

- Chiến lược phát triển Quốc gia
- Chiến lược và Kế hoạch phát triển ngành
- Chiến lược và chính sách BDKH
- Chính sách và chiến lược giảm nghèo
- CCA/ UNDAF (Đánh giá chung quốc gia/ Khung hỗ trợ phát triển của LHQ)

#### Mô tả

Trong 5 năm qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp quy, chiến lược, kế hoạch quan trọng liên quan đến phòng tránh, ứng phó, GNRRTT và BĐKH, bao gồm:

- Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (ban hành năm 2007) kèm theo kế hoạch hành động.
- Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (2007) (NTP – RCC).
- Quyết định 1002/2009/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (2009).
- Luật phòng, chống thiên tai năm 2013.
- Nghị định 66/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật PCTT.
- Quyết định 46/2014/QĐ-TTg quy định về việc dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.
- Quyết định 44/2014/QĐ-TTg quy định chi tiết cấp độ rủi ro thiên tai.
- Và một loạt các Nghị định nhằm nâng cao, kiện toàn cơ cấu tổ chức, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của BCĐPCLBTW, UBQGTKCN và BCHPCLB&TKCN ở các Bộ, ngành và các cấp địa phương (Nghị định 14/2010/NĐ-CP, Quyết định 76/2009/QĐ-TTg), việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, (Nghị định 64/2008/NĐ-CP, Nghị định 67/2007/NĐ-CP, Quyết định 142/2009/QĐ-TTg).

Trong những văn bản nêu trên, Luật PCTT, Chiến lược quốc gia PT&GNTT và CTMTQG UPBĐKH là các văn bản quan trọng nhất thể hiện rõ sự đổi mới về quan điểm, phương pháp tiếp cận về phòng tránh, ứng phó, GNRRTT, đồng thời cũng đề cập cụ thể vấn đề QLRRTT và thúc đẩy mạnh mẽ việc lồng ghép nội dung phòng tránh, ứng phó, GNRRTT vào kế hoạch, quy hoạch phát triển KT-XH ở tất cả các cấp, các ngành. Ngoài ra, Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu đã được thành lập vào năm 2012 nhằm mang lại sự gắn kết với các hành động chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm TƯ BĐKH/GNRRTT và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu

Đã có rất nhiều nỗ lực trong việc triển khai các văn bản pháp quy, các chính sách và kế hoạch trên thực tế. Tất cả 63 tỉnh, thành phố trên cả nước đã xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia PT&GNTT. Hầu hết các Bộ, ngành có đại diện là thành viên của BCĐ PCLBTW đều đã xây dựng Kế hoạch hành động của ngành trong đó có lồng ghép các vấn đề về phòng tránh, ứng phó, GNRRTT. Vấn đề lồng ghép giới trong GNRRTT cũng được Việt Nam quan tâm nhằm phát huy tối đa vai trò của giới trước, trong và sau khi thiên tai. Năm 2013, Ban Chỉ đạo PCLB TƯ bổ sung thêm Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Ban chỉ đạo tại Quyết định 216/QĐ-PCLBTW. Trong những năm qua, một số hoạt động cụ thể trong Kế hoạch hành động đã được triển khai ở các tỉnh và một số Bộ, ngành. Ví dụ: đã và đang xây dựng, gia cố hệ thống đê biển theo tiêu chuẩn mới; nâng cấp hệ thống đê sông; di dời dân cư ở một số vùng thường xuyên bị thiên tai; tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức và kỹ năng QLRRTT; xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thảm họa, v.v.... Nhiều tỉnh và Bộ, ngành đã hoặc đang xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH theo yêu cầu đề ra trong CTMTQG UPBĐKH. Một số tỉnh đã xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định 1002 về Nâng cao nhận thức cộng đồng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Qua hoạt động tham vấn với một số Bộ, ngành và một số Sở của 12 tỉnh, các phát hiện cho thấy rằng đã có những nỗ lực lồng ghép vấn đề GNRRTT vào các KHPT KT-XH của tỉnh giai đoạn 2011-2015 (các hoạt động lồng ghép vẫn đang triển khai tại thời điểm viết báo cáo) cũng như các KHPT 5 năm của ngành. Trong một số ngành cụ thể như các Chiến lược phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (đến năm 2020) đã lồng ghép một số biện pháp phòng tránh, ứng phó, GNRRTT vào các chính sách của ngành.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Có một số thách thức lớn mà Chính phủ Việt Nam và cơ quan đầu mối phụ trách QLRRTT đang gặp phải:

- Việc lồng ghép một cách nhất quán và hiệu quả nội dung phòng tránh, ứng phó, GNRRTT vào các KHPT KT-XH của quốc gia, của các ngành, các địa phương là một nhiệm vụ phức tạp và đòi hỏi nhiều thời gian, công sức. Hiện tại, Việt Nam đang trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm tiếp theo (2011-2015) và tiến hành các hoạt động xây dựng tầm nhìn dài hạn hơn cho cấp tỉnh, Bộ, ngành và quốc gia. Tuy nhiên, đến nay vẫn bản hướng dẫn kèm theo các công cụ, chỉ số đánh giá và mức độ lồng ghép cũng như hoạt động triển khai một cách cụ thể vẫn chưa được ban hành. Thông qua việc rà soát một số dự thảo KHPT KT-XH, các phát hiện gần đây nhất cho thấy rằng hoạt động lồng ghép thực tế chủ yếu mới thực hiện ở mức độ liệt kê một số dự án sẽ được triển khai như nâng cấp hệ thống đê điều, xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro, kiện toàn cơ cấu tổ chức QLRRTT Cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác lập kế hoạch cần được nâng cao. Mỗi Bộ, ngành hoặc tỉnh tự lập kế hoạch mà không tiến hành tham vấn và phối hợp, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành/tỉnh khác. Ví dụ ở cấp tỉnh, Sở KH-ĐT chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các ngành, địa phương thành một KHPT KT-XH cho toàn tỉnh.
- Các biện pháp QLRRTT ở Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp và PCLB. Vai trò ứng phó với BĐKH được giao cho Bộ TN-MT, mặc dù GNRRTT và thích ứng với BĐKH là những vấn đề có quan hệ chặt chẽ với nhau và cần phải có một phương pháp tiếp cận thống nhất.
- Trong ba năm qua, Việt Nam đã có những bước tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng và ban hành một loạt các văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai như Luật PCTT năm 2013, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật PCTT năm 2014, Quyết định quy định về cấp độ rủi ro thiên tai năm 2014 và Quyết định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai năm 2014. Tuy nhiên, để hoàn thiện khung pháp lý cho việc triển khai thi hành Luật PCTT, chính phủ Việt Nam đang có kế hoạch xây dựng một số văn bản pháp luật. Theo Quyết định 1392/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 và Quyết định 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014, các văn bản pháp luật sẽ được xây dựng bổ sung trong thời gian tới gồm: Nghị định về Quỹ PCTT, Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, Thông tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Ngoài ra, chính phủ cùng các Bộ, ngành và địa phương cũng đang rà soát Chiến lược quốc gia về PCTT trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xây dựng Kế hoạch PCTT các cấp, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai.
- Luật PCTT 2013 quy định về việc thành lập một cơ quan chuyên trách về PCTT trực thuộc

Bộ NN&PTNT. Nhiều cuộc họp thảo luận về mô hình thể chế này đã được thực hiện, tuy nhiên việc ra đời một cơ quan chuyên về PCTT có thể sẽ được diễn ra vào năm 2015. Chính phủ Việt Nam cũng đang cố gắng kiện toàn các cơ quan chỉ đạo và chỉ huy công tác PCTT từ trung ương đến địa phương để thay cho các Ban chỉ đạo và Ban chỉ huy chỉ chuyên về phòng, chống lụt bão như hiện nay nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong Luật PCTT.

- Những hạn chế về nguồn lực để triển khai các kế hoạch trên thực tế và năng lực thực thi các văn bản pháp lý về GNRRTT và QLRRTT vẫn là thách thức lớn nhất mà Việt Nam cần vượt qua trong những năm tới.

### **Chỉ số đánh giá 2:**

Đáp ứng đầy đủ nguồn lực cho việc thực hiện các kế hoạch, chương trình quản lý giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp quản lý

### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

#### **Có khoản kinh phí cụ thể nào trong ngân sách quốc gia dành cho GNRRTT không? Có**

Đã có 2-5%	Được phân bổ trong ngân sách quốc gia
Không có số liệu	USD được phân bổ từ Quỹ viện trợ phát triển chính thức (ODA)
Không có số liệu	USD được phân bổ từ các khoản đầu tư phát triển ngành cho việc chống chịu với thiên tai (ví dụ vận tải, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng)
Không có số liệu	USD được phân bổ để dành riêng cho các khoản đầu tư GNRRTT (ví dụ các thể chế GNRRTT, đánh giá rủi ro, hệ thống cảnh báo sớm ...)
Không có số liệu	USD được phân bổ cho hoạt động tái xây dựng sau thảm họa

### **Mô tả**

Việt Nam đã khẳng định tầm quan trọng của các hoạt động GNRRTT thông qua việc ban hành một số văn bản pháp quy quan trọng để làm căn cứ cho việc phân bổ các nguồn lực tài chính và nhân lực tương xứng cho việc thực hiện yêu cầu GNRRTT bao gồm các biện pháp công trình và phi công trình, từ cấp Trung ương tới địa phương. Sau khi CLQG GNTT, CTMTQG UPBĐKH và Quyết định 1002 về CBDRM được phê duyệt, một khoản ngân sách đáng kể được dành cho việc triển khai các ưu tiên và hoạt động này. Có 3 nguồn tài trợ chính là: nguồn vốn nhà nước (cấp quốc gia và địa phương), cộng đồng quốc tế và xã hội dân sự (gồm lĩnh vực tư nhân) và các cá nhân. Ví dụ Quyết định 1002 về CBDRM có đề cập rõ ràng cần một khoản kinh phí là 988 tỉ VND (tương đương 50 triệu USD) để thực hiện kế hoạch từ nay đến năm 2020; trong đó 55% từ ngân sách nhà nước, 5% từ đóng góp của cộng đồng và 40% từ vốn ODA của các chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế. CLQG GNTT và CTMTQG UPBĐKH cũng xác định rõ các dự án quan trọng và phác thảo các nhu cầu về tài chính. Các Bộ, ngành được yêu cầu xác định các nguồn và phân bổ kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động GNRRTT. Bộ Tài chính (Bộ TC) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH-ĐT) được giao nhiệm vụ phân bổ và tìm kiếm các nguồn tài chính phù hợp để triển khai các kế hoạch này. Các kết quả từ hoạt

động tham vấn cho thấy Bộ KH-ĐT và các Sở KH-ĐT đã có nỗ lực ưu tiên cho các nhu cầu GNRRTT trong các KHPT KT-XH. Bộ TC và các Sở TC đã dành riêng một khoản ngân sách dự phòng chi đột xuất (chiếm 2-5% ngân sách quốc gia và tỉnh) trong đó có khoản chi cho các hoạt động phục hồi và ứng phó thảm họa. Các nguồn từ quỹ dự phòng thường được dùng cho các hoạt động ứng phó khẩn cấp nhưng còn rất thiếu kinh phí cho các hoạt động phục hồi và tái xây dựng.

Về nguồn nhân lực, hầu hết cán bộ QLRRTT ở Việt Nam làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Đội ngũ nhân sự làm việc trong lĩnh vực QLRRTT ở Việt Nam có năng lực và trình độ kỹ thuật khác nhau nhưng chưa chuyên sâu về QLRRTT. Năng lực hoặc kỹ năng về quản lý dự án, lập kế hoạch, quản lý và lập kế hoạch tài chính, v.v... của các cán bộ hiện tại vẫn còn hạn chế, cần được đào tạo, bồi dưỡng.

Hiện nay vẫn có sự thiếu hụt đáng kể các nguồn lực vật chất cho các hoạt động GNRRTT, đặc biệt là xác định các rủi ro thiên tai (lập bản đồ phân vùng nguy cơ thảm họa), trong đào tạo (viện nghiên cứu), giáo dục (các tài liệu giảng dạy), phục hồi và tái thiết. Tuy nhiên, thời gian gần đây Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong việc đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị TKCN; hiện đại hóa mạng thông tin liên lạc và hiện đại hóa công nghệ dự báo, cảnh báo sớm cũng như mạng lưới trạm quan trắc KT-TV, mạng lưới trạm quan trắc báo tin động đất, cảnh báo sóng thần.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Hệ thống giám sát đầu tư vào GNRRTT từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA và các nguồn khác chưa được hoàn thiện. Hiện tại, các ngành, địa phương đều có tập hợp số liệu riêng và thiếu sự chia sẻ.

Trong các chính sách về QLRRTT có quy định về nguồn kinh phí dành cho hoạt động GNRRTT. Tuy nhiên, do những hạn chế về tài chính nên nhiều kế hoạch, dự án chưa được triển khai, đặc biệt là những địa phương nghèo.

Các sáng kiến GNRRTT của cộng đồng cần được nhân rộng và lồng ghép thông qua việc triển khai Chương trình CBDRM.

Sự tham gia hỗ trợ của khối tư nhân trong các hoạt động GNRRTT và thích ứng với BĐKH chủ yếu tập trung cho các hoạt động cứu trợ. Cần nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao nhận thức và khuyến khích khối tư nhân tham gia tích cực hơn trong tất cả các giai đoạn phòng ngừa, ứng phó cũng như tái thiết sau thảm họa và huy động toàn xã hội tham gia vào công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đóng góp tài chính để cứu trợ và ứng phó ngắn hạn cũng đang gia tăng. Tuy nhiên, để nâng cao nhận thức và tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân tham gia vào các khía cạnh khác của giảm nhẹ rủi ro thiên tai (ví dụ như ưu đãi về thuế), các ngành, địa phương, và một số tổ chức phi chính phủ cần thúc đẩy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) trong Quản lý rủi ro thiên tai.

### **Chỉ số đánh giá 3:**

Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và sự phân quyền trong quá trình phân bổ nguồn lực và phân cấp quản lý

### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về

năng lực và nguồn lực

### Câu hỏi chính và chỉ số kiểm chứng

#### Chính quyền cấp địa phương có trách nhiệm pháp lý và phân bổ ngân sách cho hoạt động GNRRTT không? Có

- Văn bản pháp quy (*Có văn bản pháp quy cụ thể nào từ chính quyền địa phương đề cập đến nhiệm vụ GNRRTT*)
- Chính quyền địa phương phân bổ ngân sách cho GNRRTT

#### Mô tả

Các mục tiêu về phân giao quyền hạn, trách nhiệm cho các cấp, các ngành và sự tham gia của cộng đồng đã được đề cập cụ thể trong các văn bản pháp lý của Việt Nam, đặc biệt là Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã phường, thị trấn trong đó đảm bảo các cộng đồng dân cư và người dân được đặt ở trung tâm của quá trình đưa ra các quyết định có liên quan đến cuộc sống của họ.

Luật PCTT 2013, Nghị định 66/2014, Nghị định 14/2010/NĐ-CP, CLQG GNNT, CTMTQG UPBĐKH, Quyết định 1002 về CBDRM đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương và cộng đồng vào hoạt động GNRRTT và thích ứng với BĐKH. Một trong những phương châm hành động đã được hình thành từ lâu, được áp dụng rộng rãi, có hiệu quả thiết thực và được đánh giá cao trong hoạt động PCLB của Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn ứng phó và phục hồi sớm, đó là phương châm “4 tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện và vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ. Phương châm này đã chính thức được luật hóa tại khoản 2, Điều 4 của Luật PCTT năm 2013. Sự tham gia tích cực của lực lượng vũ trang (quân đội, công an) tình nguyện viên CTĐ, thanh niên xung kích, các thành viên của các tổ chức đoàn thể có vai trò rất quan trọng trong các hoạt động GNRRTT trong thời gian vừa qua. Hiện tại, Luật PCTT 2013 đã quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp cũng như các tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam

Cơ cấu tổ chức hiện tại trong lĩnh vực PCTT cũng đã có sự phân giao trách nhiệm quản lý cho các cấp tỉnh, huyện, xã và các ngành. Các chức năng quản lý bao gồm lập kế hoạch thiên tai hàng năm, lập kế hoạch dự phòng và kế hoạch tài chính, xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức cũng được quy định ngày càng cụ thể hơn. Theo Luật Ngân sách, UBND tỉnh có quyền phê duyệt và phân bổ ngân sách theo mức độ ưu tiên khác nhau trong đó có kinh phí cho hoạt động phòng tránh, ứng phó và GNRRTT. Ví dụ như phụ cấp cho các cán bộ BCHPCLB&TKCN, trang thiết bị cơ bản, phương tiện, chi phí văn phòng. Mặc dù việc phân cấp đã giúp giảm nhẹ trách nhiệm bao cấp của Nhà nước, nhưng các cơ quan địa phương vẫn thiếu các nguồn lực tài chính cho việc đào tạo tình nguyện viên, cán bộ địa phương, trang thiết bị để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao do nguồn ngân sách này không cố định và một số trang thiết bị chỉ được hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp hoặc ngân sách địa phương có đủ.

Hiện đang có nhiều nỗ lực hơn trong việc huy động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động GNRRTT, đặc biệt qua các dự án của các tổ chức PCPQT, nguồn vốn ODA. Đáng chú ý hơn, Quyết định 1002 về CBDRM nhấn mạnh sự tham gia của người dân và cộng đồng trong GNRRTT và QLRRTT. Quyết định 1002 về Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng quy định việc lập kế hoạch hoạt động sắp tới ở cấp tỉnh, trong đó sẽ triển khai hoạt động

QLRRTT dựa vào cộng đồng ở 6.000 xã thường xuyên xảy ra thiên tai (trong tổng số 11,112 xã trên cả nước).

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật về Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được thành lập với sự đóng góp từ các chuyên gia trong các cơ quan của Liên Hợp Quốc, Hội Chữ thập đỏ, các tổ chức NGO quốc tế và các tổ chức tài trợ để hỗ trợ DMC (thuộc Bộ NN & PTNT, cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm về việc thực hiện các chương trình Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng) để phát triển xây dựng “chủ đề” cần thiết để thực hiện chương trình, bao gồm các hướng dẫn thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tài liệu tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, hướng dẫn giám sát và đánh giá, vv.

Có một thực tế là đội ngũ nhân sự vẫn còn thiếu những kỹ năng/năng lực trong các lĩnh vực sau, đặc biệt là ở cấp địa phương:

- Đánh giá nhu cầu và đánh giá nhanh thiệt hại; Đánh giá rủi ro và TTDBTT
- Ứng phó khẩn cấp – Bảo vệ trẻ em tốt hơn và đảm bảo được tiếp tục học hành trong tình trạng khẩn cấp
- Các ứng phó đảm bảo cách tiếp cận toàn diện đối với các nhu cầu (về sinh kế)
- Lập kế hoạch dự án sử dụng phương pháp có sự tham gia
- Kế hoạch tái thiết
- Năng lực giám sát

### **Bối cảnh và hạn chế**

Mặc dù đã có những tiến bộ trong việc phân giao quyền hạn, trách nhiệm và huy động sự tham gia của cộng đồng trong GNRRTT, việc tham gia thực sự ở cấp cơ sở trong quá trình lập kế hoạch vẫn còn hạn chế. Những điểm hạn chế khác bao gồm sự tham gia còn hạn chế của các nhóm dễ bị tổn thương; hạn chế về quỹ thời gian xây dựng kế hoạch; thiếu và yếu về nguồn nhân lực và công cụ và kinh phí hoạt động cho các cấp chính quyền địa phương để hỗ trợ các hoạt động có sự tham gia nhiều hơn, tạo điều kiện thực hiện kế hoạch hành động.

Quyết định 1002 về Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đang dần được triển khai ở tất cả các cấp. Nhiều tỉnh đã xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định này nhưng nội dung và chất lượng còn bị hạn chế do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể. Sẽ cần có thêm nỗ lực để phổ biến rộng rãi cho các bên có liên quan khác tham gia cũng như những chỉ dẫn rõ ràng về phân bổ ngân sách và quá trình phê duyệt đến các tỉnh và huyện (hiện đang được thử nghiệm). Cũng cần tổng hợp tất cả các tài liệu hiện có về Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng thành một tài liệu thống nhất có điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm cụ thể của mỗi vùng thiên tai ở Việt Nam. Cuối cùng, hoạt động đào tạo xây dựng năng lực cho các cán bộ làm việc trong lĩnh vực QLRRTT, các lãnh đạo địa phương, tình nguyện viên, và mạng lưới các giảng viên nguồn cần được triển khai nhanh chóng, để thực hiện các hoạt động Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở cấp làng xã.

Trong thời gian qua, Bộ NN&PTNT đã cố gắng khắc phục dần dần một số điểm hạn chế trên như: xây dựng và ban hành hai cuốn tài liệu về QLRRTT-DVCCĐ và ĐGRRTT-DVCCĐ dành cho cấp xã. Trung

tâm PT&GNTT thuộc Tổng cục thủy lợi của Bộ NN&PTNT đã đào tạo được 1044 tập huấn viên cấp tỉnh cho 63 tỉnh thành trong cả nước. Đây sẽ là công cụ hữu ích và nguồn nhân lực quan trọng để triển khai các hoạt động của Đề án 1002 trong 6.000 xã trong những năm tới.

#### **Chỉ số đánh giá 4:**

*Đang trong quá trình thành lập Diễn đàn quốc gia Giảm nhẹ rủi ro thiên tai*

#### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

#### **Câu hỏi chính và chỉ số kiểm chứng**

**Đại diện của các tổ chức xã hội dân sự, các cơ quan chịu trách nhiệm lập kế hoạch cấp quốc gia, các tổ chức phát triển và kinh tế lớn có tham gia vào Diễn đàn quốc gia không? Có**

Không có thông tin      Các tổ chức xã hội dân sự (Nêu rõ số lượng cụ thể)

Không có thông tin      Các tổ chức của các ngành (Nêu rõ số lượng cụ thể)

Không có thông tin      Các tổ chức phụ nữ tham gia vào Diễn đàn quốc gia (Nêu rõ số lượng cụ thể)

#### **Mô tả**

Trong tháng 6 năm 2009, Dự án Đối tác giảm nhẹ thiên tai quốc gia (NDM-P) đã kết thúc giai đoạn II. Dự án này đã được khởi xướng sau trận lũ lịch sử xảy ra tại bảy tỉnh miền Trung vào năm 1999. Sự trùng hợp giữa lũ lụt và Hội nghị tham vấn các nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam tạo ra sự liên kết giữa Chính phủ Việt Nam, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ hướng tới giảm nhẹ thiên tai chứ không phải ứng phó với thiên tai và sự cần thiết phải phối hợp hiệu quả hơn để giúp người dân các tỉnh miền Trung khắc phục hậu quả của thảm họa và tránh tổn thất kinh tế, con người gây ra bởi thiên tai trong khu vực. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được Chính phủ giao là cơ quan chủ trì sáng kiến này với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Hà Lan và UNDP, 2 cơ quan được đề cử là điều phối viên của sáng kiến này đại diện cho cộng đồng các nhà tài trợ. Sáng kiến NDM-P giúp Chính phủ và các nhà tài trợ soạn thảo Bản ghi nhớ của Hiệp định Đối tác và một khuôn khổ hợp lý của chương trình, dự án ưu tiên.

NDM - P đã triển khai một số dự án trong khu vực Miền Trung trong giai đoạn I nhưng giai đoạn II đã nhận được ít sự hỗ trợ tài chính hơn và chia sẻ bài học và các sáng kiến vận động chung giữa các thành viên. Kinh phí bị cắt giảm trong năm 2009, mặc dù giai đoạn thứ ba đã được thảo luận, tuy nhiên, giai đoạn III đã không được triển khai mà tập trung vào công tác học tập kinh nghiệm từ đối tác hướng đến sự thành lập một diễn đàn quốc gia về GNRRTT/TUỖĐKH.

BCĐ PCLBTW, cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm phòng chống lụt bão (Văn phòng thường trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã thảo luận với các bên có liên quan bao gồm các cơ quan chính phủ và phi chính phủ để xác định một Diễn đàn Quốc gia về GNRRTT và TUỖĐKH phù hợp nhất, một phần học hỏi kinh nghiệm từ dự án NDM-P và các đối tác trong nước và các Diễn đàn



trong khu vực. Hai diễn đàn lớn quy mô quốc gia do AusAID và UNDP hỗ trợ đã được tổ chức trong năm 2010 và 2011 với sự tham gia cơ quan Chính phủ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ TN & MT đồng chủ trì), các cơ quan của Liên Hợp quốc, Hội Chữ thập đỏ, Nhóm công tác quản lý thiên tai (DMWG), Mạng lưới Sáng kiến vận động chính sách, các nhà tài trợ và các phương tiện truyền thông. Diễn đàn đã thảo luận các mô hình có thể, vai trò, chức năng, trách nhiệm và cấu trúc của một Diễn đàn quốc gia trong tương lai, vv.

Năm 2013, Bộ NN&PTNT đã phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức được một Diễn đàn quốc gia về GNTT và TUBĐKH. Tham dự Diễn đàn có Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT, đại diện các Bộ, ngành khác và các tỉnh, các cơ quan ngoại giao, các nhà tài trợ như Ngân hàng Thế giới, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, AusAID, JICA, các tổ chức xã hội và các tổ chức phi chính phủ. Diễn đàn là nơi chia sẻ và thảo luận việc thực hiện các chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành nông nghiệp, các bài học kinh nghiệm và mô hình tốt trong GNRRTT ở đại phương, nhu cầu và tính cần thiết trong việc xây dựng năng lực quản lý RRTT cho các doanh nghiệp và người dân ở các đô thị...Kết quả của Diễn đàn là các bên đã đưa ra được những ưu tiên trong thời gian tới, bao gồm: tăng cường năng lực thể chế và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành; xây dựng cơ chế phân bổ tài chính nhằm đáp ứng đầy đủ và hiệu quả cho công tác quản lý thiên tai; thúc đẩy và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và chủ động của cộng đồng trong việc ứng phó với thiên tai; thiết lập hệ thống cảnh báo sớm cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu; xây dựng mạng lưới chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ cho quá trình xây dựng chính sách, điều phối các hoạt động và tăng cường sự tham gia của các bên; tăng cường hợp tác công tư trong GNRRTT & TUBĐKH; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới và hiện đại trong quản lý RRTT; Kêu gọi sự hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ và chia sẻ những bài học kinh nghiệm từ các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ trong quản lý RRTT và TUBĐKH.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Xã hội dân sự vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển. Hiện nay, cần có cơ sở pháp lý để điều chỉnh hoạt động của CSO. Vấn đề gây tranh cãi là các tổ chức quần chúng đại diện cho một phần của xã hội dân sự, có vai trò phản hồi với chính sách do Chính phủ thực hiện và hỗ trợ Chính phủ tiếp cận các cấp hành chính thấp hơn. Tuy nhiên, các tổ chức này là thành viên của Mặt trận Tổ quốc và đều được nhà nước hỗ trợ kinh phí (Việc hỗ trợ kinh phí sẽ có tác động đến việc phản hồi các chính sách)

## **MỤC 4: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 2**

### **Ưu tiên hành động 2: Định nghĩa và tầm quan trọng**

#### **Xác định, đánh giá và giám sát rủi ro thiên tai và tăng cường cảnh báo sớm**

##### **Chỉ số đánh giá 1:**

Đánh giá rủi ro quốc gia và địa phương dựa trên dữ liệu hiện có về hiểm họa và tình trạng dễ bị tổn thương và bao gồm đánh giá rủi ro cho các lĩnh vực chính.

##### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

### Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng

**Đã có đánh giá quốc gia về rủi ro đa hiểm họa để cung cấp thông tin cho các quyết định phát triển và quy hoạch chưa? Có**

Đánh giá đa hiểm họa

(Chưa có) % số trường học và bệnh viện được đánh giá

(Chưa có) Các trường học an toàn trước thiên tai (nêu số lượng cụ thể)

Các đánh giá về năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương có xét đến yếu tố về giới

Các tiêu chuẩn quốc gia cho các đánh giá rủi ro đa hiểm họa đã được phê duyệt

### Mô tả

Đối với các hiểm họa cụ thể, một số đánh giá rủi ro đã được tiến hành ở cấp Trung ương, ví dụ như lũ lụt và hạn hán (Bộ TN-MT, Bộ NN&PTNT), động đất và sóng thần (Viện VLĐC), lũ quét, lũ ống (Bộ TN-MT, Bộ NN&PTNT) bão và tố lốc (Trung tâm Dự báo KT-TV Trung ương). Một số bản đồ rủi ro với tỷ lệ 1:25.000 đã được các cơ quan cấp quốc gia xây dựng. Đến năm 2012 vẫn chưa có các bản đồ đa hiểm họa hoặc các số liệu đánh giá rủi ro ở cấp quốc gia. Các nghiên cứu sau này đưa ra xây dựng đánh giá rủi ro đa hiểm họa bao gồm các yếu tố dễ bị tổn thương khác nhau trong cộng đồng, ví dụ như bão, mưa lũ và hạn hán cũng như các hiểm họa khác, các chỉ số dân số, tài sản và mức sống.

Công tác đánh giá rủi ro sẽ cung cấp các loại bản đồ hiểm họa có thể xảy ra đến cấp xã, ghi nhận các hiểm họa và khả năng của cộng đồng, đồng thời một bộ chỉ số lồng ghép rủi ro hiện đã được xây dựng cho 11.112 xã/ phường trên cả nước. Các bản đồ này thể hiện địa điểm của các xã được xếp hạng dựa trên mức độ rủi ro thấp, trung bình và cao (xem Phần 5: Ưu tiên Hành động 3, Chỉ số chính 3 để biết thêm chi tiết) đã được hoàn thiện và các kết quả sẽ được sử dụng trong tương lai khi lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và đóng góp của các nhà tài trợ vào chương trình CBDRM. Những bản đồ này sẽ có tại cấp xã, huyện, tỉnh và cấp quốc gia sử dụng cho các hoạt động CBDRM trong tương lai.

Hiện nay chưa có cơ sở dữ liệu trung tâm để lưu trữ các bản đồ hiểm họa và các dữ liệu, các thông tin này được lưu trữ tại nhiều nơi khác nhau, tại các Bộ hoặc các cơ quan Chính phủ.

Một số tỉnh đã xây dựng được bản đồ hiểm họa và có số liệu về đánh giá rủi ro nhưng phải dựa vào các nguồn kinh phí hỗ trợ từ bên ngoài hoặc trong khuôn khổ dự án. Các đánh giá rủi ro vẫn chưa bao trùm tất cả mọi rủi ro và chưa được thực hiện một cách hệ thống. Ở tỉnh An Giang, Sở NN&PTNT và Sở TN-MT đã xây dựng một số bản đồ rủi ro cho các loại hình thảm họa phổ biến bao gồm lũ lụt và sạt lở đất với tỷ lệ 1:25.000. Những bản đồ này được sử dụng như một công cụ hiệu quả cho việc lập kế hoạch sử dụng đất, di dời các hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai cao, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Hiện nay đã có các bản đồ chi tiết tới cấp huyện và xã đã được sử dụng. Ở một số xã có dự án được tài trợ bởi các tổ chức PCPQT và HCTĐ, đã áp dụng công cụ VCA và cán bộ xã cùng người dân địa phương đã xây dựng một số bản đồ thiên tai; Các bản đồ này cần được số hóa và chuyển thành văn bản để địa phương sử dụng. Việc cập nhật thường xuyên và sử dụng bản đồ rủi ro thảm họa trong lập kế hoạch GNRRTT vẫn còn hạn chế.

Trong Chiến lược quốc gia về Phòng tránh và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, CTMTQG UPBĐKH, Quyết định phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng rất

chú trọng và ưu tiên cho việc xây dựng các bản đồ thiên tai ở các cấp độ khác nhau và có thực hiện VCA ở cấp cơ sở. Cụ thể, Quyết định 1002 quy định rõ kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng sẽ tạo điều kiện xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và thông tin liên lạc về thiên tai cho cộng đồng sử dụng các công cụ và trang thiết bị hỗ trợ. Mặc dù công tác đánh giá rủi ro cấp quốc gia được thực hiện dựa trên phân tích thống kê từ các dữ liệu của toàn cầu và nguồn dữ liệu của BCĐ PCLBTW, vẫn còn hạn chế trong việc việc nâng cấp và cập nhật thông tin thường xuyên nếu có nhiều thông tin hơn ví dụ như dữ liệu dòng chảy, độ che phủ của rừng v.v để tăng cường ước tính và mô hình đánh giá rủi ro cũng như xác nhận các kết quả đánh giá với thực tiễn. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí và hạn chế về năng lực đã gây rất nhiều khó khăn cho tiến độ thực hiện các đánh giá rủi ro cấp Trung ương và địa phương dựa trên các dữ liệu thiên tai và thông tin về TTDBTT hiện tại; đặc biệt là những đánh giá rủi ro trong các lĩnh vực quan trọng.

Hiện nay, các đánh giá rủi ro được thực hiện trong hai lĩnh vực chính là nông nghiệp và môi trường; trong khi các ngành khác vẫn chưa tiến hành những đánh giá rủi ro một cách kỹ lưỡng (như Y tế, Giáo dục, Xây dựng, v.v...). Một số kịch bản mô phỏng BĐKH đã được thực hiện ở cấp quốc gia, tỉnh/khu vực do Viện KT-TV, Bộ TN-MT xây dựng. Trong đầu năm 2012, Bộ TN MT cũng hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, các kịch bản này sẽ được sử dụng trong quá trình đánh giá rủi ro các cấp

### **Bối cảnh và hạn chế**

Một khó khăn chính là hiện tại thông tin về các rủi ro thiên tai có thể được lưu trữ phân tán ở các ngành khác nhau nhưng vẫn chưa được tổng hợp lại một cách hệ thống thành một cơ sở dữ liệu quốc gia. Do thiếu sự phối hợp chung, mỗi ngành lại xây dựng bản đồ thiên tai riêng cho ngành mình vì thế bị chồng chéo.

Ngoài ra, việc xây dựng các bản đồ đa hiểm họa là rất tốn kém. Gần đây, Dự án WB, NDRMP đã xây dựng các bản đồ mô phỏng lũ chất lượng cao cho 12 tỉnh và tổ chức JICA đã hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên Huế làm các bản đồ tương tự. Những hoạt động này đều cần sự hỗ trợ đáng kể cả về tài chính và kỹ thuật.

Do phương pháp đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (trước đây là Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng – VCA) mới được Bộ NN&PTNT phê duyệt vào tháng 6 năm 2014 (Quyết định 389/QĐ-TCTL-ĐĐ) nên sẽ phải mất một thời gian để tập huấn lại cho các tập huấn viên cấp tỉnh mà DMC đã đào tạo để họ làm quen với phương pháp chuẩn. Hiện tại, dự án SCDM II đang nỗ lực cùng với DMC và các cơ quan đồng thực hiện dự án là tổ chức Oxfam Anh, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Hội phụ nữ Việt Nam tập huấn và tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở cấp xã. Dự kiến đến cuối tháng 11 năm 2014, 54 xã thuộc 20 tỉnh của dự án sẽ được thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai, xây dựng các bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ, lập báo cáo đánh giá RRTT và kế hoạch PCTT. Việc triển khai đánh giá rủi ro thiên tai trên toàn quốc cần phải có nguồn kinh phí đầu tư lớn và sự tham gia đóng góp nguồn nhân lực dồi dào trong hệ thống cơ quan nhà nước cũng như với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ làm về lĩnh vực này.

Năng lực kỹ thuật ở cấp địa phương vẫn còn yếu để có thể phân tích và sử dụng thông tin rủi ro thiên tai cho việc lập kế hoạch và đưa ra quyết định, những vấn đề này cần được giải quyết trong tương lai.

Sự hạn chế trong việc phối hợp giữa các ngành và các bên liên quan để chia sẻ, sử dụng và thông báo kết quả đánh giá ở địa phương với nhau, đồng thời lãng phí nguồn lực và đôi khi các cơ quan còn lặp lại những đánh giá tương tự nhau trong cùng một xã.

### **Chỉ số đánh giá 2:**

*Đã có hệ thống để theo dõi, lưu trữ và chia sẻ thông tin về các thiên tai chính và tình trạng dễ bị tổn thương.*

### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Các thông tin về thiệt hại do thiên tai có được tự động phân tích, giám sát và báo cáo không? Có**

Các cơ sở dữ liệu về thiệt hại do thiên tai

Các báo cáo được tổng hợp và sử dụng trong việc lập kế hoạch (*lấy từ các cơ sở dữ liệu/các hệ thống thông tin*)

### **Mô tả**

Ở cấp Trung ương, đã có một hệ thống song song về đánh giá thiệt hại và nhu cầu thiên tai để thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin về các thiên tai phổ biến và thiệt hại do các loại hình thiên tai gây ra của Ban chỉ đạo PCLBTW và một hệ thống được lưu tại Văn phòng Thống kê – Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Thông tin thiệt hại của BCĐPCLBTW được thu thập thông qua hệ thống Ban chỉ huy PCLB các cấp. Các báo cáo về tình hình thiệt hại được xây dựng và báo cáo trong và sau các đợt thiên tai và hàng năm. Dữ liệu thu thập được hầu hết được dùng cho lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp và các hoạt động phục hồi.

Tháng 2/2012, Chính phủ đã ban hành Quyết định 31/QĐ/PCLBTW, phê duyệt biểu mẫu DANA và mẫu báo cáo để sử dụng tại các cấp địa phương. Đây là một bước cải tiến dựa trên các biểu mẫu trước đó, một số lượng lớn các chỉ số cho thấy lưu trữ trước đây đã không được sử dụng nhất quán về biểu mẫu để thống kê số liệu trong các trận thiên tai trước đây của chính quyền cấp tỉnh.

Các dữ liệu của BCĐPCLBTW được cập nhật kịp thời và liên tục tới các đối tác Chính phủ và phi chính phủ ngay lập tức sau mỗi thiên tai thông qua các trang web của BCĐPCLBTW. Trang web do cục QLĐĐ&PCLB và Trung tâm PT&GNTT quản lý, có các thông tin về các trận thiên tai lớn từ năm 1989 và các báo cáo thiệt hại. Thông tin này cũng được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu thiệt hại thiên tai Việt Nam<sup>1</sup> mới được xây dựng gần đây cho mục đích phân tích. BCĐPCLBTW lưu trữ các thông tin này nhưng dưới dạng bản cứng.

Một hệ thống thông tin thiên tai song song khác được quản lý bởi GSO. Từ cấp xã đến tỉnh, các cán bộ thống kê được đào tạo cũng báo cáo thông tin về thiệt hại thiên tai đến GSO và cập nhật hàng năm về số liệu này cho cả nước. GSO có lưu trữ các số liệu thống kê về thiên tai từ năm 1996; tuy nhiên thông tin chưa được đăng tải trong Niên giám, trang thông tin điện tử của GSO hay BCĐPCLBTW. Bộ tài chính sử dụng dữ liệu này từ GSO để phân bổ tài chính cho hỗ trợ phục hồi sau thiên tai.

Trong nhiều trường hợp, việc thu thập thông tin của hai hệ thống hoạt động song song này giống nhau

nhưng không nhất quán với nhau. Đồng thời, hệ thống của BCĐPCLBTW tập trung nhiều hơn vào các loại thiên tai có quy mô vừa và lớn trong khi hệ thống của GSO tổng hợp thông tin và các báo cáo về tất cả các thiên tai và ở cấp thấp. Tuy nhiên, chưa có thông tin về các rủi ro thiên tai, TTDBTT và số liệu đánh giá năng lực cũng như số liệu riêng về lĩnh vực giới.

Trung ương HCTĐVN cũng thu thập thông tin về các thiên tai từ các HCTĐ địa phương và chia sẻ với IFRC cùng các đối tác khác để lập kế hoạch ứng phó với thiên tai. Các tổ chức PCPQT và các cơ quan quốc tế cũng tham gia vào việc phổ biến thông tin một cách không chính thức thông qua việc chia sẻ các báo cáo tình hình thiên tai trên trang web của Trung tâm dữ liệu các tổ chức phi chính phủ, gửi email tới các thành viên của DMWG và Nhóm Quản lý rủi ro thiên tai của Liên Hiệp quốc.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Dữ liệu về ảnh hưởng của thiên tai vẫn còn tập trung nhiều vào việc đánh giá thiệt hại và còn ít đánh giá về các nhu cầu nhân đạo. Các dữ liệu còn chưa được hệ thống phân tách về giới và các nhóm dễ bị tổn thương khác, ví dụ như người khuyết tật, trẻ em và các nhóm dân tộc thiểu số. Trong các trường hợp sau thiên tai đã có những đánh giá cụ thể hơn về các nhu cầu và sinh kế thực hiện bởi các tổ chức PCPQT hoặc HCTĐ ở các khu vực trọng điểm như là một phần của việc thiết kế và triển khai các chương trình/dự án hỗ trợ nhân đạo.

Gần đây, một số sáng kiến đã được thử nghiệm để cải thiện những đánh giá nhu cầu và thiệt hại (DANA) hệ thống trong các mẫu sửa đổi, các ứng dụng web và phần mềm đi kèm. Các sáng kiến đã được thử nghiệm ở một số tỉnh nhưng chưa có hệ thống nhân rộng trên cả nước.

Theo Quyết định 31, đây là cơ hội để các cấp địa phương đã sử dụng rộng rãi các biểu mẫu và các định dạng báo cáo phù hợp trong thiên tai. Lý tưởng nhất là cung cấp cho các tỉnh bản sao phần mềm và cho phép cán bộ nhà nước bổ sung và sửa đổi dữ liệu để đảm bảo thời gian, thu thập dữ liệu kịp thời để đối chiếu và phân tích những thiệt hại.

Cần nỗ lực hơn nữa để thể chế hóa những đề xuất cải tiến ở các cấp thông qua hình thức đào tạo, hướng dẫn pháp luật, kiểm tra và thử nghiệm trong các tình huống thảm họa thực tế...vv.

Cần nâng cấp trang thông tin điện tử của BCĐPCLBTW để cập nhật thông tin nhanh hơn, ổn định hơn và có khả năng lưu trữ cơ sở dữ liệu lớn hơn, đầy đủ thông tin hơn về GNRRTT (không chỉ có các số liệu về thiệt hại mà còn về nhu cầu, TTDBTT, thích ứng với BĐKH, các loại thiên tai và dữ liệu tổng hợp về các hỗ trợ trong công tác cứu trợ và phục hồi đối với các cộng đồng bị thiệt hại bởi thiên tai). Trang web này sẽ kết hợp các ứng dụng thông tin quản lý thiên tai, như DesInventar, VinaAware, cổng thông tin dự án GNRRTT.

Có thể củng cố cơ sở dữ liệu thiệt hại của Việt Nam hiện tại bằng cách phân tách số liệu của các huyện, xã phân, tiếp tục khai thác dữ liệu sẵn có, bao gồm cả những số liệu mới về các thiên tai khác nhau: hạn hán, xâm nhập mặn và động đất để đánh giá đa hiểm họa. Các cơ sở dữ liệu thiên tai trước kia do BCĐPCLBTW quản lý cũng cần được liên kết với các cơ sở dữ liệu khác hiện có về chỉ số kinh tế - xã hội do GSO quản lý và đảm bảo cho các bên có thể tiếp cận được.

**Chỉ số đánh giá 3:**

Đã có hệ thống cảnh báo sớm ở tất cả các phường xã cho các loại hình thiên tai chính.

**Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

**Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Các cộng đồng có nguy cơ rủi ro cao có nhận được các cảnh báo dễ hiểu và kịp thời về các hiện tượng thiên tai đang xảy ra không? Có.**

- Các cảnh báo sớm vận hành một cách hiệu quả
- Các biện pháp phòng ngừa cấp địa phương
- Các hiệp định và hệ thống thông tin liên lạc
- Sự tham gia tích cực của truyền thông trong việc phổ biến thông tin cảnh báo sớm

**Mô tả**

Có hệ thống cảnh báo sớm từ Trung ương đến địa phương, Ở cấp Trung ương, BCĐPCLBTW và UBQGTKCN phối hợp cảnh báo lũ, các hoạt động ứng phó và phục hồi. Còn ở cấp khu vực, 2 Trung tâm Phòng chống lụt bão và GNTT tại Đà Nẵng và TP HCM hỗ trợ Văn phòng thường trực BCĐPCLB Bộ NN&PTNT điều phối chỉ đạo thông tin giữa Trung ương và địa phương. Ở cấp tỉnh hai Ủy ban này kết hợp làm một thành BCHPCLB và TKCN, các ban ngành tại tỉnh đều có đại diện là thành viên (trưởng ban là lãnh đạo UBND tỉnh); mô hình này lặp lại tại cấp huyện và xã.

Theo dõi và dự báo thiên tai lũ lụt, bão là do Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia (TT KTTVQG) xử lý thông tin thông qua hệ thống này. TT KTTVQG truyền tải nội dung dự báo tới các cơ quan liên quan thông qua đường truyền, cũng như trong các trường hợp khẩn cấp. Trung tâm KTTV khu vực và cấp tỉnh cũng phân phối thông tin cảnh báo và cung cấp thông tin dự báo chi tiết hơn, tới NHMS NCHMF cũng như Ủy ban nhân dân các tỉnh và cho các tỉnh mà họ giám sát.

Thông thường ở cấp Trung ương, khi tuyên bố một thông tin khẩn cấp về lũ/bão, sẽ gửi một công điện để tuyên bố và chỉ đạo các hành động tiếp theo. Nói chung, dòng chảy của thông tin cảnh báo nguy hiểm từ trên xuống dưới. Các cơ quan liên quan ở tất cả các cấp chính quyền lưu giữ thông báo về hướng phát triển của thiên tai qua việc nhận được cập nhật định kỳ từ NHMS/NCHMF tại Hà Nội và các trung tâm khu vực. Dựa trên các bản cập nhật, các nhà hoạch định chính sách phát triển và truyền đạt các hành động được đề nghị, phù hợp với vai trò và trách nhiệm của mình.

Hệ thống cảnh báo sớm hiện tại của Việt Nam gồm 2 kênh:

1. Tivi/đài phát thanh gồm đài truyền hình (VTV) và đài phát thanh (VOV) hiện đang hoạt động rất tích cực và gần đây đã tăng tần suất phát các bản tin và phạm vi phủ sóng. Đây là những kênh thông tin rất hiệu quả trong việc phổ biến các thông tin dự báo và cảnh báo sớm đến với người dân trong phạm vi cả nước. Mới đây, kênh VTC14 chuyên cung cấp thông tin liên quan đến thiên tai đã được phát sóng.
2. Hệ thống BCĐPCLBTW từ trung ương đến cấp xã truyền đạt các thông tin cảnh báo kịp thời đến các cấp chính quyền và cộng đồng. Tuy nhiên, Hệ thống cảnh báo sớm hoạt động chưa hiệu quả trong việc cung cấp thông tin cảnh báo tới tất cả cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng tại vùng sâu vùng xa. Hệ thống loa phát thanh đã có ở hầu hết các xã, cơ bản là ở các

khu hành chính trung tâm và trong một số trường hợp, có thể huy động đội ngũ đưa tin cảnh báo trực tiếp đến người dân ở các làng, bản vùng sâu, vùng xa nhưng chưa được hướng dẫn/tập huấn để cung cấp các thông tin cảnh báo đã được bản địa hóa. Các hệ thống cảnh báo sớm này tập trung vào tivi, đài và loa phát thanh mà các nhóm dễ bị tổn thương khác nhau không thường xuyên truy cập, vv...ví dụ người tàn tật hoặc trẻ em.

Các hệ thống cảnh báo sớm nói trên hoạt động hiệu quả trong một số các thiên tai cụ thể như lũ sông (lũ chập) và bão. Tuy nhiên, năng lực cung cấp các tín hiệu cảnh báo sớm cho các loại hiểm họa diễn ra nhanh (lũ quét, động đất, sóng thần) và cháy rừng vẫn còn rất hạn chế. Trong quá khứ, đã có sự chú trọng đặc biệt và đầu tư lớn vào các hệ thống cảnh báo sớm mặc dù chủ yếu tập trung vào hai loại hình thiên tai phổ biến là lũ và bão. Trong những năm gần đây, một số dự án thử nghiệm đã được tiến hành để theo dõi và cảnh báo sạt lở đất và lũ quét ở các tỉnh vùng cao và một vài hệ thống cảnh báo sớm đã được lắp đặt ở một số địa phương. Nhưng, đến nay tiến độ vận hành và hiệu quả hoạt động còn bị hạn chế. Từ sau trận sóng thần ở Đông Á và Đông Nam Á vào năm 2004, đã có nhiều sự chú trọng và đầu tư hơn vào việc cải thiện hệ thống cảnh báo sớm đối với những thiên tai này.

Hệ thống cảnh báo sớm đang dần được cải thiện với sự bao phủ rộng của mạng internet và điện thoại di động. Các hệ thống thông tin liên lạc đang được phát triển nhanh chóng ở Việt Nam trong đó cung cấp trang thiết bị thông tin đầy đủ cho việc truyền tải kịp thời các tín hiệu cảnh báo đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất như ngư dân, các nhóm dân tộc thiểu số sống ở những vùng cao xa xôi và những người nghèo có khả năng ứng phó với thiên tai còn yếu.

Đã có một số tiến bộ cụ thể ở các cấp và thực hiện bởi các bên có liên quan khác nhau:

- Quyết định 986/2010/QĐ-TTg ban hành tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hiện đại hóa công nghệ dự báo và mạng lưới quan trắc KT-TV, giai đoạn 2010-2012, với nguồn đầu tư lớn và hỗ trợ đáng kể từ vốn ODA để cung cấp kịp thời, thông tin chính xác cho việc dự báo trong đó có sử dụng công nghệ thông tin để dự báo mưa, lũ, bão;
- Chính phủ Việt Nam có kế hoạch xây dựng hệ thống cảnh báo sớm sóng thần gồm 30 trạm hoàn thành trước năm 2015. Hiện đã hoàn tất 8 trạm cùng với các trang thiết bị. Trên cả nước, có các trạm quan trắc thời tiết xa bờ (32 trạm dọc duyên hải Việt Nam được vận hành bởi Công ty truyền thông duyên hải, cung cấp thông tin cảnh báo đến các tàu thuyền đang hoạt động trên biển Việt Nam. Chính phủ Việt Nam có chính sách trợ cấp tiền cho các ngư dân địa phương (4 triệu một thuyền) để mua máy ICOM.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã đầu tư đáng kể vào hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông để cải thiện năng lực của hệ thống này trong việc truyền tải các thông tin cảnh báo sớm và dự báo thời tiết đến cộng đồng. Tất cả các xã hiện đều đã được phủ sóng di động và có điện thoại cố định. Sóng phát thanh và truyền hình đã đến được hầu hết các xã và các thôn. Hệ thống cảnh báo sớm cho một số các thiên tai (như bão, lũ và mưa) đã được thiết lập từ nhiều năm trước từ cấp Trung ương đến cơ sở và bao phủ tất cả địa phương.

Tuy nhiên, cần có những nỗ lực cao hơn trong việc tăng thời gian cảnh báo và tăng mức độ chính xác của dự báo cũng như mức độ bao phủ. Ví dụ, các tỉnh miền núi như Kon Tum và Lào Cai, có đủ các trạm thủy văn cho việc dự báo lượng mưa và cảnh báo lũ (trên cả tỉnh chỉ có 3 trạm quan trắc

mực nước sông và một số trạm đo mưa). Bên cạnh việc khắc phục những hạn chế của các trạm KTTV, cần phổ cập những kiến thức về rủi ro và nâng cao chất lượng phân tích, xử lý dữ liệu về KTTV để dự báo ngày càng chính xác hơn phục vụ đắc lực cho việc phòng tránh, ứng phó kịp thời và hiệu quả.

Một thách thức khác là thông tin dự báo, cảnh báo còn chưa tiếp cận tới được hết các xã vùng sâu, vùng xa; bản tin còn sử dụng nhiều thuật ngữ kỹ thuật và chưa được chuyển sang tiếng của đồng bào dân tộc thiểu số. Thông tin cảnh báo sớm về cháy rừng vẫn còn hạn chế với cùng với các hệ thống ứng phó và cảnh báo sớm còn rất đơn giản.

#### **Chỉ số đánh giá 4:**

Đánh giá rủi ro ở cấp địa phương và cấp quốc gia có tính đến rủi ro liên quan vùng miền, rủi ro xuyên biên giới với quan điểm hợp tác khu vực về giảm thiểu rủi ro.

#### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

#### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

Việt Nam có tham gia vào các dự án về GNRRTT cấp khu vực hay quốc gia không? Có

- Các chương trình và dự án nhằm khắc phục các vấn đề xuyên quốc gia
- Các khuôn khổ và chiến lược khu vực hoặc xuyên quốc gia
- Các cơ chế báo cáo và giám sát khu vực hoặc quốc gia
- Các kế hoạch hành động có đề cập đến các vấn đề xuyên quốc gia

#### **Mô tả**

Năm 2005, Việt Nam đã ký Hiệp định ASEAN về ứng phó khẩn cấp và quản lý thảm họa (ADDMER). ADDMER có hiệu lực vào cuối năm 2009 và là Hiệp định ràng buộc pháp lý có hiệu lực cao nhất trong việc đẩy mạnh hợp tác và điều phối trong khu vực nhằm giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai và tăng cường các nỗ lực ứng phó khẩn cấp chung đối với thiên tai.

Tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 19 được tổ chức tại Indonesia vào ngày 17/11/2011, Bộ trưởng các nước ASEAN đã ký một bản cam kết thành lập một Trung tâm ASEAN điều phối viện trợ nhân đạo về quản lý thảm họa (Trung tâm AHA) Mục tiêu của Trung tâm AHA là trung tâm khu vực về thông tin và kiến thức quản lý thiên tai, là nơi tập trung các nguồn lực và điều phối công tác ứng phó đúng mục tiêu và nhanh chóng với các thảm họa trong khu vực ASEAN. Trung tâm AHA được thành lập như một phần cam kết của ASEAN để tăng cường ứng phó chung với các thảm họa và giảm thiệt hại do thiên tai. Indonesia với tư cách chủ nhà trong Hiệp định thành lập Trung tâm AHA đã cung cấp hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cho Trung tâm đặt tại tầng 17 của Cơ quan đánh giá và ứng dụng công nghệ (Badan Pengkajian dan Penerapan Teknologi - BPPT) tại Jakarta. Từ tháng 1/2012, một số đối tác đối thoại ASEAN, đặc biệt là Úc, Nhật Bản, New Zealand, Mỹ và gần đây là Liên minh Châu Âu, cũng đã hỗ trợ cho việc thành lập Trung tâm AHA.

Bộ NN&PTNT được giao là cơ quan đầu mối thực hiện AADMER và vận hành Trung tâm AHA ở Việt Nam. Bộ Tài chính cam kết phân bổ đủ nguồn lực tài chính để thực hiện các nội dung của Hiệp định này.



Với sự hỗ trợ của Nhóm Đối tác ASEAN (APG), một khối lượng tài liệu chính như chương trình làm việc giai đoạn 2010 – 2015 của Hiệp định ASEAN về Quản lý thảm họa và Ứng phó khẩn cấp (AADMER), Sổ tay Thủ tục tác nghiệp chuẩn về bố trí dự phòng và điều phối hoạt động ứng phó khẩn cấp và cứu trợ thảm họa ở cấp khu vực (SASOP) đã được dịch sang tiếng Việt nhằm chia sẻ với các cơ quan liên quan, đặc biệt là qua trang thông tin điện tử:

<http://www.dmc.gov.vn/InfomationCenter/DocumentLibrary/Referencedocuments/tabid/89/language/vi-VN/Default.aspx>.

Chính phủ Việt Nam ngày càng chú trọng hơn trong việc thực hiện các cam kết của mình đối với các sáng kiến về BDKH và GNRRTT của khu vực với một số tiến bộ đã được công nhận. Việt Nam là thành viên của các tổ chức khu vực như Ủy ban sông Mê Kông (MRC), Ủy ban Bão (WTC) và Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC)...vv.

Ở quy mô nhỏ hơn, đã có một số sáng kiến trong việc giám sát các rủi ro bao gồm:

Hợp tác với MRC về xây dựng các trạm theo dõi mực nước sông, mô hình BDKH, thỏa thuận về kế hoạch xây dựng nhà máy thủy điện (dung tích và mực nước thiết kế của các hồ, vv...), lập bản đồ GIS.

Hợp tác khu vực về hệ thống cảnh báo và theo dõi sóng thần;

- Hợp tác khu vực về chia sẻ các bài học kinh nghiệm, ví dụ qua ADPC về các công cụ CBDRM, các quy trình về cơ chế giám sát và báo cáo;
- Dự án ở tỉnh An Giang xây dựng các trạm đo mực nước lũ hợp tác với các tỉnh của Campuchia về hệ thống cảnh báo lũ;
- Hợp tác với Trung Quốc trong việc chia sẻ thông tin về lượng mưa và theo dõi lũ trên sông Hồng (thu thập dữ liệu thượng nguồn).

### **Bối cảnh và hạn chế**

Mặc dù Hiệp định ADDMER đã được kí kết, vẫn cần nỗ lực hơn nữa để đưa các rủi ro trong phạm vi khu vực vào các đánh giá rủi ro cấp quốc gia và địa phương. Nguyên nhân là do thiếu một hệ thống đánh giá rủi ro toàn diện và một cơ chế thực thi hiệu quả cũng như thiếu một khuôn khổ toàn diện/ tổng thể cho các vấn đề QLRRTT xuyên quốc gia.

Ngoài ra, vẫn có khoảng cách về năng lực, chính sách, khuôn khổ pháp lý và các nguồn lực trong việc thực hiện các nội dung trong Hiệp định hoặc đề xuất các Hiệp định mới. Cần thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong khu vực về một số vấn đề như: lập kế hoạch, ứng phó chung, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng năng lực, các công cụ và khoa học công nghệ.

## **PHẦN 5: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 3**

### **Ưu tiên hành động 3: Định nghĩa và tầm quan trọng**

*Sử dụng sự hiểu biết, sự sáng tạo và giáo dục để xây dựng một nền văn hóa an toàn và giảm nhẹ thiên tai ở tất cả các cấp.*

**Chỉ số đánh giá 1:**

Đã có thông tin liên quan về các loại thảm họa, các ban ngành liên quan dễ dàng truy cập dữ liệu ở các cấp thông qua hệ thống chia sẻ dữ liệu

**Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

**Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Có hệ thống thông tin về thiên tai cấp quốc gia được phổ biến đến cộng đồng không? Có .**

- Trang thông tin điện tử về hệ thống thông tin thiên tai cấp quốc gia  
 Thiết lập các cơ chế về tiếp cận thông tin GNRRTT

**Mô tả**

Hầu hết các thông tin truyền tải đến các làng, xã địa phương là qua Đài Tiếng nói Việt Nam hoặc đài truyền hình Việt Nam. Tuy nhiên, những thông tin này chủ yếu được truyền tải trước và trong các tình huống thiên tai, Các thông tin về các hoạt động phòng ngừa được tuyên truyền ở mức độ không thường xuyên.

Trang thông tin điện tử của BCĐPCLBTW là nguồn thông tin điện tử đa dạng cấp quốc gia, gồm tin về các sự kiện thiên tai mới xảy ra tài liệu, ấn phẩm về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai và trang web này cũng cung cấp các số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trong lịch sử và cơ sở dữ liệu thiệt hại về thiên tai. Tuy nhiên hệ thống này vẫn còn thiếu thông tin về hạn hán, cháy rừng và các loại thảm họa khác. Hệ thống báo cáo của BCĐPCLBTW từ xã tới tỉnh và các ngành báo cáo và chia sẻ thông tin về thiệt hại, kế hoạch phòng tránh thiên tai với các cơ quan liên quan.

Hệ thống này có đủ thông tin để các bên liên quan đến GNRRTT lập kế hoạch ứng phó và phục hồi nhưng vẫn chưa được tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm gần đây thông tin được cập nhật kịp thời. Hàng năm, BCĐPCLBTW có lập Báo cáo năm về tình hình và thiệt hại do thiên tai, nhưng vẫn chỉ tập trung vào các loại hình thủy tai. Thiệt hại do hạn hán không được thu thập, báo cáo thường xuyên, Vụ Quản lý nguồn nước và Vụ Quản lý công trình thủy lợi cung cấp một số thông tin về lĩnh vực này nhưng hầu hết theo các sự kiện. Cùng hỗ trợ cho công tác chỉ huy, điều hành của Ban Chỉ đạo PCLBTW, Trung tâm Phòng tránh và GNTT có website chia sẻ các thông tin về thiên tai trong nước và quốc tế, các thông tin về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Trang web của Trung tâm Dự báo KT-TV Trung ương cung cấp kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo đối với các loại hiểm họa chính (bão, lụt, mưa). Bộ TN-MT có trang web về BĐKH và KT-TV. Các phương tiện thông tin đại chúng cũng đưa tin về dự báo và cảnh báo thiên tai.

Phương tiện truyền thông đại chúng (đặc biệt là Đài truyền hình Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam), các báo tiếng Việt và tiếng Anh cũng cung cấp thông tin thiên tai trên các chương trình của họ để cảnh báo sớm và dự báo. Cho đến nay, không có bộ ngành nào khác có trang web riêng về GNRRTT và thích ứng với BĐKH. Bộ NN&PTNT có trang web riêng nhưng không thường xuyên cập nhật.

**Bối cảnh và hạn chế**

Hiện vẫn chưa có hệ thống thu thập thông tin tập trung về số liệu và thông tin rủi ro hiểm họa; hơn nữa

hệ thống thông tin hiện tại vẫn chưa được công khai và dễ dàng tiếp cận đối với công chúng. Cho đến nay, mặc dù BCĐPCLBTW đã có các biểu mẫu DANA nhưng chưa được sử dụng thống nhất trên cả nước. Hiện vẫn chưa thiết lập được một cơ chế để tiếp cận đối với mọi nguồn thông tin QLRRTH. Thông tin thu thập được về thiên tai vẫn còn phân tán ở các đơn vị khác nhau.

Mặc dù việc chia sẻ thông tin đã tốt hơn rất nhiều trong thời gian vừa qua, nhưng vẫn chưa có một hệ thống lưu trữ/thông kê tập trung về các nguồn hỗ trợ đối với các khu vực bị ảnh hưởng bởi thảm họa. Mỗi tổ chức có một hệ thống lưu trữ và báo cáo riêng, ít có sự chia sẻ với các cơ quan khác. Hiện còn thiếu văn bản hướng dẫn các cấp, các ngành về việc thu thập và chia sẻ thông tin, thống kê về thảm họa. Có một số ý kiến về thông tin được truyền tải đến các làng/xã về phòng chống thiên tai và ứng phó chưa dễ hiểu.

Tại cấp tỉnh, một số tỉnh như Thừa Thiên-Huế, TP. HCM, Long An, Bạc Liêu đã xây dựng trang web riêng về GNRRTT để chia sẻ thông tin. Tuy nhiên tại cấp cơ sở, thông tin về GNRRTT vẫn còn rất thiếu và khó tiếp cận đối với người dân ngoại trừ một số xã có triển khai các dự án về giảm nhẹ rủi ro thiên tai với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ trong nước, quốc tế hoặc từ hỗ trợ nước ngoài. Nguồn thông tin duy nhất là kế hoạch PCLB hàng năm và một số ít các chương trình phát thanh, truyền hình; do đó, thông tin vẫn chưa thực sự tiếp cận được nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng và lãnh đạo chính quyền cấp cơ sở.

### **Chỉ số đánh giá 2:**

Các khái niệm và thực tiễn phòng ngừa giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai được lồng ghép vào chương trình giáo dục, sách giáo khoa, tài liệu tập huấn.

### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Kiến thức về GNRRTT được lồng ghép vào các chương trình giáo dục quốc gia? Chưa**

- Chương trình học cấp PTCS
- Chương trình học cấp THCS
- Chương trình đại học – Một số khóa đào tạo Cử nhân của một số trường đã bắt đầu được giảng dạy về RRRTT. Tại trường ĐH Y tế cộng đồng có một khoa QLRRTT.
- Các chương trình giáo dục chuyên nghiệp về GNRRTT

### **Mô tả**

Tiếp theo bản Phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2011, thực hiện Chiến lược Quốc gia về Phòng chống và GNTT trong lĩnh vực Giáo dục giai đoạn 2011- 2020, tháng 5/2012, Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định 1813 về việc thành lập BCHPCLB và hoạt động hóa Kế hoạch hành động của bộ, Thứ trưởng là Trưởng Ban Chỉ huy và Cục Cơ sở vật chất, Thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em được giao làm đầu mối đảm nhiệm việc hợp tác và triệu tập trong việc giải quyết các vấn đề về GNRRTT, giáo dục trong tình trạng khẩn cấp trong Hệ thống Giáo dục quốc gia

Hiện tại giáo dục về GNRRTT vẫn chưa được lồng ghép chính thức vào chương trình giáo dục. Bộ GD&ĐT đã xây dựng được một Khung chương trình đào tạo về phòng ngừa, thích ứng với thiên tai và

biến đổi khí hậu. Trên cơ sở Khung chương trình đó, Bộ GD&ĐT đang nỗ lực cùng với tổ chức UNICEF biên soạn một loạt sách Phòng ngừa thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu để đưa vào giảng dạy cho mọi cấp học vào 2015. Trong các năm vừa qua, nội dung GNRRTT đã được giảng dạy như một hoạt động ngoại khóa tại nhiều tỉnh thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai. Một số tổ chức trong nước và quốc tế đã thực hiện như: Hội CTĐVN, tổ chức Cứu trợ Trẻ em, tổ chức Plan quốc tế,.... Nhiều dự án tập huấn cho các giảng viên (chủ yếu ở cấp tiểu học và trung học) phát triển các công cụ giảng dạy về GNRRTT phù hợp với các trường tiểu học và trung học thông qua đợt tập huấn thí điểm về ứng phó thiên tai cho học sinh. Một ví dụ cụ thể về thành công trong việc dạy bơi cho học sinh ở khu vực thường xuyên ngập lụt (đồng bằng sông Cửu Long và các một số tỉnh miền Trung).

Bộ GD&ĐT đã cam kết sẽ đưa GNRRTT vào trong chương trình học. Trong bối cảnh của Nhóm Hợp tác về GNRRTT và Ứng phó khẩn cấp trong lĩnh vực giáo dục, do Bộ GD&ĐT chủ trì, Tổ chức Cứu trợ trẻ em và UNICEF hiện nay đang hỗ trợ cho Bộ GD&ĐT, hoàn thiện một chương trình giáo dục với các bài học cụ thể về GNRRTT. Hiện đang thí điểm cho các tỉnh để chuẩn bị tiến hành các gói chương trình giảng dạy GNRRTT và tập huấn cho các giáo viên nhằm mở rộng quy mô. Quá trình này có sự tham gia của các bên liên quan, trong đó có các đối tác trong mạng lưới JANI, những đối tác này đã hỗ trợ cho chương trình giảng dạy thí điểm trong lĩnh vực GNRRTT cho đến nay. Năm 2012, Bộ GD&ĐT đã áp dụng cuốn tài liệu đầu tiên, đó là “Cuốn hướng dẫn về lồng ghép GNRRTT/TU BDKH vào trong hệ thống trường học”. Đồng thời, Bộ GD-ĐT và UNESCO đang xây dựng kế hoạch lồng ghép giáo dục BDKH vào chương trình giáo dục môi trường, dự kiến sẽ triển khai vào năm 2015.

Vào tháng 9/2012, Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định phê duyệt việc xây dựng cuốn tài liệu ngoại khóa do tổ chức Cứu trợ trẻ em phối hợp với, tổ chức Plan và tổ chức Sống và Học tập biên soạn đưa vào sử dụng trong các trường tiểu học và trung học.

Quyết định 1002 về Quản lý RRTT DVCD (CBDRM) và CLQG GNTT cũng đã đặt trọng tâm vào việc đưa giáo dục GNRRTT vào trong nhà trường cũng như việc xây dựng năng lực cho các cán bộ PCLB và chính quyền cấp xã. Quyết định 1002 nhấn mạnh đến việc xây dựng năng lực cho 100% cán bộ PLCB các cấp chịu trách nhiệm triển khai CBDRM trước năm 2020; phổ biến kiến thức PCLB và GNTT tới 70% người dân tại các xã thường xuyên bị thiên tai.

Đối với lĩnh vực giáo dục đại học và sau đại học, hiện tại Trường Đại học Y tế công đồng Hà Nội có chương trình đào tạo đại học và sau đại học về quản lý thảm họa. Trường Đại học Thủy lợi cũng đã giảng dạy chương trình đào tạo đại học về Quản lý thiên tai từ năm 2008 và đang chuẩn bị khai giảng chương trình Cao học trong thời gian tới. Chương Trình đào tạo Cao học Phòng chống, Giảm nhẹ và Quản lý Thiên tai hiện nay do Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AITVN) thực hiện. Kể từ tháng 12/2011, trường Đại học Quốc gia Việt Nam đã bắt đầu đào tạo Thạc sỹ về TU BDKH, bao gồm cả GNRRTT và QLRRTT.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Thách thức lớn nhất hiện nay đối với ngành giáo dục của Việt Nam là chương trình giáo dục đã quá tải, tạo ra sức ép rất lớn đối với học sinh vì có quá nhiều môn học khác nhau. Thách thức trước mắt là thiếu kinh nghiệm thực tế để Bộ GD&ĐT đưa kiến thức GNRRTT lồng ghép với các môn học hiện đã có trong chương trình giáo dục hơn là đưa kiến thức này vào giảng dạy như một môn học mới ở trường Tiểu học và Trung học.

Một phương pháp tiếp cận thực tế hơn đó là số lượng các bên liên quan cùng thực hiện các hoạt động

ngoại khóa về GNRRTT. Triển khai các hoạt động ngoại khóa về GNRRTT ở trong trường học thường theo một cách chung đó là tiến hành vào cuối tuần/các buổi tối và trong kỳ nghỉ hè (như đã được Hội CTĐVN và các đối tác triển khai). Tuy nhiên, Bộ GD&ĐT cũng đã ghi nhận rằng một số chương trình thí điểm chưa được đánh giá, chia sẻ và tổng hợp rộng rãi để áp dụng ra ngoài vùng "thí điểm"

Việc đưa thêm chủ đề, môn học mới vào chương trình giáo dục chính khóa là một nhiệm vụ lớn ở cấp trung ương và cấp tỉnh đang gây lo ngại cho Bộ GD&ĐT và các Sở GD&ĐT. Theo như đề xuất của các nhà quản lý giáo dục, hình thức khả thi nhất để lồng ghép giáo dục GNRRTT vào trong trường học là đưa một số bài giảng vào trong những môn học hiện đã có trong chương trình giáo dục chính khóa như: giáo dục công dân, địa lý, vật lý, giáo dục môi trường. Một giải pháp nữa là đưa giáo dục GNRRTT vào chương trình học, các hoạt động ngoại khóa của nhà trường và một số môn cơ bản đã được quy định trong Bộ GD&ĐT thực hiện việc này.

Mặc dù Chính phủ và ngành giáo dục đã cam kết đưa giáo dục GNRRTT vào trong nhà trường, và giáo dục cho học sinh các kỹ năng phòng ngừa, ứng phó, song việc thực hiện các kế hoạch này còn phải lựa chọn nội dung và phương thức lồng ghép phù hợp với các trường, các lứa tuổi khác nhau. Hiện tại, ngành giáo dục đang thiếu các tài liệu hướng dẫn, công cụ lồng ghép các chủ đề về GNRRTT và thích ứng với BDKH vào trong chương trình học, môn học, đặc biệt là việc lồng ghép các chủ đề phải hết sức phù hợp với hoàn cảnh và tình hình hiểm họa của từng vùng, miền của Việt Nam. Các trường học cũng thường gặp khó khăn trong việc xây dựng các tài liệu giảng dạy, chương trình ngoại khóa và các buổi tập huấn. Một thách thức nữa là hiện còn thiếu hụt đáng kể về giảng viên được đào tạo về GNRRTT, đặc biệt là những giảng viên cho những vùng có người nghèo có thảm họa và tình trạng dễ bị tổn thương cao.

Một thách thức nữa là hiện còn thiếu hụt đáng kể về tài chính để triển khai chương trình đào tạo, gồm các chi phí xây dựng và in ấn các tài liệu, đào tạo giảng viên nguồn. Một số chương trình giảng dạy thí điểm, chương trình đào tạo giảng viên của các dự án trước đây sẽ được tiếp nhận và được ngành giáo dục sử dụng.

### **Chỉ số đánh giá 3:**

Đã xây dựng và củng cố phương pháp nghiên cứu, công cụ đánh giá đa rủi ro, nghiên cứu về lợi ích chi phí

### **Mức độ đạt được:**

2 – Có đạt được một số tiến bộ nhất định, nhưng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết về thể chế

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**GNRRTT đã được đưa vào chương trình/ngân sách nghiên cứu ứng dụng khoa học chưa ? có.**

- Các báo cáo, kết quả, sản phẩm nghiên cứu
- Các dự án và chương trình nghiên cứu
- Các công trình nghiên cứu về phân tích chi phí và lợi ích kinh tế của GNRRTT

### **Mô tả**

Trong các năm gần đây, đã có một số dự án nghiên cứu về các chủ đề BDKH và GNRRTT được thực hiện tại các vùng, miền như: BDKH và nước biển dâng ở ĐBSCL, nghiên cứu về KT-TV, giới và GNRRTT, kiến thức bản địa về GNRRTT, các cơ chế tài chính GNRRTT. Năng lực nghiên cứu của các

nhà nghiên cứu Việt Nam đang từng bước được nâng cao thông qua việc tham gia các dự án nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới như: GIS, VCA, mô hình BĐKH. Mặc dù sự cần thiết tiến hành những nghiên cứu chuyên sâu về GNRRTT đã được đề cập trong chính sách quốc gia, tuy nhiên hiện có rất ít cơ quan nghiên cứu được trang bị công nghệ hiện đại và có năng lực đáp ứng. Các cơ quan nghiên cứu hiện nay chủ yếu thuộc các trường đại học, các viện, hơn nữa trọng tâm nghiên cứu hiện nay mới chỉ tập trung vào các lĩnh vực về rủi ro KT-TV và mô hình rủi ro. Việc phổ biến các kết quả nghiên cứu, các phát hiện và khuyến nghị cũng còn hạn chế. Tháng 7/2012, Bộ TN-MT ban hành kịch bản về tác động của BĐKH và nước biển dâng ở Việt Nam và được đặt tại trang web:

Các công cụ PRA và VCA đã được sử dụng rộng rãi và chia sẻ trên các trang web. Công cụ đánh giá đa nguy cơ đang được áp dụng hợp lý nhất quán ở cấp địa phương với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế/Hội Chữ thập đỏ.

Năm 2011/2012 UNDP đã hỗ trợ phát triển phương pháp đánh giá đa rủi ro hiểm họa để xác định mức độ rủi ro tại cấp xã. Nghiên cứu này đã phát triển một chỉ số rủi ro tích hợp sử dụng các số liệu thống kê quốc gia về các rủi ro, thiệt hại thiên tai, địa hình, lượng mưa, dân số, tỷ lệ hộ nghèo.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Thách thức đầu tiên trong lĩnh vực này là sự cần thiết phải hoàn tất, xuất bản và phổ biến rộng rãi kết quả đánh giá đa rủi ro thiên tai tại cấp xã. Kết quả này đã nhận được ý kiến khác nhau từ các bên liên quan và một số ý kiến hoài nghi về việc sử dụng.

Năng lực áp dụng các công cụ nghiên cứu hiện đại bao gồm cả chi phí phân tích, chiến lược đánh giá môi trường, đánh giá tác động môi trường, đánh giá đa tiêu chí, lồng ghép vấn đề giới. Hiện các nghiên cứu chủ yếu tập trung về thủy lợi, tài nguyên nước, chưa chú trọng nhiều về GNRRTT.

Các nghiên cứu trong việc nâng cao chất lượng ứng phó với thiên tai và GNRRTT còn thiếu tính thực tiễn nên chưa được công nhận đầy đủ để áp dụng trong thực tế. Do đó, các kết quả nghiên cứu chưa được lồng ghép thích đáng trong quá trình lập kế hoạch và đưa ra chính sách.

Cuối cùng, việc thiếu nguồn nhân lực và tài chính dành cho các nghiên cứu về GNRRTT và các cơ chế để thiết lập các tổ chức nghiên cứu tư nhân cũng là những thách thức không nhỏ đối với việc phát triển năng lực và xây dựng một đội ngũ nghiên cứu mạnh về GNRRTT ở Việt Nam.

### **Chỉ số đánh giá 4:**

Đã có chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng toàn quốc nhằm xây dựng một "văn hoá phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai từ thành thị tới các cộng đồng nông thôn:

### **Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Các chiến dịch giáo dục cộng đồng về GNRRTT có đến được những cộng đồng có nguy cơ rủi ro cao không? Có.**

Các chương trình/chiến lược giáo dục cộng đồng

- Chương trình tập huấn cho lãnh đạo các cấp địa phương  
 Có các thông tin về các hoạt động GNRRTT ở cấp cơ sở

### Mô tả

Chiến lược Quốc gia Phòng chống và GNTT và Quyết định về QLRRTT DVCD đã đặt trọng tâm vào công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về GNRRTT thông qua truyền thông và đào tạo. Quyết định 1002 đặt mục tiêu đến năm 2020 sẽ phổ biến kiến thức về GNRRTT cho 70% dân cư của các xã thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai. UNDP, các tổ chức phi chính phủ đã hỗ trợ xây dựng tài liệu đào tạo, và khung giám sát đánh giá và các công cụ khác để thực hiện Chương trình QLRRTTDVCD.

Hàng năm, Việt Nam tổ chức các chiến dịch truyền thông về GNRRTT vào các dịp: ngày truyền thống Phòng chống thiên tai của Việt Nam, Ngày Quốc tế Giảm nhẹ thiên tai và các hoạt động diễn tập trước mùa mưa bão các cấp. Ngành tài nguyên, môi trường cũng thường xuyên tổ chức các sự kiện khác nhau về chủ đề bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH cho cộng đồng. Hàng năm, các cấp đều tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động phòng tránh và GNTT, tìm kiếm cứu nạn. Ngân hàng Thế giới hỗ trợ xây dựng một chiến lược truyền thông về GNRRTT. Chiến lược truyền thông đã đề cập toàn diện nội dung, đề xuất thời gian tiến hành, cơ quan thực hiện và các loại hình truyền thông. Mạng lưới JANI, với sự tham gia nỗ lực của 16 tổ chức đã hỗ trợ cho công tác GNRRTT bằng nhiều phương thức khác nhau gồm danh mục các điển hình làm tốt, ủng hộ việc lồng ghép kiến thức GNRRTT vào trong nhà trường, tích hợp GNRRTT/TU BĐKH vào quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng. Đặc biệt, mạng lưới JANI đã phát triển liên kết chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng và hỗ trợ một số chuyên tham quan học tập nâng cao kiến thức phương tiện truyền thông GNRRTT.

Bộ TT-TT và Sở TT-TT các tỉnh, thành phố sẵn có cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc đủ mạnh (truyền hình, phát thanh, báo in, internet, điện thoại) để triển khai các chương trình tuyên truyền giáo dục đại chúng về chủ đề GNRRTT, đảm bảo thông suốt trong mọi tình huống. Bộ TT-TT có Quỹ Viễn thông công ích có thể được tận dụng hỗ trợ thiết bị thu-phát thanh và điện thoại cho các khu vực khó khăn và đối tượng dễ bị tổn thương. Hệ thống thông tin di động sẵn sàng cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn cảnh báo thiên tai tới các thuê bao di động.

Trung ương Hội CTĐVN phối hợp cùng với một Công ty viễn thông di động lớn đã sử dụng dịch vụ tin nhắn để huy động sự ủng hộ của cộng đồng sau các trận bão, lũ gây thiệt hại lớn cho các tỉnh miền Trung. Công ty truyền hình kỹ thuật số (VDC) đã khai trương và phát hình kênh truyền hình VTC14 dành riêng phát các chương trình và tin tức liên quan đến GNRRTT và môi trường. Hiện tại Đài truyền hình Việt Nam cũng đang xem xét xây dựng và phát một chương trình chuyên đề như vậy. Khi các kênh truyền hình trên đi vào hoạt động, khả năng tiếp cận với nguồn thông tin giáo dục, truyền thông và cảnh báo sớm của cộng đồng đặc biệt là tại các khu vực dễ bị tổn thương sẽ được cải thiện đáng kể.

### Bối cảnh và hạn chế

Chiến lược truyền thông GNRRTT cần một sự đầu tư thích đáng về mặt ngân sách để triển khai các hoạt động cụ thể. Tại cấp cộng đồng, việc lập kế hoạch PCLB và GNTT hàng năm cần phải đảm bảo lồng ghép một số hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và cần được cấp ngân sách phù hợp để triển khai.

Các cơ quan chịu trách nhiệm về QLRRTT các cấp cần phải nỗ lực vận động để thu hút được sự tham

gia của khối tư nhân và người dân tại cộng đồng trong mỗi chiến dịch truyền thông, nhằm huy động nhiều hơn nữa nguồn lực và xây dựng một văn hóa phòng tránh thiên tai. Trong năm 2011, Phòng Thương mại Việt Nam (VCCI) đã ký với Ban Chỉ đạo PCLBTW Biên bản ghi nhớ đối tác công tư để thực hiện chương trình QLRRTT DVCD. Sáng kiến này có thể mở đường cho việc tài trợ và tham gia nhiều hơn nữa cho chương trình quốc gia QLRRTT DVCD.

Việc thiếu hụt nguồn nhân lực có đủ kỹ năng triển khai các hoạt động giáo dục và truyền thông cộng đồng cũng góp phần làm chậm tiến độ triển khai chương trình QLRRTT DVCD. Do đó, cần có chính sách và phân bổ tài chính để xây dựng năng lực cho cán bộ chuyên trách về PCLB các cấp về truyền thông GNRRTT.

## PHẦN 6: ƯU TIÊN HÀNH ĐỘNG 4

### Ưu tiên hành động 4: Định nghĩa và tầm quan trọng

#### Giảm các yếu tố nguy cơ cơ bản

##### Chỉ số đánh giá 1:

*Phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào các kế hoạch, chính sách về môi trường, bao gồm chính sách về sử dụng đất, quản lý tài nguyên, và thích ứng với biến đổi khí hậu.*

#### Mức độ đạt được:

2 – Có đạt được một số tiến bộ nhất định, nhưng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết về thể chế

#### Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng

**Có cơ chế bảo vệ và phục hồi các dịch vụ hệ thống sinh thái giúp điều tiết môi trường không? (liên quan đến đất ngập nước, rừng ngập mặn, rừng nguyên sinh, v..v) Có**

- Các văn bản pháp quy về các khu vực được bảo vệ
- Chi trả cho dịch vụ hệ thống sinh thái (PES)
- Lập kế hoạch lồng ghép (ví dụ quản lý khu vực duyên hải)
- Các đánh giá tác động môi trường (EIAs)
- Các chương trình và dự án thích nghi với biến đổi khí hậu

#### Mô tả

Trong những năm gần đây Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy về lĩnh vực QLRRTT, BDKH và BVMT. CTMTQG UPBDKH đã được phê duyệt năm 2009, trong đó đề ra nhiều biện pháp công trình và phi công trình nhằm giảm nhẹ TTDBTT cho cộng đồng trước các tác động ngày càng tăng của BDKH, đang và sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng thiên tai ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, CLQG BDKH (năm 2011) tiếp tục đề cập đến các vấn đề an ninh lương thực, năng lượng và nước, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, an sinh xã hội, y tế công cộng, cải thiện đời sống và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, Chiến lược coi nền kinh tế có lượng carbon thấp và tăng trưởng xanh là những nguyên tắc chính và bắt buộc trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính. Nâng cao nhận thức, và nhấn mạnh sự tham gia và nâng cao năng lực cũng như là tham gia vào các cam kết quốc tế để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu.



Các ưu tiên chương trình CLQG BĐKH về quản lý nguồn nước và ứng phó với BĐKH thực hiện ở ĐBSCL và ĐBSH, chương trình ứng phó BĐKH khu vực đô thị lớn của Việt Nam, giai đoạn 2011 - 2015 và kế hoạch mở rộng giai đoạn 2016 - 2025. Cũng theo Chiến lược này, Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu (NCCC) được thành lập vào đầu năm 2012 để hỗ trợ Chính phủ về việc đưa ra kế hoạch hành động ngay lập tức và dài hạn, các chương trình và chiến lược để đối phó với BĐKH và phối hợp liên ngành tăng cường và lập kế hoạch.

Một số ngành có liên quan trong quản lý tài nguyên thiên nhiên (gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi) đã chú trọng lồng ghép nội dung GNRRTT khi đề ra mục tiêu và lựa chọn các giải pháp trong các quy hoạch tổng thể, kế hoạch và chiến lược của ngành ở cấp Trung ương cũng như cấp địa phương. Hiện nay các ngành đang trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể (trong 10 năm) ở cấp quốc gia. KHPT ngành và KHPT KT-XH trong 5 năm của các tỉnh cũng đang được soạn thảo cho giai đoạn 2011-2015. Kết quả khảo sát một số dự thảo KHPT KT-XH cấp tỉnh cho thấy rằng các nội dung về GNRRTT đã được lồng ghép với mức độ khác nhau tùy theo tình hình thiên tai của từng địa phương. Ví dụ như trong Chiến lược cũng như KHPT nông nghiệp trong 5 năm ở các tỉnh khu vực Duyên hải Miền Trung đặc biệt nhấn mạnh đến cơ chế chuyển đổi mùa vụ, giống cây trồng vừa đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời có khả năng thích ứng được hạn hạn kéo dài hoặc né tránh có hiệu quả với lụt, bão. Trong khi đó, Chiến lược và KHPT của ngành Thủy lợi lại rất chú trọng đến việc xây dựng hệ thống đê điều, công trình thủy lợi phù hợp với tình hình thiên tai cụ thể của từng vùng nhằm phòng tránh lũ, chống xói lở và quản lý tổng hợp tài nguyên nước.

Một số quyết định của Chính phủ liên quan đến chiến lược phát triển quốc gia, đã được Chính phủ phê duyệt, xem GNRRTT là một trong những mục tiêu chiến lược. Một trong những mục tiêu của Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam (2011 - 2020) là để giảm các tác động tiêu cực đối với kinh tế môi trường bằng cách khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Green GDP, ESI và phạm vi bảo hiểm lâm nghiệp là một trong số các chỉ số để theo dõi và đánh giá Chiến lược. Đây là một tiến bộ đáng kể cho thấy Chính phủ Việt Nam sẽ kết hợp GNRRTT vào chiến lược phát triển quốc gia.

Luật Bảo vệ môi trường cung cấp các hướng dẫn và quy trình thực hiện Đánh giá Tác động Môi trường (EIA) cho các dự án đầu tư và Chiến lược Đánh giá Môi trường(SEA) các chính sách (chiến lược), các chương trình, kế hoạch. Tạo ra cơ sở lý thuyết pháp lý cho việc đánh giá rủi ro thiên tai và các tác động tiềm năng. Những thủ tục này ngày càng được áp dụng và thông báo cho các dự án, chính sách, chương trình, kế hoạch, ví dụ như SEA hiện đang được thực hiện để xây dựng Kế hoạch Lâm nghiệp tổng thể (2011-2020). SEA đã thực sự bao gồm DRR như là một vấn đề phát triển bền vững môi trường/trong suốt quá trình đánh giá. Mặc dù đáng tiếc là chưa có quy định pháp lý rủi ro thiên tai phải được giải quyết trong đánh giá tác động môi trường hoặc SEA, chúng tạo ra không gian mới để đưa mối quan ngại rủi ro thiên tai trong việc xây dựng các dự án, chính sách, chương trình và kế hoạch ở cấp quốc gia.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Sự phối hợp liên ngành và công tác lập kế hoạch vẫn còn yếu và mang tính cố hữu và vẫn đang tiếp tục là những khiếm khuyết gây cản trở lớn trong việc lập KHPT. Các cơ quan chủ chốt và các ngành đã được hướng dẫn cách xây dựng kế hoạch hiệu quả nhưng thường các Sở/ngành này chủ động xây dựng các kế hoạch là chính, rất ít thậm chí không tham vấn hay lấy ý kiến đóng góp từ các ngành khác. Việc thành lập Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu đóng góp vai trò để phối hợp hài hòa và quy hoạch

ngành.

Số lượng cán bộ ở Việt Nam có trình độ chuyên môn về lĩnh vực môi trường còn rất thiếu và không có nhiều trường đại học có ngành học hay chương trình đào tạo cung cấp các khóa chuyên sâu về quản lý môi trường. Do đó, các Sở, ngành có trách nhiệm quản lý về lĩnh vực môi trường không có các cán bộ có kỹ năng và trình độ phù hợp, đặc biệt là ở cấp địa phương. Sự hạn chế này rõ ràng đã gây những khó khăn cho hoạt động quản lý; đối với các quy trình ĐGTĐMT, các dự án thường không được đánh giá hay thẩm định một cách chính xác và kỹ lưỡng. Các nhà đầu tư chịu trách nhiệm đối với mỗi dự án đầu tư nhất định, ví dụ trước khi xây dựng một con đường hoặc một hầm mỏ phải tiến hành ĐGTĐMT. Đánh giá này sau đó sẽ được rà soát lại, thẩm định và phê duyệt bởi Sở TN-MT. Việc chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của ĐGTĐMT và sự hạn chế về kiến thức quản lý môi trường của các cán bộ đánh giá là một khó khăn lớn trong việc đảm bảo rằng các biện pháp giám sát và giảm nhẹ các tác động đến môi trường đã được đề cập đầy đủ trong bản đề xuất dự án.

Nhìn chung, sự tham gia hay lấy ý kiến của cộng đồng còn hạn chế trong ĐGTĐMT và các báo cáo đánh giá chưa được chính thức công bố để bắt buộc các nhà đầu tư hay các cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm giám sát và thực thi theo đúng các quy định. Các vấn đề về GNRRTT hiện vẫn chưa được quy định là yêu cầu bắt buộc trong giai đoạn điều tra hoặc thẩm định trong các hướng dẫn ĐGTĐMT. Các vấn đề về sức khỏe môi trường chưa được đề cập một cách có hệ thống trong quy định của các ngành liên quan. Hiện nay, các vấn đề về rủi ro thiên tai chưa là yếu tố bắt buộc trong hướng dẫn điều tra hay đánh giá của EIA. Tuy nhiên dự thảo luật đã đề cập việc cần phải đưa đánh giá rủi ro thiên tai vào quá trình lập kế hoạch và thiết kế trong các dự án đầu tư.

Chiến lược quốc gia phát triển bền vững (2011 - 2020) xem xét bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng để phát triển đất nước. Tuy nhiên, để hài hòa sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế và xã hội, nên có những quy định tại chỗ để thực thi các lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là những người được hưởng lợi từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, để thực hiện trách nhiệm xã hội của họ. Ngoài ra, có lẽ do thiếu kiến thức cộng đồng, trách nhiệm và sự tham gia trong GNRRTT và thích ứng với biến đổi khí hậu, đây chính là những yếu tố rất quan trọng để tăng khả năng phục hồi của đất nước.

Theo Luật Bảo vệ môi trường, ĐGMTCL cần được áp dụng cho tất cả chiến lược, chương trình và các dự án ở cấp quốc gia. Tuy nhiên đây vẫn là khái niệm khá mới mẻ và mới chỉ được thực hiện vài năm gần đây. ĐGMTCL cho các kế hoạch của tỉnh và ngành cần tính đến GNRRTT như một nội dung chính trong việc định hướng các chiến lược, chương trình kế hoạch và dự án ở giai đoạn viết đề xuất. Các vấn đề về rủi ro thiên tai hiện vẫn chưa phải là các nội dung được yêu cầu trong giai đoạn điều tra và thẩm định trong các hướng dẫn ĐGMTCL.

Việt Nam đã đạt được các tiến bộ đáng khích lệ trong việc xây dựng các chính sách và văn bản pháp quy về môi trường. Tuy nhiên, mức độ nhận thức của người dân về các quy định này còn rất hạn chế cũng như hiệu lực thực thi luật pháp còn rất yếu. Bên cạnh đó, một số yếu tố khác cản trở việc thực hiện các chính sách và văn bản pháp quy về môi trường như: sự thiếu thống nhất giữa các văn bản pháp quy, kinh phí dành cho các hoạt động đảm bảo thực thi luật pháp còn hạn hẹp, và sự phân tán quyền lực giữa các cấp có thẩm quyền liên quan, ví dụ như quyền hạn được phân chia giữa các cơ quan khác nhau chịu trách nhiệm bảo vệ rừng và việc thiếu một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực thi luật pháp.

**Chỉ số đánh giá 2:**

Các kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế, xã hội được thực hiện nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương của cộng đồng sống ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai

**Mức độ đạt được:**

2 – Có đạt được một số tiến bộ nhất định, nhưng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết về thể chế

**Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Có các hệ thống bảo trợ xã hội giúp tăng khả năng chống chịu với thiên tai của những cộng đồng và hộ gia đình có nguy cơ rủi ro cao không? Có**

- Bảo hiểm tài sản và hoa màu
- Cơ chế đảm bảo việc làm
- Chương trình chuyển tiền mặt có điều kiện
- Các chương trình, chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo có lồng ghép vấn đề GNRRTT
- Tài chính vi mô
- Bảo hiểm vi mô

**Mô tả**

Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới trong khi vẫn đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cũng như luôn chủ động dự trữ đủ mức cần thiết để cứu trợ trong trường hợp khẩn cấp. Sự mất an ninh lương thực không phải là một vấn đề lớn của Việt Nam ngoại trừ đối với một số cộng đồng sống tách biệt và ở một số vùng sâu, vùng xa, tuy nhiên đã có những biện pháp phù hợp để cung cấp lương thực trong trường hợp khẩn cấp đến những nơi này. Việt Nam thiết lập một mạng lưới các bệnh viện và trạm y tế xuống tới cấp xã, do đó những nhu cầu cơ bản đã được đáp ứng. Chính phủ Việt Nam cũng dành một khoản ngân sách lớn cho việc đầu tư cung cấp các dịch vụ cơ bản đến các khu vực nông thôn và có các chương trình cụ thể của nhà nước cho các đối tượng là người nghèo như Chương trình 134 và 135 trong đó hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương, Chương trình 167 (nhà cho người nghèo) và đầu tư một số ngành có lợi cho nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương, Chương trình 661 của ngành lâm nghiệp cung cấp một nguồn tài trợ nhỏ cho các hộ nghèo tham gia bảo vệ rừng.

Gần đây, chính phủ Việt Nam đã đưa vào thực hiện một chương trình tổng thể để phát triển khu vực nông thôn, nơi có dân số chiếm đến 67,64%, đó là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020. Chương trình này nhằm tạo ra sự chuyển biến mới trong nông nghiệp, đổi mới bộ mặt nông thôn và nâng cao đời sống của nông dân. Đến tháng 6 năm 2014, sau ba năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, cả nước đã có 185 xã đạt cả 19 bộ tiêu chí, 93,1% số xã hoàn thành quy hoạch chung, 81% số xã đã được phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới, hơn 9000 mô hình sản xuất có hiệu quả, thu nhập của cư dân nông thôn năm 2013 tăng 1,8 lần so với năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn giảm bình quân 2% xuống còn 12,6% vào năm 2013.

Nghị quyết 80 về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020 tập trung phát triển cơ sở hạ tầng; hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo công ăn việc làm cho người nghèo; hỗ trợ về y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý, văn hóa, thông tin và nhà ở cho người nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn, những nơi thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trên toàn quốc. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 nhằm nâng cao điều kiện sống của người nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã,

thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Các ưu đãi về tỉ lệ lãi suất và các khoản cho vay đến các hộ nghèo vùng nông thôn thông qua Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Các dự án tài trợ từ vốn ODA cho phát triển nông thôn cũng có cung cấp các chương trình tài chính vi mô nhưng những hỗ trợ này chỉ là ngắn hạn và trong khuôn khổ dự án chứ chưa phải là các cam kết hỗ trợ mang tính cơ cấu do nhà nước chỉ đạo.

Hiện nay, Việt Nam đang phát triển một số chương trình an sinh xã hội quốc gia. Luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp mới ban hành năm 2009 cũng đã đề cập một số hình thức hỗ trợ xã hội cho người lao động mất việc làm do thiên tai hoặc các trường hợp bất khả kháng khác. Nghị định 64/2009 quy định về mức hỗ trợ cho những người bị thiệt hại về nhà hoặc bị mất người thân trong thiên tai.

Quyết định 118/2007/QĐ-TTg quy định sự hỗ trợ tài chính cho các ngư dân đánh bắt trên biển bị tác động bởi thiên tai; Quyết định 142/2009/QĐ-TTg về hỗ trợ vật nuôi, cây trồng bị thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh. Do đó, đã có một số tiến triển trong việc thực hiện chỉ số này nhưng vẫn chưa có các cam kết mạnh mẽ về chính sách hoặc cơ chế một cách hệ thống, nhất là các chính sách liên quan đến cơ chế bảo hiểm, mạng lưới an sinh xã hội, cứu trợ thảm họa bằng tiền mặt và phục hồi, tái thiết sau thiên tai.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, 2 công ty là Bảo Việt và Groupama (công ty bảo hiểm của Pháp) cung cấp bảo hiểm nông nghiệp nhưng chỉ có rất ít nông dân tham gia bảo hiểm này. Trong tổng số khoảng 1 triệu USD trong năm 2008 (chủ yếu là chăn nuôi và trồng các loại cây cao su, không có lúa gạo.)

Mãi đến năm 2011, chính phủ mới ra Quyết định 315/2011/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2013 với ba loại hình sản phẩm là bảo hiểm cây lúa, bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm thủy sản nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Qua ba năm thực hiện, chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai ở 20 tỉnh, thành phố và đã có 304.017 hộ dân tham gia ký hợp đồng bảo hiểm (hộ nghèo chiếm 80,8%). Tổng giá trị được bảo hiểm là 7.747,9 tỷ đồng, trong đó bảo hiểm cây lúa đạt 2.151 tỷ đồng, bảo hiểm vật nuôi đạt 2.713,2 tỷ đồng và bảo hiểm thủy sản đạt 2.883,7 tỷ đồng. Tổng doanh thu phí bảo hiểm là 394 tỷ đồng, tuy nhiên, tổng chi phí bồi thường 701,8 tỷ đồng.

Chương trình QLRRTT DVCĐ đã được Chính phủ phê duyệt đã đưa ra khung chính sách nhằm bảo vệ và hỗ trợ cho nhóm dân bị thiên tai nhiều nhất, gồm cả nguồn tài chính và nhân lực thực hiện cho các hoạt động liên quan.

Lĩnh vực y tế đã bắt đầu triển khai thực hiện các mô hình sản xuất các thiết bị y tế/bệnh viện an toàn ở những khu vực bị thiên tai.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Ở Việt Nam, vẫn còn những tồn tại khá lớn giữa nguồn kinh phí được đề xuất và kinh phí được đáp ứng trong thực tế đối với giai đoạn tái thiết và phục hồi sau thiên tai. Kinh phí cho hoạt động ứng phó ngắn hạn chủ yếu được lấy từ các quỹ dự trữ quốc gia/tỉnh trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, việc thiếu một chiến lược cung cấp kinh phí cho các hoạt động khắc phục rủi ro thiên tai có thể dẫn đến sự chậm trễ kéo dài trong giai đoạn tái thiết và phục hồi do chưa có hoặc không có kinh phí. Do đó, các quỹ cho hoạt động tái thiết và hỗ trợ sinh kế cũng bị trì hoãn hoặc không đáp ứng đủ trong đó bao gồm

cả nguồn kinh phí cho mạng lưới an sinh xã hội và bảo trợ xã hội cho người nghèo. Mặc dù Chương trình bảo hiểm nông nghiệp đã được thực hiện nhưng phạm vi của Chương trình mới chỉ thí điểm ở 20 tỉnh và thành phố nên chưa được nhiều người biết đến. Hơn nữa, sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp chỉ giới hạn ở ba loại hình là cây lúa, vật nuôi và thủy sản. Do đó, thị trường cho các dịch vụ bảo hiểm này còn hạn chế. Một vấn đề quan trọng khác là các doanh nghiệp bảo hiểm (Bảo Việt, Bảo Minh và Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia) đang lỗ hơn 300 tỷ đồng sau ba năm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp. Đây cũng là rào cản cho việc huy động các công ty bảo hiểm tham gia vào dịch vụ vẫn còn non trẻ này..

Các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới được xây dựng trước thời điểm Luật Phòng, chống thiên tai ra đời (năm 2014) nên chưa tính đến những rủi ro do thiên tai gây ra. Vì vậy, vấn đề lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong các chương trình này đều vắng bóng.

Hiện nay vẫn chưa có một chính sách quốc gia nào giải quyết các rủi ro thiên tai trong ngành y tế, kể cả cho những nhóm dễ bị tổn thương.

Chính vì vậy, chính phủ đang giao cho Bộ kế hoạch và đầu tư chủ trì cùng với sự phối hợp của các Bộ, ngành khác xây dựng một Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội và sớm được ban hành vào cuối năm 2014 hoặc đầu năm 2015 (Quyết định 1061/QĐ-TTg).

Thực hiện chương trình QLRRTT DVCD phải đối mặt với thách thức do tài chính, đặc biệt là ở cấp địa phương.

### **Chỉ số đánh giá 3:**

*Các chính sách về kinh tế, ngành sản xuất và kế hoạch đã được thực hiện để giảm tình trạng dễ bị tổn thương của các hoạt động kinh tế*

#### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

#### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Các chi phí và lợi ích của hoạt động GNRRTT được đề cập đến trong khâu lập kế hoạch cho các khoản đầu tư công không? Chưa có**

- Các hệ thống đầu tư công cho ngành và cho quốc gia có lồng ghép nội dung GNRRTT
- Các khoản đầu tư cho việc xây mới hệ thống cơ sở hạ tầng gồm có trường học và bệnh viện

#### **Mô tả**

Chiến lược Quốc gia về phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ “Phát triển kinh tế xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương cũng đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, địa phương.

Ngành nông nghiệp đã có kế hoạch xây dựng, củng cố hệ thống đê điều, hệ thống công trình thủy lợi, cảng an toàn và các biện pháp phi công trình như chuyển đổi mùa vụ, lựa chọn các giống cây trồng có khả năng chịu hạn và chịu úng ngập, nghiên cứu về kỹ thuật canh tác trên nền đất dốc và hoạt động phổ biến các mô hình nông, lâm dự kiến giúp ổn định sản xuất vùng cao giúp giảm xói mòn, sạt lở đất và lũ quét.

Chính phủ có quy hoạch sử dụng đất cho phát triển kinh tế, tuy nhiên sự phát triển kinh tế xã hội ở một số địa phương chưa tuân thủ theo quy hoạch, làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai. Hiện nay, Luật Đất đai đang được sửa đổi, trong đó nhấn mạnh đến quy hoạch sử dụng đất.

Các biện pháp phi công trình bao gồm các loại hình bảo hiểm bắt buộc cho ngư dân, hỗ trợ cho các hợp tác xã ngư nghiệp. Trong khi đó, đối với ngành lâm nghiệp, mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 là nâng tỷ độ che phủ của rừng lên 47% vào năm 2020. Tính đến ngày 31/12/2013, độ che phủ của rừng là 40,96%. Các ưu tiên khác có thể kể đến phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, và trồng rừng phòng hộ (rừng ngập mặn) ở các khu vực duyên hải.

Hiện nay, một số biện pháp phòng tránh và GNRRTT đã được lồng ghép trong các kế hoạch ngành ở cấp tỉnh và Trung ương như: tôn cao nền vượt lũ, xây trường học, bệnh viện an toàn. Các công trình công cộng trên cũng được sử dụng để làm địa điểm trú ẩn trong trường hợp khẩn cấp.

Một số dự án, hoạt động của ngành công nghiệp khai khoáng, xây dựng, giao thông, thủy điện phát triển nhanh, nhưng chưa quan tâm đến các tác động môi trường và có một nhu cầu lớn hơn để cân bằng lợi ích kinh tế với rủi ro môi trường cho người dân địa phương.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Việt Nam đã đạt được tiến bộ lớn trong việc cung cấp một số lượng đáng kể các khoản đầu tư công cho việc xây dựng, củng cố cơ sở hạ tầng và sẽ được tiếp tục triển khai nhằm bảo đảm phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, các quyết định được đưa ra vẫn dựa trên các thông tin còn khá hạn chế về mô phỏng thiên tai và kịch bản BĐKH. Việc thiếu thông tin và những kết quả nghiên cứu sâu về hiểm họa thiên tai và BĐKH có tính chất đặc thù của Việt Nam có thể dẫn đến những khó khăn trong việc lồng ghép các vấn đề về ứng phó với BĐKH và GNRRTT trong tầm nhìn phát triển KT-XH dài hạn.

Ngoài ra, chưa có sự đầu tư thỏa đáng vào việc đánh giá rủi ro thiên tai, do vậy trong quá trình xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai còn chưa tính hết các yếu tố rủi ro, dẫn đến chưa đảm bảo an toàn và tính bền vững của các công trình.

### **Chỉ số đánh giá 4:**

Các yếu tố liên quan đến phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch, quản lý các khu dân cư, bao gồm các tiêu chuẩn về xây dựng nhà an toàn.

### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

### Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng

**Có khoản đầu tư nào cho giảm rủi ro của tình trạng dễ bị tổn thương cho các khu dân cư đô thị không? Có**

- Các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng thoát nước tại các khu vực thường xảy ra lũ
- Ổn định các vùng đất dốc ở các khu vực dễ xảy ra sạt lở
- Các chương trình đào tạo về công nghệ xây dựng an toàn
- Có các khu vực an toàn cho các hộ gia đình và cộng đồng dân cư có thu nhập thấp

### Mô tả

**Luật Phòng chống thiên tai** đã quy định phải đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai khi lập dự án đầu tư xây dựng đô thị, di dân dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về môi trường, xây dựng và quy hoạch đô thị

Bộ XD đã xây dựng Quy hoạch tổng thể đô thị đến năm 2020, trong đó tiếp tục triển khai chương trình di dân ở các vùng có nguy cơ cao (đã được triển khai từ năm 2000), bao gồm di dân các vùng nguy cơ ngập sâu thuộc đồng bằng sông Cửu Long, tái định cư ở các vùng bờ biển có nguy cơ xói lở. Chương trình di dân, tái định cư và quy hoạch cơ sở hạ tầng là những nội dung trọng tâm của Quy hoạch sử dụng đất như các biện pháp công trình đê và đập.

Bộ XD đã ban hành hơn 1.000 quy chuẩn/hướng dẫn về an toàn xây dựng, trong đó có khoảng 10 tiêu chuẩn có liên quan đến GNRRTT. Năm 2008, Bộ XD cũng đã ban hành Hướng dẫn áp dụng kỹ thuật xây dựng riêng cho một số vùng có nguy cơ cao về thiên tai, nhằm đảm bảo khả năng chống chọi với các loại hình thiên tai của các công trình xây dựng và cơ sở hạ tầng. Bộ cũng đã xây dựng một số mô hình nhà chống lũ và chống bão chuẩn để phổ biến cho một số tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn có hạn chế lớn giữa các hướng dẫn và tiêu chuẩn và sự phù hợp của chúng với các lĩnh vực khác về tiến hành thực hành ở các xã/làng do các địa phương xây dựng.

### Bối cảnh và hạn chế

Diện tích đất nông nghiệp đang ngày càng bị thu hẹp là hệ quả của việc tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số nhanh chóng ở Việt Nam trong thập kỷ gần đây. Đây thực sự là một trong những thách thức lớn đối với Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh BĐKH và nước biển dâng như hiện nay. Theo nghiên cứu của Bộ TN-MT đối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long, dự kiến sẽ có khoảng 19% diện tích đất sẽ bị ngập nếu nước biển dâng cao 75cm vào năm 2100 (theo dự đoán mức độ nghiêm trọng trung bình). Như vậy, hàng triệu cư dân tại các khu vực này sẽ phải di dời đi nơi khác, nhưng địa điểm của các khu tái định cư vẫn đang là bài toán chưa có lời giải. Mặc dù một số khu vực tái định cư cũng như các biện pháp công trình khác (đê biển, hệ thống tiêu thoát nước ở các đô thị, v.v...) đã và đang được xây dựng để bảo vệ dân cư các vùng nguy hiểm, nhưng đến nay Việt Nam chưa có các số liệu, thông tin về nguy cơ thảm họa chi tiết để xác định các khu vực an toàn và khu vực có nguy cơ thiên tai. Hiện rất khó tính được con số thực tế và biết được cụ thể những bộ phận dân

cur nào còn có nguy cơ rủi ro.

Bên cạnh đó, giải pháp di dân cần phải được tiến hành đồng bộ với các biện pháp khác một cách tổng thể, nhằm giải quyết triệt để, tránh phát sinh các vấn đề khác. Điển hình như thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống tiêu thoát khá tốt, đảm bảo thoát lũ; tuy nhiên hiện nay, thành phố đang phải đối mặt với các vấn đề như ngập do triều cường, rác thải, ô nhiễm, nước sạch, vệ sinh. Những vấn đề như vậy sẽ càng phổ biến hơn khi vấn đề di dân tự do vào các đô thị ngày một gia tăng.

Việc xây dựng một cách tự phát không theo quy hoạch và quy chuẩn là một vấn đề quan trọng cần được xem xét. Các quy chuẩn xây dựng và quy trình quy hoạch đều đã được xây dựng và ban hành, nhưng chưa được thực thi đầy đủ; vẫn còn tồn tại rất nhiều trường hợp xây dựng trái phép. Công tác quản lý và thực thi các quy định, tiêu chuẩn xây dựng thực sự đang vấp phải rất nhiều khó khăn

Việt Nam cũng đang đối mặt với những khó khăn trong công tác quản lý tài nguyên nước và nguồn năng lượng đảm bảo cho phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt ngày càng tăng cao. Xây dựng các đập lớn, vừa và nhỏ với 2 mục đích là làm thủy điện và phục vụ cho nông nghiệp trên hầu hết các lưu vực sông là một trong các giải pháp phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, cần phải di dân để xây dựng các hồ chứa, trong khi diện tích đất cho tái định cư không còn nhiều, do đó các khu tái định cư thường được đặt ở các vùng ven, người dân phải canh tác trên các vùng đất dốc, không ổn định và điều này lại nảy sinh các vấn đề về bảo vệ lưu vực.

Bên cạnh đó, còn có những thách thức lớn trong quản lý sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế mà vẫn đảm bảo phát triển bền vững và môi trường an toàn. Những yếu điểm và khó khăn tồn tại trong ngành xây dựng cần phải được chỉ rõ nhằm đảm bảo chất lượng đầu tư; các doanh nghiệp xây dựng và người lao động cần phải được trang bị kiến thức đầy đủ, các quy chuẩn và các hướng dẫn cần được tuân thủ, các quy định cần được thực thi, cũng như tính minh bạch, rõ ràng trong ngành xây dựng cần được đảm bảo.

#### ***Chỉ số đánh giá 5:***

Các giải pháp giảm nhẹ thiên tai được lồng ghép vào quá trình khắc phục hậu quả thiên tai và tái thiết sau thiên tai.

#### **Mức độ đạt được:**

2 – Có đạt được một số tiến bộ nhất định, nhưng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết về thể chế

#### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Các chương trình và các chỉ số kiểm chứng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết** Chưa có

(Chưa có) % kinh phí từ các quỹ tái thiết và phục hồi dành cho GNRRTT

Các biện pháp được sử dụng để giải quyết các vấn đề về giới trong giai đoạn phục hồi

#### **Mô tả**

Gần đây, đã có một số phân tích sơ bộ (của Ngân hàng thế giới và ADB) về các cơ chế tài chính rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các quỹ dự phòng dành riêng cho các hoạt động phục hồi



sớm và tái thiết. Hiện nay, Việt Nam chưa có Quỹ phục hồi và tái thiết mà chỉ có Quỹ dự phòng chung (khoảng 2- 5% từ ngân sách quốc gia và ngân sách tỉnh). Trong các trường hợp khẩn cấp, Chính phủ có thể trích từ dự trữ quốc gia chi cho các hoạt động ứng phó khẩn cấp, phục hồi và tái thiết. Có thể nói, cơ chế này được đánh giá là hiệu quả cho ứng phó khẩn cấp nhưng chưa thể đáp ứng cho phục hồi và tái thiết dài hạn (một phần là do công cụ đánh giá thiệt hại hiện tại chưa tính đến các nhu cầu phục hồi và phát triển bền vững trong dài hạn). Ở Việt Nam cũng đã có một vài cơ chế tài chính rủi ro, giúp tăng khả năng thanh khoản và tạo điều kiện phân bổ nguồn vốn cho tái xây dựng và phục hồi sau thảm họa nhanh hơn. Việc áp dụng một số cơ chế này cho thấy chính phủ Việt Nam đã bắt đầu quan tâm đến vấn đề tài chính rủi ro nhưng đây chỉ là một sự phát triển gần đây. Năng lực thực thi các chính sách liên quan đến các quy chuẩn xây dựng còn thấp là một lý do khác khiến điểm đánh giá của chỉ số này thấp. Luật Quản lý thiên tai dự kiến sẽ đề cập chi tiết hơn về vấn đề này. Tại một số tỉnh như Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Kon Tum và Gia Lai, một số tổ chức phi chính phủ như DW -F và các HCTĐ đã rất nỗ lực triển khai thí điểm một số dự án và bước đầu đã đạt được những thành công trong việc vận động chính quyền địa phương thực hiện các chương trình tái thiết an toàn hơn. Tuy nhiên đây là những trường hợp nhỏ lẻ và chưa thực sự bền vững do các yếu tố như ngân sách hạn hẹp, thiếu chính sách đồng bộ.

**Luật Phòng chống thiên tai** đã đề cập đến phục hồi sau thiên tai và đã có các quy định cho việc lồng ghép GNRRTT. Có một số tiến bộ trong việc xây dựng lại trường học, bệnh viện, đường giao thông sau khi xảy ra thảm họa với quan điểm "xây dựng lại tốt hơn", tuy nhiên, các ví dụ này cần phải có trong một chính sách tổng thể, liên kết xây dựng với sự phát triển bền vững, và thực hiện trên quy mô lớn hơn chứ không chỉ là chỉ một trường hợp đặc biệt.

**MPI sẽ có Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch PT ngành KT-XH. Thời gian thực hiện: 2014 - 2015**

**Bối cảnh và hạn chế** Hiện nay chưa có tài liệu chính sách chiến lược, pháp luật tích hợp, ràng buộc giữa các biện pháp GNRRTT và điển hình làm tốt quốc tế về phục hồi và tái thiết sau thiên tai. Như đã được chứng minh ở trên, mặc dù đã có những thành tựu về việc phát triển các mô hình phòng chống thiên tai cho tái thiết, nhưng không hướng dẫn theo dõi chặt chẽ và có những hạn chế đáng kể về các quy định và tiêu chuẩn tại chỗ. Ngay cả với pháp luật, quy định và tiêu chuẩn tại chỗ vẫn còn có những bất cập khi thực hiện và thực thi do hạn chế về ngân sách cả về vật liệu xây dựng cũng như các chi phí hoạt động giám sát và thực thi. Như vậy, xét một cách tổng thể thì hiện tại vẫn chưa có một phương pháp tiếp cận lồng ghép GNRRTT vào phục hồi và tái thiết sau thiên tai, mà đây chỉ là tiêu chí để chấm điểm đối với chỉ số này.

Ngân sách cho phục hồi và tái thiết là một thách thức lớn trong bối cảnh hiện nay. Qua một số phân tích sơ bộ cho thấy ngân sách dành cho tái thiết còn thiếu (ước tính khoảng 275 triệu Đô la Mỹ cho năm 2006, đây có thể là con số chưa đầy đủ do quy trình đánh giá thiệt hại chưa hợp lý). Chưa có quỹ tái thiết nào được thành lập ở cấp Trung ương. Trong khi đó, quỹ dự phòng chủ yếu được huy động để ứng phó khẩn cấp, phần ngân sách còn lại sẽ chỉ đủ đáp ứng một phần nhỏ cho tái thiết trong thời gian ngắn. Các hoạt động tái thiết sẽ phải trông chờ từ nguồn ngân sách của năm sau và các chính sách phát triển KT-XH.

Các văn bản pháp quy liên quan đến GNRRTT như các hướng dẫn, quy định, quy trình và các quy chuẩn cho từng loại hình thiên tai và từng khu vực thiên tai cần thiết phải được xây dựng đồng bộ. Bên cạnh đó, vấn đề giới trong phục hồi và tái thiết chưa được quan tâm đến, điều này cần được đề cập đến

trong các chính sách, văn bản pháp quy cũng như trong các hoạt động tái thiết. Nhà nước cần có những quan điểm tài chính rủi ro để bố trí nguồn kinh phí đầy đủ cho phục hồi và tái thiết sau thiên tai.

Đánh giá nhu cầu sau thiên tai là một bước quan trọng và riêng biệt của các hoạt động ứng phó khẩn cấp, trong đó hướng dẫn cụ thể về các lĩnh vực cần phải được xem xét, chẳng hạn như các vấn đề nhạy cảm giới trong GNRRTT để tránh tổn thất trong tương lai và các vấn đề khác xuyên suốt, cần được cung cấp.

### **Chỉ số đánh giá 6:**

Đã có các quy định hướng dẫn và yêu cầu đánh giá tác động về rủi ro thiên tai cho các dự án phát triển lớn, đặc biệt là các dự án về cơ sở hạ tầng

### **Mức độ đạt được:**

2 – Đã đạt được một số tiến bộ nhất định, nhưng chưa có cơ chế chính sách một cách hệ thống và/hoặc cam kết về thể chế

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Có đánh giá về tác động của các dự án phát triển quy mô lớn đến rủi ro thiên tai không?** đã có

Đánh giá tác động của các dự án như xây dựng đập, hệ thống thủy lợi, đường cao tốc, hầm mỏ, phát triển du lịch đến rủi ro về thiên tai

Các tác động của rủi ro thiên tai được xem xét đến trong các đánh giá tác động môi trường (EIA)

### **Mô tả**

Việt Nam đã đạt được thành công nhất định trong việc lồng ghép một số biện pháp giảm thiểu rủi ro (chủ yếu là biện pháp công trình) vào trong các KHPT ngành và KHPT chung ở cấp tỉnh. Các tỉnh và một số ngành chủ chốt đều đã xây dựng KHHĐ nhằm triển khai thực hiện CLQG GNTT đến năm 2020. Tuy nhiên, chưa có quy định nào bắt buộc thực hiện đánh giá rủi ro trong các chính sách, chương trình và kế hoạch, hoặc các dự án lớn. Tuy vậy, Việt Nam cũng đạt được một số tiến bộ nhất định trong việc thực hiện các đánh giá tác động môi trường (ĐGTĐMT), ví dụ như Kế hoạch tổng thể thủy điện đến năm 2020.

Mặc dù GNRRTT chưa được xem là một trong số các tiêu chí đánh giá chính trong ĐGMTCL, nhưng việc yêu cầu thực hiện các ĐGMTCL đã phần nào xem xét đến các biện pháp GNRRTT trong giai đoạn đầu của việc xây dựng các chính sách, chương trình và kế hoạch.

Đối với những dự án lớn cấp quốc gia như đường cao tốc hoặc công trình thủy điện lớn, ĐGMTCL và các biện pháp GNRRTT trong ĐGTĐMT là nội dung không thể thiếu. Đánh giá tác động thiên tai đã được quy định bắt buộc đối với các dự án xây dựng đập (trừ các đập có quy mô nhỏ/đập tràn) và đường cao tốc.

Ngoài ra, sự gia tăng của thiên tai đô thị trong những năm gần đây do BĐKH và quy hoạch đô thị kém. Vì vậy, việc đánh giá và QLRRTT là hợp phần quan trọng trong việc quy hoạch phát triển đô thị.

Hiện nay, một số ĐGMTCL đã và đang được thực hiện trong các ngành /lĩnh vực công nghiệp khác nhau như thủy điện, lâm nghiệp.

**Bối cảnh và hạn chế**

Quy trình đánh giá tác động môi trường mới đưa ra gần đây vẫn còn có những thách thức đáng kể như cần các công cụ hiệu quả và quy trình cần thiết để thực hiện trên các lĩnh vực khác nhau. Bộ TN & MT là cơ quan chính phủ dẫn đầu về đánh giá tác động môi trường và EIA đã thấy được những thách thức này và đang bắt đầu nâng cao nhận thức từ cấp thấp nhất về Đánh giá tác động môi trường là gì cho các cán bộ ở tất cả các cấp thông qua các sáng kiến xây dựng năng lực khác nhau. Tính chất pháp lý của đánh giá tác động môi trường cũng nên được thay đổi trong tương lai và đang được Bộ TN & MT xem xét phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh để đưa đánh giá rủi ro thiên tai vào quá trình đánh giá này. Tương tự, cần cập nhật để đưa đánh giá tác động của rủi ro thiên tai vào đánh giá tác động môi trường cho các dự án trong tương lai gần. Như một hệ quả, nhiều đánh giá tác động môi trường đã không giải quyết thậm chí ngay lập tức /ngắn hạn tác động môi trường hoặc đưa ra kiến nghị đầy đủ về các biện pháp giảm thiểu. Một điểm khác của đánh giá tác động môi trường là còn chưa tham vấn công chúng.

Một khía cạnh khác của đánh giá tác động môi trường là ngay cả khi tác động môi trường được xem xét trong thiết kế dự án và các biện pháp giảm thiểu hoặc bồi thường quy định như một điều kiện trước khi phê duyệt và phát triển bởi những người ủng hộ, công tác giám sát nhìn chung vẫn còn yếu và cần tăng cường các quy định và văn bản pháp luật về môi trường. Hậu quả của những hạn chế trong đánh giá tác động môi trường thường để lại những hậu quả to lớn cho môi trường bao gồm cả các thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất do xây dựng đường cao tốc, lũ lụt gây ra rò rỉ cống/đập. Việc tiếp cận thông tin giám sát của công chúng vẫn còn hạn chế và khó khăn và khi xảy ra sự cố xảy ra thì việc đền bù cũng như biện pháp giảm nhẹ còn rất ít.

**PHẦN 7: ƯU TIÊN CHO HÀNH ĐỘNG 5****Ưu tiên cho hành động 5: Định nghĩa và tầm quan trọng****Tăng cường công tác phòng chống thiên tai để ứng phó hiệu quả ở tất cả các cấp****Chỉ số đánh giá 1:**

Đã có chính sách, năng lực, thể chế, chuyên môn và các cơ chế rõ ràng về quản lý rủi ro với quan điểm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại chỗ

**Mức độ đạt được:**

3 – Đã đạt được các cam kết về thể chế, nhưng kết quả thu được vẫn chưa đáng kể hoặc chưa toàn diện

Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng

**Có các chính sách hay chương trình quốc gia nhằm đảm bảo mức độ an toàn cho các trường học và bệnh viện trong trường hợp khẩn cấp không? Có**

- Các chính sách và chương trình về an toàn trường học và bệnh viện  
 Chương trình đào tạo và diễn tập cho các trường học và bệnh viện về hoạt động phòng ngừa cho các tình huống khẩn cấp

**Mô tả**

Về mặt chính sách, CLQG GNTT đã đề cập một cách toàn diện về chủ trương và chính sách GNRRTT. Hiện nay, Việt Nam đã có một cơ cấu tổ chức khá hoàn chỉnh về QLRTT – hệ thống tổ chức của BCĐPCLBTW và các BCHPCLB&TKCN tại địa phương. Chính phủ đã ban hành Nghị định 14/2010/ND-CP tăng cường năng lực và hệ thống tổ chức của hệ thống PCLB và TKCN các cấp. Ở cấp quốc gia, BCĐPCLBTW và UBQGTK&CN đã phối hợp một cách hiệu quả trong các tình huống ứng phó khẩn cấp, cứu hộ cứu nạn. Ở tuyến tỉnh và cơ sở, việc hợp nhất thành BCHPCLB&TKCN đã góp phần tăng hiệu quả và sự kịp thời của các hoạt động ứng phó. Tại Việt Nam, mạng lưới các tổ chức đoàn thể, xã hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng rất tích cực tham gia vào các hoạt động cứu trợ khẩn cấp (ví dụ như: Đoàn Thanh niên, HCTĐ). Gần đây Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu mà trọng tâm là giảm rủi ro thiên tai đã được phê duyệt.

Phần lớn cán bộ PCLB các cấp đều làm việc kiêm nhiệm, ít được đào tạo chính quy về GNRRTT hay quản lý thảm họa. Mặc dù năng lực ứng phó với thảm họa (tổ chức sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn) của cán bộ và các cơ quan PCLB&TKCN từ cấp huyện trở lên đã đủ mạnh, nhưng năng lực lập kế hoạch, và giảm nhẹ rủi ro của cán bộ PCLB vẫn còn nhiều hạn chế (ví dụ: lập kế hoạch giảm nhẹ rủi ro, kế hoạch tái thiết). Mặc dù đào tạo và xây dựng năng lực là một trong những hợp phần của chương trình CBDRM, nhưng công tác này chưa được hệ thống hóa và mới chỉ có một số cán bộ cấp tỉnh/huyện trên toàn quốc đã được đào tạo trong khuôn khổ chương trình này (**các khoá tập được tổ chức vào cuối năm 2011 và giữa 2012 cho hơn 500 cán bộ, từ 43 tỉnh/thành phố**, tài liệu chính khảo về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH đã được xây dựng phê duyệt). Tính đến tháng 9/2014, cả nước đã có 1044 cán bộ cấp tỉnh trong cả nước được đào tạo để trở thành các tập huấn viên về CBDRM. Trong số 1044 cán bộ này, đa phần đến từ Hội chữ thập đỏ và Ban chỉ huy PCLB tỉnh. Trung tâm PT&GNTT đang cùng với dự án SCDM II triển khai các hoạt động đào tạo CBDRM đến cấp xã. Đến cuối tháng 9/2014 sẽ có khoảng 480 cán bộ của 32 xã thuộc 15 tỉnh sẽ được đào tạo về quản lý RRTT-DVCD và đánh giá RRTT-DVCD. Theo thể hoạch, cuối năm 2014 sẽ có khoảng 810 cán bộ xã thuộc 54 xã của 20 tỉnh thuộc dự án sẽ được đào tạo về quản lý RRTT-DVCD và ĐGRRTT-DVCD.

Hiện tại đã có một số chương trình cụ thể để cải thiện điều kiện cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn cho các trường học và cơ sở y tế như Chương trình kiên cố hóa trường học, bệnh viện đã được đưa vào trong các chính sách và kế hoạch cụ thể của các ngành hữu quan (Bộ GD-ĐT, Bộ Y tế). Tổ chức Y tế thế giới cũng rất tích cực trong việc thử nghiệm “mô hình các bệnh viện an toàn hơn” trên phạm vi cả nước. Tại đồng bằng sông Cửu Long và khu vực miền Trung là nơi thường xuyên phải đối mặt với những trận lũ, bão lớn, ngành giáo dục và y tế đã có kế hoạch cụ thể đảm bảo việc nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở hạ tầng phải chú ý đến việc đảm bảo an toàn trước gió bão và mức lũ lịch sử. Cụ thể, cao độ nền phải cao hơn mức lũ lịch sử năm 2000 ở đồng bằng sông Cửu Long và các cơ sở xây mới ở miền Trung phải là nhà kiên cố với ít nhất từ 2 tầng trở lên.

Về các hoạt động đào tạo và thực hành diễn tập phòng ngừa thảm họa đã được tổ chức thường xuyên hàng năm ở cấp quốc gia, Việt Nam cũng đã tham gia một số diễn tập phòng ngừa thiên tai của khu vực ASEAN và sẽ tổ chức diễn tập chung ứng phó thiên tai khu vực ASEAN (ARDEX) năm 2013. Hàng năm, BCHPCLB&TKCN và chính quyền địa phương (huyện, xã) thường tổ chức diễn tập phương án ứng phó khẩn cấp với sự tham gia của lực lượng quân đội, công an, HCTĐ, dân quân, tự vệ, đoàn thanh niên, các đội xung kích, đội tình nguyện và cộng đồng. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí, việc diễn tập chỉ được tiến hành ở một vài xã/huyện thường xuyên bị thiên tai, và chưa thành hoạt động thường kỳ. Từ năm 2009 đến nay, các hoạt động diễn tập mới được tổ chức ở cấp tỉnh với kinh phí do Trung ương cấp và cũng chỉ tổ chức được mỗi năm 1 đến 2 lần ở một hoặc 2 địa phương. Diễn tập ở cấp quốc gia ít khi được tổ chức. Hiện nay, hoạt động diễn tập về ứng phó khẩn cấp đã được tổ chức tại một số trường học và cơ sở y tế. Ở một số đơn vị có dự án tài trợ của các tổ chức PCPQT, BCHPCLB&TKCN và chính quyền địa phương đã tổ chức diễn tập ở một số xã có nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai.

## Bối cảnh và hạn chế

Mặc dù đã có cơ cấu tổ chức khá hoàn chỉnh và nhiều chính sách ưu tiên đối với công tác PCLB&GNTT, nhưng nguồn lực và trang thiết bị giành cho công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai vẫn còn nhiều hạn chế do không được đào tạo một cách bài bản và chưa chuyên nghiệp hóa. Cần làm tốt hơn nữa việc phổ biến các kết quả nghiên cứu cấp quốc gia đến các cấp địa phương để nâng cao chất lượng lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động GNRRTT. Hiện tại, ưu tiên chủ yếu vẫn tập trung vào các hoạt động ứng phó và phục hồi sớm. Mặt khác, hầu hết cán bộ PCLB từ Trung ương đến cấp cơ sở đều làm việc kiêm nhiệm hoặc chỉ có chuyên môn về thủy lợi, quản lý đê điều nên cũng gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động QLRRTT. Chưa có trường, lớp nào đào tạo chuyên ngành về lĩnh vực phòng chống và GNTT

Thiên tai xảy ra thường xuyên với mức độ ngày càng nguy hiểm và ác liệt hơn nên đã thu hút được sự quan tâm chú ý của các tổ chức và cả cộng đồng bao gồm cả các tổ chức tôn giáo, các công ty tư nhân, các tổ chức PCP trong nước tham gia vào các hoạt động ứng phó thiên tai (quyên góp và phân phối hàng cứu trợ). Tuy nhiên, các thành phần này cũng chưa được đào tạo cơ bản để có đủ kiến thức và kỹ năng trong QLRRTT nên đôi khi đã gây ra những khó khăn cho chính quyền địa phương trong việc quản lý và đảm bảo sự công bằng, minh bạch và điều phối trong các hoạt động cứu trợ.

Hơn thế nữa, công tác GNRRTT hiện vẫn còn được coi là nhiệm vụ của riêng ngành NN&PTNT; các ngành khác và cộng đồng có xu hướng chỉ tham gia khi có thảm họa thiên tai xảy ra. Do vậy, cần có nhiều nỗ lực và đầu tư hơn nữa vào các biện pháp phi công trình đối với các hoạt động phòng ngừa và GNRRTT đã được thể chế hóa và cam kết mạnh mẽ từ Chính phủ được thể hiện qua Quyết định 1002 về CBDRM. Mối liên quan giữa GNRRTT và thích ứng với BĐKH cần được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn trong bối cảnh vấn đề BĐKH đang rất được quan tâm. Bên cạnh đó, cũng cần phải chuẩn hóa các tài liệu, chương trình giáo dục về QLRRTT và kỹ năng, đào tạo giảng viên nguồn, đào tạo sơ cấp cứu và các kỹ năng cần thiết khác về GNRRTT- một số hoạt động này đang được thực hiện trong khuôn khổ dự án do UNDP hỗ trợ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội chữ thập đỏ và các cộng đồng tổ chức phi chính phủ quốc tế thực hiện giai đoạn 2012-2016.

### Chỉ số đánh giá 2.

Các cấp đã có kế hoạch dự phòng và phòng tránh thiên tai, thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập để kiểm tra và xây dựng các chương trình ứng phó thiên tai

#### Mức độ đạt được:

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

#### Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng

**Đã có các kế hoạch dự phòng, quy trình và các nguồn lực cho việc khắc phục thiên tai lớn chưa?**

Có

- Các kế hoạch dự phòng có xem xét các yếu tố về giới
- Trung tâm vận hành và truyền thông
- Các nhóm tìm kiếm và cứu nạn
- Các kho dự trữ hàng cứu trợ
- Chỗ ở
- Đảm bảo các cơ sở y tế

Các vật dụng dành cho phụ nữ cho việc cứu trợ, chỗ ở và thuốc men và trang thiết bị trong trường hợp khẩn cấp

### Mô tả

Hàng năm, 100% các xã, huyện và tỉnh đều tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện trong năm trước và để lập kế hoạch PCLB và GNTT cho năm tiếp theo, cập nhật tình hình diễn biến thiên tai, kiện toàn bộ máy tổ chức PCLB&TKCN, v.v... Tại cấp quốc gia, hàng năm BCĐPCLBTW, Ban chỉ huy PCLB&TKCN các Bộ, ngành đều tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động PCLB và GNTT của năm trước và triển khai kế hoạch năm sau. Các Bộ có liên quan đều xây dựng kế hoạch hành động cho riêng ngành mình. Tuy nhiên, phần lớn các hoạt động chủ yếu vẫn do cơ quan đầu mối là Bộ NN&PTNT và các Sở NN&PTNT đảm nhiệm. Hiện vẫn còn thiếu một cơ chế điều phối hiệu quả và một quy trình lập kế hoạch ‘thực sự’ có sự tham gia của tất cả các bên liên quan cũng như xem xét toàn diện tới các khía cạnh của công tác QLRRTT (để làm được cần phân bổ đủ các nguồn lực ở các Bộ, ngành và địa phương). Trong nhiều trường hợp, các kế hoạch ứng phó và phòng tránh thiên tai chỉ do một số cán bộ của BCHPCLB&TKCN/UBND thực hiện với việc cập nhật các kế hoạch trước đây mà ít có sự tham gia của các cơ quan hữu quan và tiếng nói từ đại diện của phụ nữ vào kế hoạch.

Hàng năm, vào ngày truyền thống Giảm nhẹ thiên tai của Việt Nam (22 tháng 5), Chủ tịch Nước đều gửi thư tới BCĐPCLBTW, các cấp các ngành liên quan, đồng bào và chiến sĩ trong cả nước, kêu gọi sự chú ý và tham gia tích cực vào quá trình chuẩn bị, ứng phó kịp thời nhằm giảm nhẹ thiên tai và nhanh chóng phục hồi, tái thiết để ổn định đời sống cho nhân dân. Trước mùa bão lũ hàng năm, Thủ tướng Chính phủ đều ban hành Chỉ thị hướng dẫn cho tất cả các bên có liên quan đến các hoạt động phòng chống lũ lụt và bão.

Hệ thống TKCN đã được thiết lập và gần đây đã được trang bị công nghệ và cơ sở vật chất hiện đại để sẵn sàng tổ chức các hoạt động TKCN trên bờ và ngoài khơi. Tuy nhiên, trang thiết bị TKCN vẫn chưa phải là thiết bị chuyên dùng do cơ cấu tổ chức là kiêm nhiệm nên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác TKCN; đối với cấp xã, đặc biệt là ở các địa bàn miền núi, vẫn cần nâng cấp các phương tiện và trang thiết bị liên lạc cho phù hợp với tình hình thực tế để hoạt động hiệu quả hơn.

Phương châm ‘4 tại chỗ’ được coi là một nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt cần được áp dụng rộng rãi trong các hoạt động chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó và khôi phục sau thiên tai. Tổ chức JANI phối hợp với Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo PCLBTW đã biên soạn, xuất bản và phổ biến một cuốn sách giới thiệu đầy đủ, ngắn gọn về nội dung này. Hàng năm, HCTĐ tổ chức đào tạo sơ cấp cứu cho các tình nguyện viên tại một số xã (thường tại địa bàn dự án của HCTĐ hoặc các tổ chức PCPQT). Tuy nhiên, công tác chuẩn bị theo phương châm “4 tại chỗ” vẫn còn nhiều bất cập do thiếu về nguồn lực đã thiết lập được hệ thống thông tin phục vụ công tác ứng phó thiên tai. Trong trường hợp khẩn cấp để ứng phó với các thảm họa lớn, Ban chỉ huy tiền phương được thiết lập tại một số vùng trọng điểm (Đà Nẵng, tp. HCM,...) để kịp thời chỉ huy các hoạt động ứng phó, cứu trợ và hỗ trợ địa phương và cộng đồng có nguy cơ đe dọa hoặc đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thiên tai. Từ nhiều năm nay đã hình thành mạng lưới các kho hàng dự trữ các mặt hàng thiết yếu ( lương thực, nhà bạt, vật tư, v.v...) của nhà nước và HCTĐ tại các địa điểm chiến lược trên khắp cả nước để sẵn sàng phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp cho đồng bào bị thiên tai.

Nhà tạm phục vụ nhân dân sơ tán hiện vẫn chủ yếu là sử dụng các công trình công cộng với điều kiện nước sạch, vệ sinh rất hạn chế, chưa đảm bảo riêng tư về giới. Trong trường hợp phải sơ tán dài hạn, lều bạt (do Quân đội và HCTĐ cung cấp) được sử dụng để người dân ở tạm trong thời gian xảy ra thảm họa.

Việt Nam có một mạng lưới bệnh viện và trung tâm y tế dự phòng khá hoàn chỉnh và bao phủ rộng khắp, có khả năng sơ cấp cứu ban đầu và cung cấp cơ sở thuốc thiết yếu. Tuy nhiên, hiện tại vẫn còn thiếu nhiều trang

thiết bị y tế hiện đại và đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn cao tại các tuyến cơ sở để có thể điều trị và cứu chữa những trường hợp bị thương nặng hoặc các vấn đề y tế nghiêm trọng khác. Các Đội y tế lưu động được thành lập tại các trung tâm y tế huyện và bệnh viện tỉnh luôn sẵn sàng triển khai hoạt động hỗ trợ mạng lưới y tế cơ sở khi cần thiết.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Nhìn chung, mỗi xã đều có kế hoạch ứng phó và phòng chống thiên tai. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí để thực hiện mô phỏng/điển tập ở tất cả các cấp nên hiệu quả và tính sẵn sàng cho các kế hoạch này bị hạn chế. Ngoài ra, kế hoạch hiện nay đặt sự quan tâm chính cho các thiên tai liên quan đến nước và ít chú ý đến các loại khác như hạn hán, động đất, sóng thần, vv...

Một thách thức khác là việc phổ biến các kế hoạch tới các xã, thôn cấp hộ gia đình, đặc biệt là ở các xã thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Trong hầu hết các trường hợp, chính quyền xã và cán bộ làm công tác phòng chống lụt bão để các kế hoạch này tại các văn phòng của họ và có rất ít nỗ lực để giới thiệu kế hoạch đến công chúng thông qua các cuộc họp thôn, hệ thống loa phát thanh, và trong các trường học.

Một tín hiệu tích cực là Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã trở thành thành viên của Ban chỉ đạo PCLBTU từ tháng 10/2013 tại Quyết định 261/QĐ-PCLBTW ngày 07/10/2013. Đây là quyết định quan trọng để Hội phụ nữ các cấp tham gia và có tiếng nói trong công tác PCTT.

### **Chỉ số đánh giá 3:**

*Đã có cơ chế ứng phó và tài chính dự trữ nhằm ứng phó và phục hồi sau thiên tai một cách hiệu quả*

#### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

#### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Có sẵn các nguồn tài chính cho việc khắc phục các thiên tai lớn không? Có**

- Các quỹ dự phòng quốc gia
- Bảo hiểm rủi ro thiên tai
- Trái phiếu rủi ro thiên tai

#### **Mô tả**

Theo luật Ngân sách, hàng năm các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương được dự phòng 2-5% tổng ngân sách cho các hoạt động ứng phó với thảm họa thiên tai, dịch bệnh và các hoạt động bất thường ngoài kế hoạch và chỉ được phép sử dụng khi có thảm họa xảy ra, chủ yếu phục vụ cho các hoạt động ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm. Luật PCTT, Pháp lệnh dự trữ quốc gia, chính quyền các cấp và người dân có trách nhiệm dự trữ vật tư PCLB phục vụ việc khắc phục sự cố công trình và công tác TKCN. Các địa phương và các Bộ chức năng có trách nhiệm dự trữ các loại hàng hóa thiết yếu để phục vụ công tác ứng phó khẩn cấp gồm vật tư, nhu yếu phẩm, lương thực, thuốc men, phương tiện cứu hộ. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã khuyến khích việc quyên góp tự nguyện cho những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai với sự tham gia tích cực của các tổ chức dân sự, các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp tư nhân, cá nhân.

Các nguồn lực tài chính hiện nay còn hạn chế, nên mới chỉ tập trung vào các hoạt động phòng ngừa ứng phó,

khắc phục hậu quả thiên tai. Các hoạt động tái thiết đang được lồng ghép cùng với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và huy động từ các khoản vay tái thiết sau thiên tai từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Tăng cường cơ chế điều phối, phối hợp và cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về ứng phó khẩn cấp (Nghị định 14/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010)

Phương châm ‘4 tại chỗ’ trong đó có “*vật tư và hậu cần tại chỗ*” được chuẩn bị chu đáo đã chứng tỏ được tính hiệu quả trong công tác ứng phó với thảm họa. Tuy nhiên, do khó khăn về mặt ngân sách, hiện tại Việt Nam vẫn còn thiếu đáng kể nguồn lực dự trữ để phục vụ cho công tác phục hồi sớm và tái thiết.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Nguồn dự phòng tài chính phục vụ cho công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai hiện nay chưa đảm bảo, đặc biệt trong các trường hợp thiên tai lớn. Mặt khác trong một số trường hợp, việc sử dụng nguồn dự trữ tài chính còn chưa hợp lý.

Việc đánh giá thiệt hại hiện nay chưa đảm bảo tính chính xác do việc tính toán thiệt hại do thiên tai chủ yếu là ước tính, chưa có phương pháp, công cụ hợp lý để thống kê, tính toán.

Kinh phí dành cho các nhu cầu tái thiết sau thiên tai về nguyên tắc phải nằm ngoài nguồn ngân sách chi tiêu theo kế hoạch hàng năm và được lấy từ các nguồn lực tài chính hoặc nguồn vốn vay của chính phủ. Trong thực tế, có thể mất vài năm để chính phủ bố trí phân bổ kinh phí cho việc tái thiết cơ sở hạ tầng then chốt bị hư hỏng nặng, gây gián đoạn nghiêm trọng cho nền kinh tế địa phương, sinh kế và ảnh hưởng đến người dân.

Cho đến nay, chưa có quỹ dự phòng quốc gia, trái phiếu và bảo hiểm dành riêng cho công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Vì vậy, khi bị thiên tai, người dân, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương nhất với khả năng đối phó thấp nhất luôn luôn bị ảnh hưởng nặng nề và mất nhiều thời gian để phục hồi. Gần đây, Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ đã bắt đầu nghiên cứu và thực hiện thí điểm các mô hình tài chính, bảo hiểm rủi ro thiên tai ở Việt Nam.

Quan hệ đối tác công - tư (chẳng hạn như với các công ty bảo hiểm) sẽ ngày càng trở nên quan trọng vì gánh nặng của Nhà nước về cung cấp bảo trợ xã hội, an ninh và phúc lợi ngày càng trở nên không thể quản lý được.

### **Chỉ số đánh giá 4:**

*Đã có cơ chế chia sẻ thông tin trong khi thiên tai xảy ra và thông tin đánh giá tình hình sau thiên tai*

### **Mức độ đạt được:**

4 - Đã đạt được những thành tích đáng khích lệ nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về năng lực và nguồn lực

### **Câu hỏi và chỉ số kiểm chứng**

**Có các quy trình và phương pháp thống nhất dùng cho việc đánh giá thiệt hại, tổn thất và nhu cầu khi thiên tai xảy ra? Có**

- Có năng lực và phương pháp đánh giá thiệt hại và tổn thất
- Các phương pháp đánh giá nhu cầu sau thiên tai
- Các phương pháp đánh giá nhu cầu sau thiên tai có hướng dẫn về nội dung giới
- Xác định và đào tạo nguồn nhân lực

### **Mô tả**



Các kênh truyền thông chính thức của nhà nước (VTV, VOV, Thông tấn xã) đã được sử dụng và phát huy hiệu quả trong việc chia sẻ thông tin và huy động nguồn lực nhằm triển khai các hoạt động ứng phó trong thời gian thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó các kênh thông tin khác (website, tờ rơi, ...) của BCĐPCLBTW, các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức khác đã hoạt động tốt, kịp thời cung cấp thông tin để ra quyết định và điều phối với các cơ quan thông tấn báo chí khác.

Một trong những kênh chia sẻ thông tin khi thiên tai xảy ra là các cuộc họp thường xuyên của BCĐPCLBTW để chỉ đạo các ngành, các cấp chuẩn bị và ứng phó với thiên tai.

Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ có cơ chế chia sẻ thông tin thông qua Nhóm làm việc về Quản lý thiên tai (DMWG) và Nhóm điều phối chương trình của LHQ về thiên tai và tình trạng khẩn cấp để chia sẻ thông tin về thảm họa, đánh giá thiệt hại sau thiên tai và cứu trợ khẩn cấp.

Việt Nam đã có hệ thống đánh giá thiệt hại được thực hiện từ Trung ương đến địa phương theo nguyên tắc cấp dưới báo cáo lên cấp trên. Việc báo cáo thiệt hại đã được thực hiện theo biểu mẫu thống nhất.

### **Bối cảnh và hạn chế**

Cơ chế hiện có để chia sẻ thông tin thiệt hại trong và sau thảm họa được coi là tương đối tốt ở cấp quốc gia, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế về tính chính xác của thông tin thu thập được thực hiện bởi các phóng viên, cán bộ địa phương do hạn chế về nguồn lực, kỹ năng, năng lực chuyên môn. Cần cải thiện hơn nữa các thông tin liên quan đánh giá các nhu cầu/sinh kế và khả năng để phục vụ công tác khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai. Việt Nam đang nỗ lực cải tiến công tác đánh giá thiệt hại (DANA) thông qua việc xây dựng các hướng dẫn như một công cụ tiêu chuẩn hóa nhằm đánh giá chính xác hơn thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ.

Một thách thức khác là hạn chế về kỹ năng/năng lực của các cán bộ làm công tác PCLB ở các cấp trong việc phân tích kết quả đánh giá thiệt hại, nhu cầu và các vấn đề liên quan đến giới để hỗ trợ quá trình ra quyết định.

## **PHẦN 8: CÁC YẾU TỐ CẦN THIẾT DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG**

### **Nhân tố chính của tiến trình- Định nghĩa và tầm quan trọng**

Nhân tố chính của tiến trình đề cập đến các yếu tố đóng vai trò là nhân tố chính hoặc chất xúc tác để đạt được tiến bộ đáng kể trong việc giảm rủi ro thiên tai và phục hồi bền vững.

Những yếu tố này sẽ khác nhau khi đặt vào bối cảnh quốc gia và địa phương, nhưng thường nhấn mạnh các yếu tố / những vấn đề mà một quốc gia quan tâm để lồng ghép vào các kế hoạch, chính sách và các chương trình như một phương tiện để đạt được mục tiêu giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Các vấn đề sau đây được coi là nhân tố chính hoặc chất xúc tác quan trọng ở cấp quốc gia và địa phương cho đánh giá này:

1. Lồng ghép phương pháp tiếp cận đa thảm họa để giảm rủi ro thiên tai và phát triển
2. Triển vọng về giới trong việc giảm rủi ro, phục hồi và các thể chế được thông qua
3. Xác định và củng cố năng lực để giảm thiểu rủi ro và phục hồi
4. An ninh cho mọi người và phương pháp lồng ghép công bằng xã hội vào giảm nhẹ rủi ro thiên tai, các hoạt động phục hồi

5. Cam kết và quan hệ đối tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân, và các cơ quan khác đã được tăng cường ở tất cả các cấp.
6. Các nhân tố khác của tiến trình trong bối cảnh quốc gia và địa phương /các yêu cầu.

Đánh giá sẽ xem xét đến sự nhấn mạnh của mỗi yếu tố này trong việc đạt được kết quả dự kiến trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

## Tiểu mục

### *a. Phương pháp tiếp cận tổng hợp đa hiểm họa để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và phát triển*

Phương pháp tiếp cận tổng hợp đa hiểm họa có thể cải thiện hiệu quả. Một cộng đồng thường xuyên phải đối mặt với những rủi ro từ các thảm họa khác nhau, có thể có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc do con người gây ra, và có thể xuất phát từ khí tượng thủy văn, địa chất, công nghệ, môi trường. Rủi ro tích lũy lại không thể được giải quyết một cách hiệu quả nếu các tác nhân chỉ đơn thuần là lựa chọn các sự kiện tiềm tàng các mối nguy hiểm. Phương pháp tiếp cận đa hiểm họa liên quan đến liên kết các kiến thức đầy đủ về các hiểm họa trong các phương pháp tiếp cận quản lý rủi ro, chiến lược, đánh giá và phân tích, dẫn đến hiệu quả cao hơn và chi phí phù hợp.

### Mức độ quan tâm

Các mức độ quan tâm xem xét đến tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong khi dựa vào các nhân tố cụ thể được thảo luận trong phần này.

### Đánh giá mức độ quan tâm

2 – Một phần/một số phụ thuộc: Đã nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề; chiến lược/khung hành động được xây dựng để giải quyết vấn đề này, tuy nhiên các hoạt động chưa được thực hiện một cách đầy đủ, có khoảng cách giữa chính sách và thực tế; chưa đạt được các thỏa thuận từ các bên liên quan chính.

### Câu hỏi hướng dẫn:

Các nghiên cứu/báo cáo/bản đồ dựa trên phân tích đa hiểm họa đã có ở tại quốc gia và địa phương chưa?

Nếu có, đã được áp dụng cho quy hoạch phát triển /thông báo chính sách?

### Mô tả

Nhận biết những nỗ lực hơn nữa hoặc nhấn mạnh nhu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư/hoặc chiến lược yêu cầu giảm nhẹ rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã hoặc không đặt trọng tâm nên một nhân tố chính.

CLQG GNTT khẳng định cần áp dụng phương pháp tiếp cận tổng hợp đa hiểm họa trong QLRRTT và Luật Phòng tránh thiên tai cũng đã nhấn mạnh về sự lồng ghép. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Các tiêu chí cụ thể và các bản đồ rủi ro thiên tai vùng và các địa phương cụ thể để làm cơ sở cho việc lồng ghép vẫn chưa được thực hiện. Hiện mới chỉ có các bản đồ hiểm họa cho từng loại hình thiên tai riêng lẻ, bản đồ đa hiểm họa được thực hiện các dự án và chương trình vẫn đang trong quá trình xây dựng. Đã có những nỗ lực để thúc đẩy áp dụng cách tiếp cận tổng hợp này tại tất cả các cấp nhưng chưa được thực hiện một cách có hệ thống.

Dự án NDRMP đã thử nghiệm thành công phương pháp tiếp cận QLRRTT tổng hợp tại 3 tỉnh Quảng

Nam, Quảng Trị, Thanh Hóa xây dựng các bản đồ hiểm họa dạng số hóa. Phương pháp này được công nhận là một công cụ hiệu quả trong công tác lập kế hoạch ở cấp tỉnh. Tuy nhiên, hầu hết các tỉnh không có thiết bị hoặc các nguồn lực tài chính đủ để phát triển các công cụ như vậy. Ngoài ra, phần lớn các tỉnh sẽ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật để có thể để đạt được điều này.

Cũng đã có một số hoạt động, các dự án quy mô nhỏ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong cả nước về xây dựng các kế hoạch QLRRTDVCD, dự án tích hợp nhưng gặp những khó khăn trong việc lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở cấp huyện và cấp tỉnh. Một trong những hạn chế ở đây dường như là khoảng thời gian ngắn cho chu kỳ kinh phí của nhà tài trợ, trong khi đó kế hoạch phát triển kinh tế địa phương không trùng giai đoạn và dài hơn. Kết quả là, các kết quả đầu ra của các dự án này thường không bền vững, đặc biệt là khi không có yêu cầu để chính quyền địa phương để tổng hợp kế hoạch. Vì vậy, thường có nhiều kế hoạch thực hiện CBDRM được chính quyền địa phương phê duyệt nhưng lại không được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển do đó ngân sách không được phân bổ.

Quyết định 1002 về QLRRTDVCD và để triển khai chương trình này cần phải đánh giá năng lực và tính dễ bị tổn thương tại 6000 xã và xây dựng đánh giá rủi ro đa thiên tai, xây dựng bản đồ rủi ro, và các kế hoạch quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Để đảm bảo triển khai được các nội dung của Quyết định 1002 và các kế hoạch về GNRRTT cần phải xây dựng một phương pháp chuẩn, triển khai các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo cho các tập huấn viên (bao gồm việc biên soạn tài liệu đào tạo). Hiện tại các cơ quan của Chính phủ, các địa phương đang từng bước thực thi hoạt động này để làm cơ sở cho việc thực hiện trên phạm vi cả nước. Hiện kinh phí thực hiện chương trình này đang được phân bổ từ ngân sách nhà nước, cùng với những hỗ trợ tài chính của HCTĐ và các nhà tài trợ/tổ chức PCPQT.

### ***b. Thể chế hoá và lồng ghép yếu tố giới trong phòng ngừa và ứng phó thiên tai***

Giới là một yếu tố cốt lõi được xem xét trong quá trình thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai. Giới là một nguyên tắc trung tâm của cả xã hội và do đó phụ nữ và nam giới có nguy cơ khác nhau trong thiên tai. Vấn đề giới thể hiện ở năng lực và nguồn lực của các cá nhân để xây dựng khả năng phục hồi, thích ứng với những rủi ro và ứng phó với thiên tai. Vì thế cần thiết để xác định và sử dụng thông tin về giới tính, để đảm bảo rằng các chiến lược giảm thiểu rủi ro một cách chính xác nhắm mục tiêu vào các nhóm dễ bị tổn thương nhất và được thực hiện một cách hiệu quả thông qua vai trò của cả phụ nữ và nam giới.

#### **Mức độ quan tâm**

Các mức độ quan tâm xem xét đến tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong khi dựa vào các nhân tố cụ thể được phác thảo trong phần này.

2 – Chưa có/có ít sự quan tâm: Chưa nhận thức đầy đủ về vấn đề trên ở mức độ chính sách cũng như trên thực tế; hoặc có quan tâm đến nhưng chưa làm gì hoặc chỉ làm rất ít để khắc phục vấn đề

#### **Câu hỏi hướng dẫn:**

Dữ liệu phân tách theo giới hiện có và đang được áp dụng để ra quyết định cho giảm thiểu rủi ro và các hoạt động phục hồi không? Vấn đề giới được đề cập đến trong chính sách và đề xuất chương trình và quá trình thực hiện theo một cách có ý nghĩa và phù hợp?

#### **Mô tả**

Nhận biết những nỗ lực hơn nữa hoặc nhấn mạnh yêu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư / hoặc chiến lược yêu cầu về giảm rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình'. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã làm hoặc không đạt trọng tâm trên nhân tố chính.

Luật Bình đẳng giới đã được Quốc hội thông qua năm 2006. Đây là bước tiến đáng kể về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ trong hệ thống pháp luật.

Hiện nay, chưa có hệ thống thu thập cơ sở dữ liệu và tình trạng dễ bị tổn thương, do đó mới chỉ có một vài đánh giá đối với các nhóm đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em và nhu cầu của đối tượng này trong công tác phòng ngừa, ứng phó và phục hồi sớm. Các số liệu, dữ liệu về vấn đề giới cũng chưa được thống kê hoặc chưa được công bố rộng rãi. Vấn đề giới trong ứng phó, sơ tán, tái định cư, phục hồi và trong hầu hết các khía cạnh khác của QLRRTT rất ít được đề cập. Áp dụng các phương pháp tiếp cận, công cụ nhằm lồng ghép vấn đề giới trong mọi lĩnh vực, phù hợp với bối cảnh của Việt Nam đã và đang là nhu cầu cấp thiết. Các chương trình nâng cao nhận thức và các chương trình đào tạo về QLRRTT cần được tăng cường.

Phụ nữ và Hội Phụ nữ có vai trò quan trọng trong công tác lập kế hoạch QLRRTT, ứng phó và phục hồi sớm ở cấp địa phương. Trong tháng 12 năm 2011, một bản tóm tắt chính sách về bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu (CCA) và giảm rủi ro thiên tai (DRR) đã được xây dựng với sự tham gia của các Bộ có liên quan, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, các cơ quan Liên Hợp Quốc. Tóm tắt chính sách nêu bật các thông báo và khuyến nghị chính đó phải được thông báo cho các nhà hoạch định chính sách ở các cấp cũng như các tổ chức chính cán bộ công tác trong lĩnh vực GNRRTT và TUBĐKH.

Một số điều khoản, nội dung được đề cập trong dự thảo luật thiên tai sẽ thúc đẩy nhiều hơn về công tác lồng ghép giới vào công tác quản lý rủi ro thiên tai.

### ***c. Tăng cường và nâng cao năng lực giảm thiểu rủi ro và phục hồi sau thiên tai***

Tăng cường năng lực là một chiến lược trọng tâm để giảm thiểu rủi ro thiên tai. Tăng cường năng lực là cần thiết để xây dựng và duy trì khả năng của người dân, tổ chức và xã hội để quản lý rủi ro thành công. Điều này đòi hỏi không chỉ thông qua đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật chuyên ngành, mà còn tăng cường năng lực của cộng đồng và cá nhân để nhận biết và giảm thiểu rủi ro tại địa phương. Điều này bao gồm chuyển giao công nghệ bền vững, trao đổi thông tin, phát triển mạng lưới, kỹ năng quản lý, mối quan hệ chuyên nghiệp và các nguồn lực khác. Phát triển năng lực cần phải được duy trì thông qua các tổ chức hỗ trợ phát triển năng lực và duy trì năng lực chuyên môn và mục tiêu đang diễn ra.

#### **Mức độ liên quan**

Mức độ của sự liên quan xem xét tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong đó dựa vào các nhân tố cụ thể được phân thảo trong phần này.

### **3 – Tiến bộ đáng kể và liên tục: những nỗ lực đáng kể để hiện thực hóa các cam kết với chiến lược rõ ràng, xác định và có cam kết của các bên liên quan.**

#### **Câu hỏi hướng dẫn:**

Các cơ quan chịu trách nhiệm thiết kế, tổ chức và văn phòng ở địa phương có năng lực cho việc thi hành các quy định giảm thiểu rủi ro?

Các tổ chức địa phương, các ủy ban làng xã, cộng đồng, tình nguyện viên hoặc hiệp hội phúc lợi cư dân đô thị có được đào tạo cho việc ứng phó với thiên tai không?

## Mô tả

Nhận biết những nỗ lực hơn nữa hoặc nhấn mạnh yêu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư /hoặc chiến lược yêu cầu giảm rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã làm hoặc không đặt trọng tâm trên một nhân tố chính.

Yếu tố thúc đẩy này được đánh giá là tốt hơn trong 02 năm trước đây do Chính phủ đã có nhiều hành động tăng cường năng lực cấp địa phương, thông qua một chiến dịch tập huấn, đào tạo cho cán bộ cấp tỉnh và tiến đến cho cán bộ các cấp huyện xã. Hiện nay, nâng cao năng lực đã và đang được quan tâm thực hiện trong các chính sách hiện hành cũng như trong các chương trình sắp tới. Bên cạnh các hoạt động của chính phủ, các hoạt động nâng cao năng lực về QLRRTT là trọng tâm của các chương trình viện trợ không hoàn lại, Liên Hợp Quốc, Hội Chữ thập đỏ và các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các chương trình, dự án. Cũng đã có được tiến bộ một phần đối với các lĩnh vực khác của việc phát triển năng lực liên quan đến khu vực chỉ số này, ví dụ như chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin, phát triển mạng lưới và các mối quan hệ chuyên nghiệp cũng như quá trình rộng lớn hơn và các kỹ năng kỹ thuật, chẳng hạn như kế toán, quản lý và tài chính, GIS và viễn thám, lồng ghép giới và tính nhạy cảm.

Để làm tốt nhiệm vụ cứu trợ, HCTĐ thường xuyên triển khai chương trình tập huấn cho cán bộ sơ cấp cứu và cứu hộ của Hội trên cả nước. . Trên thực tế, các cán bộ BCHPCLB hiện nay chủ yếu là kiêm nhiệm, do đó thời gian dành cho công tác PCLB cũng có phần hạn chế, bởi các cán bộ này đảm trách các công tác khác và nhu cầu đào tạo chủ yếu dành cho chuyên môn chính. Ngoài ra, chế độ đãi ngộ cho các cán bộ PCLB ở cấp địa phương còn rất hạn chế (lương, trang thiết bị, dự trữ các vật phẩm cho công tác cứu trợ, v.v...) . Nhu cầu về nâng cao năng lực trong các lĩnh vực cụ thể đã được xác định ở trên (trong mục Ưu tiên số 1). Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ nhiều hơn về tập huấn và nâng cao năng lực cho cộng đồng để tăng cường sự tham gia của cộng đồng (ngang bằng với các bên liên quan) trong các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ và phục hồi sau thiên tai.

Bên cạnh chương trình của Chính phủ, một số tổ chức quốc phi chính phủ quốc tế như: CARE, IFRC, Oxfam, ActionAid, Plan, DWF, Cứu trợ trẻ em, UNDP, UNICEF, UNESCO và Tầm nhìn thế giới đã triển khai các dự án về GNRRTT tại cấp cộng đồng, đặc biệt chú trọng vào nâng cao năng lực và khả năng tự phục hồi của cộng đồng (cũng như chính quyền địa phương) để có thể phòng ngừa và giảm thiểu tác động của thiên tai. Dự án NDRMP do WB tài trợ được thực hiện tại 12 tỉnh góp phần tăng cường năng lực trong các lĩnh vực trên. Mặc dù tính bền vững của các chương trình, dự án nâng cao năng lực này vẫn còn chưa cao do thiếu nguồn vốn tái hỗ trợ cho các hoạt động nâng cao năng lực về QLRRTT tại cấp địa phương. Nâng cao năng lực vẫn đang được ưu tiên đầu tư lớn, đặc biệt là ở các vùng có nguy cơ thảm họa cao. Dự án SCDM do UNDP hỗ trợ đang chuẩn bị triển khai một chương trình đào tạo chuyên sâu về quản lý rủi ro thiên tai cho các cán bộ tuyến tỉnh. Các kinh nghiệm và kết quả đó đang từng bước được kế thừa, liên kết và nhận rộng tại nhiều địa phương thông qua chương trình QLTTDVCĐ

Việc nâng cao năng lực về quy hoạch môi trường và quá trình ra quyết định đã nhận được quan tâm nhiều hơn. Một số lượng lớn các cán bộ chính phủ cấp trung ương và địa phương đã được đào tạo về phương pháp và các công cụ liên quan, bao gồm: ĐGTĐMT, ĐGMTCL, công cụ đánh giá đa tiêu chí, quản lý dự án môi trường, GIS và viễn thám. Các công cụ này sẽ đem lại hiệu quả cao nếu được áp dụng kết hợp với các nội dung của GNRRTT.

***d. Các phương pháp tiếp cận về công bằng xã hội và an sinh được lồng ghép vào các hoạt động giảm nhẹ rủi ro và phục hồi sau thiên tai***

Một trong những thách thức chính trong quản lý rủi ro thiên tai là để đảm bảo rằng những người dễ bị tổn thương nhất được bảo vệ từ những tổn tại hiện hữu và các rủi ro môi trường đang nổi lên, những người bị ảnh hưởng nhiều nhất có thể ứng phó được khi thiên tai đến và có các chương trình phục hồi. Thông thường, những người dễ bị tổn thương nhất thuộc nhóm kinh tế xã hội và địa lý thiểu số. Tập trung chú ý để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của các nhóm dễ bị tổn thương về kinh tế xã hội và khu vực địa lý bị tách biệt cần được đảm bảo thông qua việc giảm rủi ro và các kế hoạch, các chương trình phục hồi.

**Mức độ liên quan**

Mức độ của sự liên quan xem xét tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong đó dựa vào các nhân tố cụ thể được phân thảo trong phần này.

**3 – Tiên bộ đáng kể và liên tục: những nỗ lực đáng kể để hiện thực hóa các cam kết với chiến lược rõ ràng, xác định và có cam kết của các bên liên quan.**

**Câu hỏi hướng dẫn:**

Các chương trình có xem xét đến các rủi ro môi trường - xã hội của nhóm dễ bị tổn thương nhất và những nhóm ít bị tổn thương hơn?

Các biện pháp bảo vệ xã hội phù hợp/mạng lưới bảo vệ an toàn chống lại những hạn chế về kinh tế xã hội và chính trị đã được thực hiện đầy đủ?

**Mô tả**

Xác định những nỗ lực hoặc nhân mạnh yêu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư /hoặc chiến lược yêu cầu giảm rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã hoặc không đặt trọng tâm trên một nhân tố chính.

Những cộng đồng dân cư nghèo, dễ bị tổn thương lại phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển thấp trũng. Chính phủ đã và đang rất quan tâm đến các cộng đồng này, các chính sách, các biện pháp QLRRTT/GNRRTT cũng đều ưu tiên những vùng có nguy cơ thiên tai cao. Có sự tương quan giữa các vùng nguy cơ cao và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và GNRRTT.

Việt Nam thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, lũ và một số loại hình thiên tai khác, do đó cơ chế ứng phó đã được xây dựng rất tốt. Hơn 70% dân số Việt Nam sống tại các vùng nông thôn, nên cơ chế ứng phó cần đảm bảo mọi sự hỗ trợ cần thiết có thể đến được các cộng đồng dân cư ở các vùng sâu, vùng xa. Phương châm “4 tại chỗ” trong ứng phó khẩn cấp cùng với cơ chế huy động lực lượng quân đội trong các trường hợp ứng phó khẩn cấp đã đảm bảo công tác ứng phó, cứu trợ khẩn cấp ở các vùng sâu vùng xa đạt hiệu quả cao.

Một trong những điểm thuận lợi khác của một xã hội mà phần lớn dân số làm nghề nông là nền văn hóa có gắn kết cộng đồng rất chặt chẽ, quản lý xã hội và an sinh xã hội được hình thành từ lâu trong cộng đồng. Điều này có nghĩa là các nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương được ưu tiên trong quá trình

đưa ra quyết định của chính quyền địa phương với sự đồng thuận của cộng đồng cũng như được ưu tiên trong các hoạt động ứng phó khẩn cấp. Các tổ chức đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ đóng vai trò đặc biệt ở cấp cơ sở trong việc đảm bảo rằng các nhóm dễ bị tổn thương nhất sẽ được ưu tiên.

Các ví dụ về cách thức các cộng đồng dân cư và các nhóm dễ bị tổn thương được ưu tiên trong hoạt động ứng phó và lập kế hoạch QLRRTT bao gồm việc di dời những cộng đồng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, cụ thể như ở các khu vực dễ bị sạt lở hay lũ lụt (đã được nói đến trong báo cáo), tổ chức các lớp học bơi cho trẻ em ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các điểm trông giữ trẻ vào mùa nước lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, và chương trình làm nhà tình nghĩa cho người nghèo (Chương trình 167).

Việc huy động sự tham gia thực sự của các nhóm dễ bị tổn thương nhất trong công tác lập kế hoạch và quá trình ra quyết định vẫn còn nhiều hạn chế. Thực hiện Quyết định 1002 về QLRRTTDVCD sẽ thực hiện công tác đánh giá hiểm họa-TTDBTT-khả năng và QLRRTTDVCD trong đó chú trọng đến các nhóm dễ bị tổn thương và đây cũng sẽ là một ưu tiên của chính phủ Việt Nam trong các năm tiếp theo để đảm bảo rằng các nhóm dễ bị tổn thương và dân cư các vùng sâu vùng xa có tiếng nói nhiều hơn trong việc lập kế hoạch QLRRTT dựa vào cộng đồng, và từ đó chủ động và nhận được hỗ trợ tốt hơn trong các hoạt động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và phục hồi. Việt Nam đã và đang nỗ lực trong nghiên cứu, thực thi xây dựng được các dịch vụ bảo hiểm thí điểm, hệ thống an sinh xã hội và mạng lưới bảo trợ xã hội chính thức và hiệu quả, hỗ trợ các hộ nghèo và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội có cơ hội phục hồi sinh kế và thoát khỏi vòng luẩn quẩn nghèo đói, thảm họa thiên tai..

***e. Hợp tác, cộng tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội dân sự, khối tư nhân, và các tổ chức liên quan khác được củng cố ở tất cả các cấp***

Giảm rủi ro thiên tai hiệu quả đòi hỏi phải có sự tham gia của cộng đồng có hiệu quả. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia hiệu quả hơn là có thể tận dụng cơ chế đối phó hiện có và có hiệu quả tăng cường kiến thức và năng lực cộng đồng. Tương tự, quan hệ đối tác công-tư là một công cụ quan trọng để giảm rủi ro thiên tai. Các hiệp hội tự nguyện như vậy có thể liên quan đến các tổ chức công cộng như cơ quan chính phủ, chuyên nghiệp và /hoặc các tổ chức giáo dục và các tổ chức phi chính phủ, cùng với các tổ chức kinh doanh như các công ty, hiệp hội ngành công nghiệp và các tổ chức tư nhân. Quan hệ đối tác công-tư có thể cung cấp cơ hội để kết hợp các nguồn lực và chuyên môn để cùng tiến hành giảm thiểu rủi ro và tổn thất tiềm năng. Chúng có thể cải thiện khả năng phòng chống ứng phó và phục hồi của các cộng đồng.

**Mức độ liên quan**

Mức độ liên quan xem xét tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong đó dựa vào các nhân tố cụ thể được phân tích trong phần này.

2 – Một phần/một số phụ thuộc: Đã nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề; chiến lược/ khung hành động được xây dựng để giải quyết vấn đề này, tuy nhiên các hoạt động chưa được thực hiện một cách đầy đủ, có khoảng cách giữa chính sách và thực tế; không đạt được các thỏa thuận từ các bên liên quan chính.

**Câu hỏi hướng dẫn:**

Có xác định phương tiện và các nguồn để truyền đạt cho địa phương, kinh nghiệm hay kiến thức truyền thống của cộng đồng trong giảm rủi ro thiên tai? Nếu vậy, các hoạt động này có đang được

lồng ghép vào các kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa ở địa phương và quốc gia và các hoạt động khác theo một cách có ý nghĩa không?

### Mô tả

Nhận biết những nỗ lực hơn nữa hoặc nhấn mạnh được yêu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư / hoặc chiến lược yêu cầu giảm rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình '. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã làm hoặc không đạt trọng tâm trên một nhân tố chính.

Quá trình phân cấp quản lý đang diễn ra tích cực ở Việt Nam và nhu cầu có sự tham gia của cộng đồng và các nhóm nhất định trong công tác quản lý và quá trình đưa ra quyết định ở tất cả các cấp đang ngày càng được chú trọng. Điều này được thể hiện trong Quyết định 1002 về QLRRTDVCĐ, trong đó nhấn mạnh nhu cầu có các tiêu chí, cơ cấu tổ chức hiệu quả nhằm xác định các nhóm dễ bị tổn thương, đánh giá TTDBTT và năng lực cũng như sự tham gia hiệu quả của cộng đồng trong việc lập kế hoạch, quản lý và thực hiện (giám sát) các biện pháp GNRRTT/QLRRTT. Vẫn cần nỗ lực nhiều hơn nữa để cải thiện các quy trình này.

Như đã được đề cập xuyên suốt báo cáo này, vẫn còn nhiều khó khăn trước mắt như chưa có các phương pháp tiếp cận và công cụ chuẩn, năng lực còn hạn chế và thiếu nguồn nhân lực và tài chính. Tuy nhiên, Việt Nam đã đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ và Chính phủ hiện đã và đang thực hiện thông qua các chính sách quốc gia, các văn bản pháp quy mới ban hành và chương trình CBDRM và nhất là trong Dự thảo Luật phòng chống thiên tai.

Vai trò của xã hội dân sự đang được nhắc đến ngày càng nhiều và các tổ chức xã hội dân sự đang nhận được nhiều hơn sự công nhận của xã hội về năng lực và đóng góp của họ trong việc đảm bảo phát triển bền vững. Số lượng các tổ chức dân sự ngày càng tăng và năng lực của họ đang ngày càng được nâng cao để chịu trách nhiệm về các ưu tiên phát triển chính và các vấn đề về nhân quyền. Trong đó, mạng lưới các tổ chức xã hội, đoàn thể được xây dựng từ nhiều năm trước (như Mặt Trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân) tiếp tục thực hiện chức năng gần giống như chức năng của xã hội dân sự.

Những năm gần đây có sự tham gia rất tích cực của các tổ chức PCP trong lĩnh vực GNRRTT ở Việt Nam. Một số các nhóm công tác và vận động chính sách đã được hình thành như: Nhóm làm việc về quản lý thiên tai (DMWG), Nhóm công tác về biến đổi khí hậu (CCWG), Sáng kiến mạng lưới làm việc chung trong cứu trợ nhân đạo (JANI) (một dự án được hỗ trợ bởi DIPECHO vài năm trước đây). Các nhóm này đều có một diễn đàn để chia sẻ các bài học kinh nghiệm thực tế về QLRRTT và xây dựng phương pháp tiếp cận hệ thống hơn về vận động chính sách. Ngoài ra, Chính phủ đã chỉ đạo hàng năm tổ chức Diễn đàn quốc gia có sự tham gia của nhiều bên liên quan về GNRRTT, trong đó sẽ khuyến khích sự tham gia của các tổ chức và đơn vị chủ chốt của khối tư nhân. Hiện tại, khối tư nhân có tham gia vào GNRRTT nhưng không thường xuyên và chỉ ở một số hoạt động. Nhận thức được trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội, ngày càng có nhiều doanh nghiệp, công ty tư nhân lớn thành đạt trong sản xuất, kinh doanh đã tham gia tích cực vào các hoạt động cứu trợ khẩn cấp sau thiên tai – trong thực tế, đây có thể coi là hoạt động chủ yếu của khối tư nhân.

Sự tham gia của khối doanh nghiệp trong GNRRTT còn theo sự vụ. Một số công ty thành đạt thực hiện việc này như là một phần trách nhiệm xã hội doanh nghiệp của họ đã đóng góp và góp phần cho các hoạt động cứu trợ khẩn cấp để khắc phục hậu quả của thiên tai - trong thực tế đây có thể được coi là lĩnh vực chính mà khối doanh nghiệp tham gia. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn tham gia vào các lĩnh vực khác ví dụ, xây dựng lại nhà ở cho người nghèo được tài trợ bởi các công ty lớn và



phối hợp với Mặt trận Tổ quốc. Chú trọng và xây dựng quan hệ đối tác công- tư đang được Chính phủ quan tâm và đã tiến hành một số bước đi quan trọng, như việc kí Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ban Chỉ đạo phòng chống lụt trung ương với Phòng thương mại và công nghiệp Việt nam, cũng như thông qua nhiều hội thảo chuyên đề liên quan.

### **Bối cảnh về các nhân tố chính của tiến trình**

Bối cảnh về các nhân tố chính trong trường hợp có thể bao gồm: nguồn lực và năng lực thể chế, các nhà chính trị thành công trong giảm thiểu rủi ro thiên tai, xây dựng trường học, bệnh viện và cơ sở hạ tầng công cộng quan trọng an toàn, chiến lược phục, thể chế hóa các cơ chế giảm rủi ro thiên tai trong các chương trình và chính sách phát triển quốc gia.

Vui lòng chỉ rõ nếu có các nhân tố khác hoặc bối cảnh cụ thể hơn mà bạn đã căn cứ vào để đạt được các mục tiêu ở các cấp độ quốc gia, khu vực.

### **Mức độ liên quan**

Mức độ liên quan xem xét đến tiến độ của quốc gia đang thực hiện HFA, trong đó dựa vào các nhân tố cụ thể được phân thảo trong phần này.

3 –Mức độ liên quan cao và đầy đủ: đã có những nỗ lực lớn nhằm triển khai các cam kết trên thực tế với những chính sách thống nhất, đã xác định các bên liên quan tham gia giải quyết vấn đề này.

### **Mô tả**

Nhận biết những nỗ lực hơn nữa hoặc nhấn mạnh yêu cầu trong những năm tới và dự đoán các loại hình đầu tư/hoặc chiến lược yêu cầu giảm rủi ro thiên tai và nỗ lực phục hồi có liên quan đến các nhân tố chính của tiến trình'. Đây cũng là một cơ hội để giải thích lý do tại sao kết quả một mục đích cụ thể đã làm hoặc không đạt trọng tâm trên nhân tố chính.

Có một số nhân tố kinh tế, xã hội, môi trường và pháp lý/thể chế đáng kể theo ngữ cảnh:

Việt Nam được xác nhận là một trong những quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng nhiều nhất và nặng nề nhất bởi BĐKH và nước biển dâng, tác động đến hàng chục triệu người đang sống ở các khu vực duyên hải và đồng bằng. Mực nước biển dâng cao được dự báo sẽ gây ra những thách thức nghiêm trọng do thủy triều dâng và gây ngập lụt trên một diện tích rộng đặc biệt là đồng bằng sông Cửu Long, các vấn đề liên quan đến xâm nhập mặn. Các kịch bản BĐKH dự báo sẽ có các tác động khác nhau đến các vùng thiên tai khác nhau, với lượng mưa lớn hơn và cường độ bão ngày càng tăng diễn ra với tần suất cao hơn, đồng thời với tình trạng hạn hán kéo dài hơn ở các khu vực nhất định như vùng núi phía bắc và vùng duyên hải Nam Trung bộ, một khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán.

Hiện tại, Việt Nam đang phải gánh chịu thiệt hại kinh tế xấp xỉ mức 1 -1.2% GDP hàng năm Các chi phí cho việc khắc phục hậu quả thiên tai có thể tăng lên do thiên tai bất thường và quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, các chi phí cho việc tái xây dựng sau thiên tai, các khó khăn và rào cản đối với sự phát triển kinh tế bền vững và những mối liên hệ đến BĐKH là những yếu tố thúc đẩy Việt Nam cần phải đặt vấn đề GNRRTT và QLRRTT như một ưu tiên quốc gia.

Bên cạnh các động lực về kinh tế là các động lực xã hội của một nền kinh tế đang phát triển với khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Những nhóm cư dân nghèo và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội là những đối tượng bị tác động nặng nề nhất bởi thiên tai. Tăng trưởng kinh tế đã giúp đất nước giảm đáng kể tỉ lệ nghèo đói trong vòng một thập kỉ qua.. Tuy nhiên, những kết quả đạt được

trong công cuộc giảm nghèo có thể sẽ bị kéo lùi do tác động của thiên tai, , mất an ninh lương thực, sự phụ thuộc và thiếu cơ hội thoát khỏi vòng luẩn quẩn của đói nghèo hay ngăn chặn những tác động tiêu cực phát sinh do tái nghèo.

Từ năm 2005, Việt Nam đã kí kết Hiệp định AADMER. Đây là một văn bản ràng buộc về pháp lý trong đó Chính phủ Việt Nam cam kết tham gia xây dựng một cơ chế hiệu quả để giảm thiểu những thiệt hại do thiên tai gây ra, gồm thiệt hại về người, tài sản, môi trường, KT-XH và cùng phối hợp ứng phó các tình trạng thảm họa khẩn cấp thông qua những nỗ lực mạnh mẽ của từng quốc gia và tăng cường sự hợp tác quốc tế và trong khu vực. Đây cũng nên là một mục tiêu cần phấn đấu trong lĩnh vực phát triển bền vững. Do đó, các nội dung trên đã tạo một động lực thúc đẩy về pháp lý và thể chế cho việc thực hiện các mục tiêu và ưu tiên của HFA.

Việc phân cấp quản lý và chú trọng đến hoạt động QLRRTT dựa vào cộng đồng đang được triển khai có thể xem như một cơ chế quan trọng thúc đẩy các tiến triển trong việc đạt được các ưu tiên HFA, ví dụ như bản đồ phân vùng rủi ro/thiên tai, cách tiếp cận có sự lồng ghép và ưu tiên các nhóm dễ bị tổn thương. Việc xây dựng Luật Quản lý thiên tai trong đó đề cập đến tất cả các loại hình thiên tai, kiến toàn bộ máy quản lí theo hướng thống nhất và chuyên nghiệp, luật hóa các cam kết quốc tế sẽ giúp tăng cường năng lực, cơ chế phối hợp về mặt thể chế và sự lồng ghép, xác định ưu tiên các mục tiêu HFA trong khuôn khổ phương pháp tiếp cận của Việt Nam về phát triển bền vững.

## PHẦN 9: TẦM NHÌN TƯƠNG LAI

### Tầm nhìn tương lai: Định nghĩa và tầm quan trọng

Điều quan trọng là nhắc lại tầm quan trọng của việc thực hiện các hành động giảm thiểu rủi ro thiên tai để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Mục tiêu của phần này gồm 2 ý. Thứ nhất là, để phác thảo những thách thức tổng thể trong việc thực hiện các hành động quốc gia và địa phương giảm nguy cơ thảm họa. Thứ hai, đánh giá lại các ưu tiên hiện nay để cung cấp một báo cáo về triển vọng tương lai của đất nước liên quan đến mục tiêu giảm rủi ro thiên tai quốc gia.

**“Thách thức chung”:** thể hiện các thách thức chung trong việc đạt được các ưu tiên hiện nay được liệt kê trong những mục tiêu chiến lược, trong phần đầu tiên.

Đây có thể được tổng hợp từ những thách thức gặp phải trong việc thực hiện các hành động ưu tiên của HFA. Những thách thức thường sẽ đề cập đến nhu cầu trong tổng thể hệ thống và những hạn chế như năng lực, cơ cấu thể chế và các ưu tiên, và ý chí chính trị.

**Các tuyên bố ‘tầm nhìn tương lai’:** Trong khi tuyên bố mục tiêu chiến lược đã nhấn mạnh ưu tiên hiện nay của một quốc gia, tuyên bố triển vọng tương lai nên phản ánh đánh giá lại các ưu tiên hiện nay trong bối cảnh những thách thức được nêu trong suốt các phần trước.

Đánh giá lại này được thiết kế để khuyến khích suy nghĩ về vị trí và định hướng tương lai trong chiến lược quốc gia về giảm rủi ro thiên tai. Tập trung vào các chương trình quản lý rủi ro thiên tai quan trọng để thực hiện các ưu tiên phát triển ở các địa phương, khu vực và quốc gia. Phần này cũng có thể gồm các kiến nghị cho các hành động tiếp theo sẽ được thảo luận giữa các đối tác ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

### Hướng dẫn cho phần này

- A. Mục tiêu của phần này là để phác thảo những thách thức tổng thể gặp phải trong việc thực hiện các hoạt động giảm thiểu rủi ro quốc gia và địa phương, đánh giá lại ưu tiên hiện

nay để đưa ra một tuyên bố về triển vọng tương lai của đất nước liên quan đến mục tiêu giảm nguy cơ thảm họa quốc gia.

Mô tả thách thức tổng thể trong việc đạt được các ưu tiên hiện nay được liệt kê trong ba mục tiêu chiến lược như được phản ánh trong phần đầu tiên.

- B. **Tập trung vào tầm quan trọng** của giảm thiểu rủi ro thiên tai để các địa phương, quốc gia và khu vực ưu tiên phát triển và đưa ra một 'tuyên bố triển vọng tương lai tóm tắt định hướng trong tương lai sẽ được thông qua bởi các mục tiêu giảm thảm họa quốc gia.
- C. Phần này có ba tiêu mục sẽ được điền vào, tương ứng với 3 mục tiêu chiến lược của HFA.

## Tiêu mục

### *Nhóm tầm nhìn 1*

Tăng cường lồng ghép các chương trình, chính sách quản lý thiên tai vào các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển bền vững ở tất cả các cấp với sự quan tâm đặc biệt vào phòng chống, giảm nhẹ, ứng phó và giảm tình trạng dễ bị tổn thương

### **Những thách thức chung**

Phối hợp liên ngành để xây dựng và thực hiện kế hoạch vẫn là một lĩnh vực cần nhiều nỗ lực hơn nữa. Điều này không chỉ quan trọng đối với GNRRTT nhưng lớn hơn là cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Cần phải cải thiện việc phối hợp liên ngành để tránh xung đột trong các kế hoạch, kết hợp tính hiệu quả của các kế hoạch khác nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương hoặc thông qua quá trình tích lũy hiệu quả thực sự để giảm các tác động của nguy cơ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương. Ngoài ra còn có nhu cầu về một cách tiếp cận chặt chẽ hơn, tích hợp, cấu trúc và toàn diện đối với quy hoạch quản lý RRTT để đối phó với các mối nguy hiểm cụ thể như lũ lụt..

Tất cả các Bộ, ngành cũng như các tỉnh hiện đang thực hiện KHPT cho 5 năm (giai đoạn 2011-2015) và ở cấp độ ngành, các quy hoạch tổng thể giai đoạn 2011-2020 trong 10 năm tới cũng đang được thực hiện Đây là một cơ hội vô cùng quan trọng để các vấn đề về GNRRTT được xem xét, lồng ghép thực hiện.. Việc chỉ ra phạm vi/mức độ cụ thể mà các nội dung về GNRRTT và việc lồng ghép để thực hiện là một nhiệm vụ khó khăn; tuy nhiên, trong một số các chính sách phát triển KT-XH của tỉnh và các kế hoạch ngành các nội dung về GNRRTT đã được lồng ghép ở một mức độ nhất định.

Ở 63 tỉnh, thành phố và hầu hết các Bộ, ngành đều đã xây dựng KHHĐ triển khai CLQG GNTTCác thách thức khác được đề cập là cần phải có đủ nguồn nhân lực và tài lực để thực hiện các kế hoạch cũng như đảm bảo cung cấp đầy đủ các hỗ trợ đến người dân. Đặc biệt, cần bố trí một khoản kinh phí thích đáng cho việc thực thi các biện pháp phi công trình, đặc biệt là các chương trình xây dựng năng lực. Cơ cấu quản lý, cán bộ làm công tác quản lý rủi ro thiên tai bất cập, kiêm nhiệm. Việc kiện toàn Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực sau khi Luật Phòng chống thiên tai được phê chuẩn sẽ tạo ra tính thống nhất và sự chuyên nghiệp hóa cao hơn, qua đó thúc đẩy về chiều sâu công tác quản lý rủi ro, trong đó có việc lồng ghép GNRRTT vào các quá trình lập kế hoạch.

Sự thay đổi và dịch chuyển nhân khẩu từ nông thôn ra thành thị, ven đô tạo ra yêu cầu và áp lực cũng như sự quan tâm quản lý rủi ro cao hơn tại các khu vực đô thị.

## Tuyên bố tầm nhìn tương lai

Có một nhu cầu cấp bách để lồng ghép các biện pháp GNRRTT trong tất cả các lĩnh vực do những áp lực về biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng ra tăng cả về tần suất và mức độ, tăng sự chênh lệch về kinh tế và tăng trưởng dân số. Các biện pháp GNRRTT cả công trình và phi công trình đã có tại kế hoạch quốc gia, kế hoạch của tỉnh và khu vực, các chương trình ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có đánh giá toàn diện việc thực hiện để xem liệu GNRRTT đã được lồng ghép vào các kế hoạch ở cấp quốc gia và địa phương hay chưa. Đây được xem là một phương pháp tiếp cận từ dưới lên rất cần thiết, theo đó việc lồng ghép GNRRTT vào các kế hoạch ở cấp thấp hơn được phản ánh và phát triển ở cấp cao hơn..

Các văn bản pháp luật liên quan đến các vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai hiện đang nằm rải rác ở nhiều nơi khác nhau và cần được kết hợp và củng cố thành một tài liệu thống nhất. Việc Luật PC thiên tai được thông qua là một văn bản pháp luật tổng thể và toàn diện qua đó phối hợp và lồng ghép GNRRTT trong tất cả các lĩnh vực.

Việc thực hiện chương trình QLRRTTDVCD của Chính phủ Việt Nam sẽ cải thiện quá trình lập kế hoạch quản lý rủi ro lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp địa phương. Thông qua các hoạt động của Chương trình này, nhận thức được nâng cao, quá trình thu thập thông tin rủi ro cơ bản và dữ liệu về tình trạng dễ bị tổn thương cũng như cách tiếp cận lồng ghép để quy hoạch QLRRTT được thực hiện và cải thiện.

## Nhóm tầm nhìn 2

Xây dựng và củng cố thể chế, cơ chế và nâng cao năng lực các cấp đặc biệt là cấp cộng đồng nhằm xây dựng cộng đồng thích ứng với thiên tai một cách có hệ thống

### Thách thức

Trong thực tế, vẫn tồn tại những thách thức nhất định về mặt thể chế trong việc xây dựng và triển khai các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, dự án, chương trình và hoạt động về quản lý RRTT. Ở Việt Nam thiên tai chủ yếu liên quan đến nước. Trong khi đó, quản lý nhà nước về tài nguyên nước, thủy lợi vẫn còn sự chông chéo và thiếu thống nhất. Các hoạt động về GNRRTT và BDKH vẫn còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ, rất cần những quy định có tính pháp lý ràng buộc cao hơn cũng như thực thi các hoạt động chia sẻ thông tin, đối thoại để kết hợp giữa hai hoạt động này.

Năng lực cấp địa phương thành thị / cần phát triển hơn nữa nguồn nhân lực giành cho GNRRTT, đặc biệt là tại Bộ Bô và các Sở Xây dựng.

Nhu cầu cải thiện các hạn chế về năng lực đã được nhấn mạnh nhiều lần xuyên suốt báo cáo này (cũng như trong báo cáo năm 2010). Trong các lĩnh vực như thu thập và trình bày các dữ liệu về TTDBTT và rủi ro thiên tai cũng như lập kế hoạch QLRRTT, cần xây dựng và đạt được sự đồng thuận về các công cụ chuẩn (ví dụ như VCA, CBDRM và DANA); các chương trình và tài liệu đào tạo đã được xây dựng tuy nhiên vẫn cần tiếp tục có sự cập nhật, điều chỉnh theo đúng các yêu cầu và các khóa học, năng lực và tiêu chuẩn được chính thức hóa và áp dụng cho các cán bộ nhà nước ở tất cả các cấp cùng với việc xây dựng, triển khai chương trình QLRRTTDVCD. Để thực hiện một chương trình QLRRTTDVCD hiệu quả sẽ cần nâng cao năng lực của cộng đồng trong việc tham gia hiệu quả vào cả quá trình thông qua việc thành lập các tổ chức và hoạt động đào tạo đã được công nhận có sự tham gia của cộng đồng. Sự tham gia và có tiếng nói có trọng lượng của các nhóm dễ bị

tôn trọng và sự tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể trong quá trình ra quyết định cần được tiến hành đồng thời với việc nâng cao hiệu quả cung cấp các dịch vụ công để có thể lồng ghép các kế hoạch dựa vào cộng đồng vào các khung xây dựng kế hoạch của ngành và chính sách phát triển KT-XH.

Chính phủ Việt nam đã thực hiện và đánh giá 5 năm giai đoạn đầu việc thực hiện Chiến lược quốc gia đến năm 2020, cho thấy các cấp địa phương đã cơ bản đã tổ chức thực hiện, nhưng ở nhiều mức độ khác nhau. Do vậy, ngoài việc tính toán lại nguồn lực để thực thi chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia cần tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực thực thi chiến lược.

Cuối cùng, cần phải cung cấp đủ và huy động nguồn lực tài chính để thực hiện tất cả những , tránh sự chông chéo và thiếu sự phối hợp và lồng ghép của Kế hoạch hành động về GNRRTT và TUBĐKH giữa cấp Bộ và cấp Tỉnh.

### **Tuyên bố tầm nhìn tương lai**

**Luật PCTT** đề cập đến cơ chế phối hợp và các cơ cấu thể chế trong đó có lồng ghép nội dung BDKH và GNRRTT. Luật PCTT cũng quy định về việc thành lập một cơ quan chuyên trách về PCTT trực thuộc Bộ NN&PTNT. Cơ chế này sẽ tạo thuận lợi lớn cho việc điều phối và đảm bảo rằng các vấn đề rủi ro thiên tai được lồng ghép tốt hơn cũng như tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch liên ngành và xây dựng phương pháp tiếp cận toàn diện trong việc lập kế hoạch QLRRTT. Việc hình thành cơ cấu tổ chức quản lý thiên tai thống nhất và chuyên nghiệp sẽ tạo lập được cơ quan có trách nhiệm và đầy đủ chức năng để xác định các nguồn tài chính cụ thể cho GNRRTT và phân bổ ngân sách khoa học hơn. Việc hình thành cơ cấu tổ chức quản lý thiên tai thông nhất và chuyên nghiệp có thể giúp xác định chính xác nguồn ngân sách cho các biện pháp khác nhau (công trình và phi công trình) và các hoạt động khác (nâng cao nhận thức, xây dựng, nâng cao năng lực, giám sát).

Thúc đẩy các hoạt động diễn đàn quốc gia với nhiều bên liên quan về GNRRTT và TUBĐKH trong khuôn khổ chương trình hoạt động hằng năm của Ủy ban Biến đổi khí hậu quốc gia sẽ tạo điều kiện để các cơ quan liên quan của Chính phủ Việt Nam, CSO bao gồm cả khu vực tư nhân có điều kiện thuận lợi cho đối thoại chính sách, phát triển các phương pháp tiếp cận chiến lược, phối hợp các bên liên quan, hài hoà viện trợ và phân bổ hiệu quả các nguồn lực tài chính, chia sẻ bài học và cải thiện hiệu suất hoạt động tổng thể của các tổ chức của các bên liên quan.

Tiếp tục thực hiện chương trình QLRRTTĐVCD theo kế hoạch và mục tiêu đối với 6.000 xã để tăng cường năng lực và sự chủ động của cộng đồng

Các mạng lưới không chính thức của DMWG, CCWG, JANI, Nhóm công tác kỹ thuật CBDRM và Liên Hợp Quốc về DRMT cần phải tìm cách để đảm bảo sự gắn kết tốt hơn và bổ sung tính khả thi và thiết thực của các hoạt động..

### **Nhóm tầm nhìn 3**

Lồng ghép một cách có hệ thống phương pháp giảm nhẹ thiên tai vào thiết kế, triển khai các chương trình ứng phó khẩn cấp, ứng phó và phục hồi trong quá trình xây dựng lại các cộng đồng bị ảnh hưởng

### **Thách thức**

Các cơ quan của chính phủ và phi Chính phủ Việt Nam đang bắt đầu xem xét và tiến hành các hoạt động kết hợp có hệ thống các phương pháp tiếp cận giảm thiểu rủi ro vào chuẩn bị, ứng phó và phục hồi khẩn cấp. Thiên tai xảy ra ngày càng gia tăng về tần suất và cường độ cũng như mức độ nghiêm trọng của thiên tai, kết hợp với sự gia tăng dân số nhanh chóng và tăng trưởng kinh tế, với các thành phố và thị trấn đặc biệt với nhiều tài sản vật chất của giá trị kinh tế lớn hơn, điều này có nghĩa rằng trong thực tế các chi phí cho ứng phó và phục hồi, tái thiết sau thiên tai ngày càng tăng. Thách thức nằm ở chỗ là làm thế nào có thể huy động các nguồn lực tài chính và nhanh chóng để nền kinh tế vẫn trên con đường tăng trưởng và phát triển bền vững

Mối liên kết giữa ứng phó và phục hồi sớm được tăng cường và UNDP (với nhiệm vụ của mình để phục hồi sớm (theo các hệ thống cụm IASC) đã thúc đẩy sự phát triển của một mạng lưới phục hồi sớm của tất cả các lĩnh vực trong kết quả bước đầu của kế hoạch ứng phó thiên tai.

Hiện tại, sau mỗi trận thiên tai, chính quyền Trung ương cũng như cấp tỉnh duy trì việc phân bổ một nguồn kinh phí dự phòng tương đương 2 - 5% ngân sách để có thể sử dụng trong các trường hợp khẩn cấp. Nguồn kinh phí này có thể đủ cho các hoạt động ứng phó khẩn cấp nhưng chưa đủ đáp ứng cho các hoạt động phục hồi và tái thiết. Do vậy có thể dẫn đến một sự chậm trễ kéo dài trong tái thiết. Điều này cũng có nghĩa là hiện tại vẫn còn thiếu các cơ chế bảo vệ về mặt xã hội cho người dân cũng như khôi phục hoạt động sinh kế, kinh doanh vừa và nhỏ cho cộng đồng dân cư và doanh nghiệp bị thiệt hại bởi thiên tai.

Hiện cũng có rất ít các dịch vụ bảo hiểm rủi ro thiên tai trên thị trường và người dân chưa hình thành thói quen mua bảo hiểm. Do vậy rất cần xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ hơn giữa khối nhà nước và khối tư nhân để hỗ trợ tốt hơn việc phục hồi và tái xây dựng cho cộng đồng dân cư sau khi thiên tai xảy ra.

Hiện tại còn thiếu một khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tái thiết sau thiên tai. Việc tuân thủ các quy chuẩn xây dựng hiện hành cũng chưa được nghiêm dẫn đến các tiêu chuẩn quốc tế và các nguyên tắc tái thiết có khả năng chống chịu với thiên tai tốt hơn vẫn chưa được áp dụng triệt để. Bên cạnh đó, với nguồn vốn hạn chế dành cho giai đoạn tái thiết, các quyết định đầu tư thường khá dàn trải và dựa trên nhu cầu trước mắt nhằm nhanh chóng khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu, trong khi thiếu sự giám sát chặt chẽ, sự tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo cho công trình đủ khả năng chịu đựng được với bão, lũ trong tương lai. Mặt khác trình độ nhận thức của người dân về các tiêu chuẩn an toàn còn thấp và thậm chí khi đã có các hướng dẫn và văn bản pháp quy, các cơ quan có liên quan vẫn gặp phải những khó khăn trong việc giám sát và thực thi các quy định và tiêu chuẩn này (bao gồm cả việc đầu tư nhiều hơn).

Nhìn chung, vẫn chưa có đủ nguồn lực dành cho các chương trình phục hồi sinh kế sau thiên tai. Thậm chí ngay cả khi đã có đủ nguồn lực, vẫn còn thiếu các hoạt động tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng về những lựa chọn phục hồi phù hợp và các vấn đề về giới còn chưa được quan tâm thỏa đáng trong công tác ứng phó, phục hồi và tái xây dựng.

### **Tuyên bố tầm nhìn tương lai**

Việc thực hiện chính sách quốc gia sẽ cần thêm các nguồn đầu tư để đảm bảo rằng những cộng đồng bị thiệt hại được xây dựng lại với khả năng chống chịu với thiên tai tốt hơn trong tương lai. Do đó cần có một phương pháp tiếp cận hệ thống hơn đối với hoạt động phục hồi và tái thiết. Để thực hiện được yêu cầu trên, cần phải tiến hành một cải cách khá triệt để về phương thức cung cấp tài chính

hiện hành cho các hoạt động phục hồi và tái thiết. Chính phủ Việt Nam hiện đang nghiên cứu, xem xét một số lựa chọn cung cấp tài chính giảm nhẹ rủi ro thiên tai nhằm xây dựng một mô hình, cơ chế tài chính linh hoạt hơn tạo điều kiện cho việc tiếp cận với các nguồn quỹ phục hồi và tái thiết một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Với nguồn lực tài chính dồi dào hơn sẽ tạo điều kiện cho Chính phủ Việt Nam có cách tiếp cận chiến lược và xây dựng tầm nhìn dài hạn hơn cho hoạt động phục hồi và tái thiết.

Việc cải tiến các công cụ đánh giá nhu cầu và thiệt hại (gần đây được xem xét và cải thiện) sau thiên tai góp phần xác định chính xác hơn chi phí cần thiết cho phục hồi và tái thiết. Những công cụ này cũng sẽ bao gồm các định mức chi tiêu đã được chuẩn hóa. Do vậy, trong tương lai việc phân bổ các nguồn vốn phục hồi và tái thiết sẽ trở nên hiệu quả hơn.

Cần phải xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy, hướng dẫn, tiêu chuẩn và các quy định áp dụng đối với hoạt động phục hồi, tái thiết phù hợp cho từng vùng thiên tai của Việt Nam. Bộ XD đã thông qua và phổ biến một số mô hình xây dựng có khả năng chống chịu với thiên tai, song việc triển khai các kế hoạch tiếp theo vẫn cần được xem là một ưu tiên.

Trong tương lai, mối quan hệ đối tác công - tư là hết sức cần thiết nhằm giảm bớt áp lực tài chính của Nhà nước đối với công tác phục hồi và tái thiết sau thiên tai. Đây sẽ là một nội dung quan trọng cần tìm hiểu kỹ hơn và sẽ là một chủ đề chính để thảo luận tại Diễn đàn Quốc gia giảm nhẹ thiên tai đang được đề xuất thành lập trong thời gian tới.

## PHẦN 10: CÁC BÊN LIÊN QUAN

- A. Mục tiêu của phần này là để nắm bắt được sự tham gia của các bên liên quan của tiến trình.
- B. Bao gồm tất cả các cơ quan / tổ chức đã đóng góp vào báo cáo / hoặc tham gia trong quá trình xem xét.
- C. Tên của các cơ quan / tổ chức sẽ được nêu trong báo cáo thay cho sự ghi nhận những đóng góp của các cơ quan / tổ chức này.

### Các bên liên quan tại quốc gia

Tên tổ chức	Cục tìm kiếm cứu nạn- Ủy ban quốc gia về tìm kiếm cứu nạn- Bộ Quốc Phòng
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Cục trưởng

Tên tổ chức	Vụ khoa học và công nghệ- Bộ Giáo dục và đào tạo
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Phó vụ trưởng

Tên tổ chức	Vụ kinh tế nông thôn- Bộ kế hoạch và đầu tư
-------------	---

Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Phó vụ trưởng

Tên tổ chức	Cục thông tin và truyền thông- Bộ thông tin và truyền thông
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Quan chức cấp cao

Tên tổ chức	Vụ khoa học công nghệ-Bộ xây dựng
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Vụ trưởng

Tên tổ chức	Vụ ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn-Bộ Y tế
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Vụ trưởng

Tên tổ chức	Vụ ứng phó khẩn cấp-Bộ lao động, thương binh và xã hội
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Vụ trưởng

Tên tổ chức	Viện vật lý toàn cầu
Loại hình tổ chức	Viện, học viện
Đầu mối	Phó Viện trưởng

Tên tổ chức	Vụ khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu-Bộ tài nguyên và môi trường
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Vụ trưởng

Tên tổ chức	Ban công tác xã hội và quản lý thảm họa-Hội chữ thập đỏ Việt Nam
Loại hình tổ chức	Tổ chức nhân dân-xã hội dân sự
Đầu mối	Phó trưởng ban

Tên tổ chức	Tổng cục Thống kê
-------------	-------------------



Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Quan chức cấp cao

Tên tổ chức	UNDP Cơ quan phát triển Liên Hợp Quốc
Loại hình tổ chức	Các cơ quan Liên Hợp Quốc
Đầu mối	Giám đốc quốc gia

Tên tổ chức	UNICEF Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc
Loại hình tổ chức	Các cơ quan Liên Hợp Quốc
Đầu mối	Giám đốc quốc gia

**2. Các bên liên quan cấp tỉnh (ví dụ từ 9 tỉnh trong số 63 tỉnh bao gồm: Thái Bình, Lào Cai, Cao Bằng, Quảng Trị, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Cần Thơ, An Giang)**

Tên tổ chức	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Chánh văn phòng

Tên tổ chức	Sở tài nguyên và môi trường
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Sở kế hoạch và đầu tư
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Sở xây dựng
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Sở tài chính
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Phó giám đốc/Trưởng phòng

Tên tổ chức	Sở giáo dục và đào tạo
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Phó giám đốc/Trưởng phòng

Tên tổ chức	Sở lao động, thương binh và xã hội
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Sở Y tế
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Sở thông tin và truyền thông
Loại hình tổ chức	Chính phủ
Đầu mối	Giám đốc/Phó giám đốc

Tên tổ chức	Hội chữ thập đỏ các tỉnh
Loại hình tổ chức	Tổ chức nhân dân
Đầu mối	Trưởng phòng công tác xã hội

Tên tổ chức	Đoàn thanh niên
Loại hình tổ chức	Tổ chức nhân dân
Đầu mối	Chủ tịch/Phó chủ tịch

Tên tổ chức	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
Loại hình tổ chức	Tổ chức nhân dân
Đầu mối	Chủ tịch/Phó chủ tịch

Tên tổ chức	Mặt trận Tổ quốc
Loại hình tổ chức	Tổ chức quần chúng
Đầu mối	Chủ tịch/Phó chủ tịch